|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNHUYỆN QUỲNH LƯU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /BC-UBND | *Quỳnh Lưu, ngàytháng 12 năm2021* |

Dự thảo

**BÁO CÁO**

**Kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020****của huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An**

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới luôn được các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở Quỳnh Lưuquan tâm chỉ đạo, vận động, triển khai thực hiện; được đông đảo các tầng lớp nhân dân đồng tình hưởng ứng và đã đạt được nhiều kết quả phấn khởi: Diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước được hiện đại. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, dân sinh, giáo dục, đào tạo, y tế, phòng chống thiên tai được quan tâm đầu tư, nhiều tuyến đường, công trình giao thông, thủy lợi được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới; Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, thu nhập, giá trị tăng thêm bình quân đầu người tăng nhanh. Chất lượng cuộc sống, điều kiện vệ sinh môi trường, nước sạch, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực; Chất lượng, giáo dục đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân không ngừng được cải thiện; An ninh trật tự được giữ vững, hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố và tăng cường.Quỳnh Lưu đang đổi thay từng ngày, tạo nên sức sống mới, diện mạo mới,trở thành một miền quê trù phú, một miền quê đáng sống.

**Phần thứ nhất**

**ĐẶC ĐIỂM CHUNG**

**I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIỆN, KINH TẾ - XÃ HỘI**

 Quỳnh Lưu là một huyện ven biển, nằm ở phía Đông Bắccủa tỉnh Nghệ An; phía nam giáp Diễn Châu, phía tây giáp huyện Nghĩa Đàn, huyện Yên Thành và huyện Quỳ Hợp, phía bắc giáp Thị xã Hoàng Mai và huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, phía đông giáp Biển Đông.

Có nhiều tuyến giao thông quan trọng chạy qua địa bàn như: Quốc lộ 1A, tuyến đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 48, Quốc lộ 48B, Quốc lộ 48D, Quốc lộ 48E, tỉnh lộ 537A, tỉnh lộ 537AB, tỉnh lộ 537D, tỉnh lộ 538, ngoài ra có 02 tuyến đường đang thi công gồm: Cao tốc Bắc Nam và Quốc lộ ven biển; Có19,5 km bờ biển, có 2 cảng cá chuyên dụng gồm Cảng cá Lạch Quèn tại xã Quỳnh Thuận, Tiến Thủy, công suất đón tàu 500 chỗ ) và cảng cá Lạch Thơi tại xã Quỳnh Nghĩa, công suất đón tàu 300 chỗ; có khu du lịch Biển Quỳnh, nhiều vùng thị tứ đang hình thành và phát triển...là một huyện có vị trí địa lý thuận lợi cho giao lưu phát triển kinh tế - xã hội, nằm trong vùng trọng điểm về sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế trọng điểm của tỉnh Nghệ An.

Huyện có 33 đơn vị hành chính, gồm 32 xã và 01 thị trấn (thị trấn Cầu Giát); có diện tích đất tự nhiên 346,01 km2, dân số222.969 người (diện tích chiếm 2,01%, dân số chiếm 6,7% tỉnh Nghệ An).

 Huyện nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, mang tính chuyển tiếp của khí hậu Miền Bắc và Miền Trung, nóng ẩm về mùa hạ và mùa thu, thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, bão lụt và những diễn biến thời tiết khắc nghiệt khác nên rất khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

*- Địa hình:* Địa hình đa dạng, có hướng thấp dần từ Tây sang Đông và có thể chia thành 3 vùng lớn là vùng bán sơn địa, vùng đồng bằng và vùng ven biển. Vùng bán sơn địa ở phía Tây và Tây Bắc của huyện có nhiều đồi núi cao, địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn; có những vùng đồng bằng phù sa xen kẽ tương đối rộng, với diện tích đất tự nhiên khoảng 18.083 ha, chiếm 52% so với tổng diện tích của cả huyện. Vùng đồng bằng bao gồm khu vực trung tâm và phía Đông, Đông Nam của huyện, địa hình tương đối bằng phẳng, chỉ có ít đồi núi thấp xen kẽ độc lập, độ cao so với mực nước biển từ 0,6 - 5,0 m, với diện tích tự nhiên khoảng 16.686 ha, chiếm 48% so với diện tích của cả huyện.

*- Tài nguyên:* Bao gồm tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển, tài nguyên khoáng sản. Diện tích đất tự nhiên toàn huyện là 347,7 km2; Có 9 nhóm đất khác nhau: Đất cồn cát trắng, Đất cát cũ ven biển, Đất phù sa không được bồi, chua không Glây hoặc Glây yếu, Đất phù sa cũ có nhiều sản phẩm Feralit, Đất mặn, Đất Feralit biến đổi do trồng lúa, Đất dốc tụ, Đất Feralit vàng đỏ vùng đồi, Đất Feralit xói mòn trơ sỏi đá. Toàn huyện có8.625,23 harừng,chiếm 24,97% diện tích tự nhiên (rừng phòng hộ 4.909,23 ha, rừng sản xuất 2.941,1 ha). Rừng tập trung chủ yếu ở các vùng bán sơn địa, cây rừng chủ yếu là thông, keo, bạch đàn... rừng ngập mặn ở các xã ven biển để chắn sóng, chắn gió và rừng phi lao để chắn cát.

Huyện có 19,5 km bờ biển, gồm 9 xã ven biển: Quỳnh Bảng, Quỳnh Lương, Quỳnh Minh, Quỳnh Nghĩa, Tiến Thủy, Sơn Hải, Quỳnh Thọ, Quỳnh Thuận, Quỳnh Long. Tài nguyên biển ở đây đa dạng phong phú về số loài như mực, tôm, sò, ngao, sản lượng thủy hải sản khai thác hàng năm từ 60-65.000 tấn (chiếm gần 50% sản lượng khai thác hải sản toàn tỉnh), trong giai đoạn từ 2012-2021, trung bình mỗi năm tăng từ 10-15%.Sản lượng nuôi trồng thủy sản hàng năm đạt từ 9.000-10.000 tấn.

 *- Dân số - Lao động:* Quỳnh Lưu là huyện có dân số đông gần 28 vạn người, số người trong độ tuổi lao động trên 167 ngàn lao động. Quỳnh Lưu có lực lượng lao động dồi dào, lực lượng lao động tính đến 30/12/2020 có 152.420 người, tăng 5.060 người so với 2016 trong đó: lao động trong các ngành nông - lâm - thủy sản là 92.612 người, chiếm 60,67%, công nghiệp - xây dựng là 32.450 người, chiếm 21,29%, thương mại - dịch vụ là 27.358 người, chiếm 17.95%. Thời kỳ đầu thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chất lượng lao động Quỳnh Lưu thấp, đến 31/12/2010, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo là 40%, sau 10 năm thực hiện chương trình, trình độ lao động được nâng lên đáng kể, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 là 52,5%, năm 2021 là 65%.

Quỳnh Lưu có lực lượng lao động dồi dào, lực lượng lao động tính đến 30/12/2020 có 152.420 người, tăng 5.060 người so với 2016 trong đó: lao động trong các ngành nông - lâm - thủy sản là 92.612 người, chiếm 60,67%, công nghiệp - xây dựng là 32.450 người, chiếm 21,29%, thương mại - dịch vụ là 27.358 người, chiếm 17.95%. Thời kỳ đầu thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chất lượng lao động Quỳnh Lưu thấp, đến 31/12/2010, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo là 40%, sau 10 năm thực hiện chương trình, trình độ lao động được nâng lên đáng kể, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 là 52,5%, năm 2021 là 65%.

*- Văn hóa - Xã hội*: Quỳnh Lưu tự hào là vùng đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống văn hóa và cách mạng. Từ xa xưa, nơi đây lưu trữ những trầm tích văn hóa và lịch sử lâu đời của cha ông, là một trong những cái nôi của người Việt cổ; Di chỉ cồn Điệp, Quỳnh Văn đã minh chứng người Việt cổ xuất hiện tại Quỳnh Lưu cách đây khoảng 6.000 năm về trước. Nhân dân Quỳnh Lưu mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu chống kẻ thù xâm lược và cần cù, sáng tạo, chịu khó trong lao động sản xuất. Trải qua suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, Quỳnh Lưu luôn là mảnh đất anh hùng, kiên cường tồn tại như một tiền đồn vững chắc của phía Đông Bắc xứ Nghệ. Nơi đây, là quê hương của nhiều chí sỹ cách mạng lỗi lạc, danh nhân, thi sỹ, nhạc sỹ tài năng, tiêu biểu như chí sỹ cách mạng Văn Đức Giai, Hồ Bá Ôn, Hồ Ngọc Lãm, Hồ Tùng Mậu, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đầu tiên Cù Chính Lan, danh nhân văn hóa thế giới nữ sỹ Hồ Xuân Hương... Toàn huyện có 193 di tích và danh thắng, trong đó 33 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng (gồm 15 di tích cấp quốc gia và 18 di tích cấp tỉnh). Toàn huyện có4[[1]](#footnote-2) lễ hội dân gian truyền thống,40 làng nghề truyền thống. Nhân dân huyện Quỳnh Lưu có truyền thống yêu nước, anh dũng trong bảo vệ Tổ quốc; năng động, sáng tạo, cần cù, chịu khó trong sản xuất và xây dựng đất nước; luôn tin tưởng, ủng hộ, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, đặc biệt là phong trào ***“Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới”*** đã trở thành phong trào thi đua sâu rộng, thường xuyên ở các xã, thôn (xóm) trong toàn huyện.

Là địa phương có truyền thống cách mạng; trong chiến tranh, Quỳnh Lưu đã có nhiều đóng góp về sức người, sức của. Địa phương có 72.854 người tham gia kháng chiến, đã có 3.740 người con của quê hương Quỳnh Lưu nằm lại trên các chiến trường trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, có 2.656 thương binh, 1.218 bệnh binh, 685 người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc và con đẻ, 16.451 người tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân huy chương, hơn 4.440 gia đình được tặng thưởng huân huy chương, 1180 người tham gia thanh niên xung phong còn sống, 42.484 người tham gia dân công hỏa tuyến...

*- Phát triển kinh tế*: Phát huy truyền thống ***“Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”*** và tiềm năng, lợi thế của huyện, dưới sự đầu tư của Trung ương, của tỉnh và sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành trong huyện với sự đồng thuận, tham gia tích cực của cộng đồng dân cư, kinh tế có bước phát triển khá.Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2010-2015 đạt 9,25%, giai đoạn 2015-2020 đạt 12,53%. Tổng giá trị sản xuất năm 2020 trên địa bàn đạt 16.868 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 5,85%, trong đó: Giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản đạt1.668 tỷ đồng,(Năm 2010 đạt 1.300,276 tỷ đồng); công nghiệp - xây dựng đạt 13.321 tỷ đồng(năm 2010: GTSX 1.988,833 tỷ đồng); giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt 2.586 tỷ đồng(Năm 2010: GTSX đạt 922,395 tỷ đồng). Cơ cấu kinh tế chuyên dịch đúng hướng, tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm mạnh, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng: Cơ cấu kinh tế năm 2010, nông - lâm - ngư , chiếm 36,94%, công nghiệp - xây dựng chiếm 29,93%, thương mại dịch vụ chiếm 33,33%; năm 2020 nông - lâm - ngư chiếm 16,9%, công nghiệp - xây dựng chiếm 56,1 % , thương mại - dịch vụ chiếm 27 %. Tổng số vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt6.932 tỷ đồng, tăng 12,49% so với cùng kỳ năm 2019. Thu nhập bình quân đạt47 triệu đồng/người/năm,trong đó thu nhập khu vực nông thôn đạt 46,545 triệu đồng/người/năm.

**II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**1. Văn bản của Trung ương**

- Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia nông thôn mới;

- Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Quyết địnhsố 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 35/2016/TT-BNN&PTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Các văn bản khác của các cơ quan, các bộ, ngành Trung ương có liên quan tới công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

**2. Văn bản của tỉnh Nghệ An**

- Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 06/6/2011của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An (khóa XVII) về Chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020;

- Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 24/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định 3875/QĐ-UBND-NN ngày 31/8/2010 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010 – 2020

- Chỉ thịsố 06-CT/TU ngày 14/6/2016 về đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 về việc ban hành các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới của tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2017-2020;

- Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Nghệ An chung sức xây dựng Nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2018-2020;

 - Các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo, các sở, ban, ngành cấp tỉnh về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

**3. Văn bản của huyện Quỳnh Lưu**

- Đề án số 07-ĐA/HU ngày 28/02/2012 của BCH huyện Đảng bộ về “Thực hiện Nghị Quyết số 03-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020.

- Quyết định 602/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới huyện Quỳnh Lưu giai đoạn 2012 - 2020.

- Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của Hội đồng nhân dân huyện về việc sửa đổi một số nội dung Nghị quyết số 16/202/NQ-HĐND về cơ chế chính sách hỗ trợ và khuyến khích phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu giai đoạn 2013-2016

- Đề án số 08-ĐA/HU ngày 16/10/2016 của BCH huyện Đảng bộ về “Phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực xây dựng huyện Quỳnh Lưu cơ bản đạt chuẩn Nông thôn mới vào năm 2020*(Thực hiện Chương trình IV - Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2015-2020)*

- Đề án số 06-ĐA/HU ngày 15/01/2021 của BCH huyện Đảng bộ về “Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu” *(Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVIII, nhiệm kỳ 2021-2025)*

 ***(Có phụ lục 01: Các văn bản chỉ đạo xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2021 kèm theo)***

**III. ĐÁNH GIÁ
 1. Thuận lợi**

- Từ Trung ương đến địa phương đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới giúp công tác lãnh đạo, chỉ đạo được tập trung và có sự thống nhất cao nhận thức và hành động.

- Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới luôn được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy Đảng, sự giám sát của HĐND, sự điều hành trực tiếp của UBND các cấp, sự quan tâm phối hợp của các cơ quan, đoàn thể như UBMTTQ, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới tạo sự phấn khởi, đồng tình ủng hộ trong nhân dân. Các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo, ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn đầu tư vào các xã điểm. Nhiều ban, ngành đoàn thể đã tích cực cụ thể hóa tiêu chí thuộc lĩnh vực mình phụ trách; hệ thống chính trị ở nhiều xã đã vào cuộcthực sự, trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện đã xuất hiện một số gương điển hình tiên tiến trong xây dựng nguồn lực, trong tổ chức thực hiện một số tiêu chí.

- Vai trò của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể từ cấp huyện đến xóm được phát huy, dân chủ ở nông thôn được nâng lên. Niềm tin của người dân vào các chủ trương, chính sách, sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền được nâng cao.

- Từ Trung ương đến cấp xã đã có nhiều cơ chế chính sách được ban hành, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, kết hợp với sự đóng góp của nhân dân đã tạo nên sức mạnh to lớn của Chương trình, đặc biệt là cơ chế hỗ trợ xi măng làm giao thông nông thôn.

**2. Khó khăn**

- Điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội không thuận lợi:Huyện nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của nhiều hình thái thời tiết cực đoan, bất thường (nắng hạn kéo dài, bão lụt thường xuyên...); sản xuất chủ yếu thuần nông, kinh tế nông thôn có điểm xuất phát thấp, quy mô sản xuất chủ yếu là sản xuất nhỏ, manh mún.

- Huyện có địa bàn rộng với nhiều đơn vị hành chính (trước năm 2013 có 43 đơn vị, hiện nay còn 33 đơn vị), 9 xã ven biển, 16 xã vùng đồng bằng (01 thị trấn), 8 xã thuộc vùng miền núi, bán sơn địa; dân số đông, có nhiều vùng đặc thù, trình độ dân trí không đồng đều, khó khăn trong triển khai một số nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân vân còn có tư tưởng bảo thủ, trì trệ, tự thỏa mãn.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới là một chương trình lớn, có nhiều điểm mới trong xây dựng phát triển khu vực nông thôn, đòi hỏi phải đổi mới nhận thức và cách làm, nên trong giai đoạn đầu cũng gặp nhiều khó khăn trong tuyên truyền vận động để thay đổi nhận thức, hành động của cán bộ và nhân dân.

- Hệ thống chính trị cơ sở có nơi còn chưa thực sự vững mạnh; Chất lượng đội ngũ một số cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu công việc, chất lượng hoạt động của một số tổ chức cơ sở đảng, các ngành, đoàn thể chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Lực lượng lao động tuy dồi dào,tỷ lệ lao động qua đào tạo cao nhưng cơ cấu đào tạo còn có những bất cập. Kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, trường học, y tế, văn hóa, môi trường,... tỷ lệ đạt chuẩn thấp, cần nguồn đầu tư lớn.

- Khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình,Quỳnh Lưu có điểm xuất phát tương đối thấp: Năm 2010 bình quân toàn huyện đạt 7,8 tiêu chí/xã, thu nhập bình quân đầu người 14,82 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo còn ở mức cao 15,3%; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân như đường giao thống, hệ thống thuy lợi, điện, trường học, trạm y tế, chợ, cơ sở vật chất văn hóa... thiếu và còn nhiều yếu kém, chủ yếu là công trình tạm bợ, xuống cấp không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân. Tổ chức sản xuất lạc hậu, chủ yếu sản xuất theo quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ, manh mún, chưa hình thành các mô hình sản xuất hàng hóa quy mô tập trung và chưa có liên kết bền vững, hiệu quả trong sản xuất.

**Phần thứ hai**

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

**a. Ở huyện**

- Xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của Đảng bộ và nhân dân trên địa bàn huyện, ngay từ khi bắt đầu triển khai thực hiện, Ban thường vụ Huyện ủy đã tổ chức hội nghị quán triệt Nghị quyết các cấp đến các chi bộ cơ sở; Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMDTQ và các tổ chức đoàn thể cấp huyện đã tập trung nghiên cứu, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình; ban hành các văn bản chỉ đạo của Ban thường vụ, Ban chỉ đạo; HĐND huyện ban hành Nghị quyết cơ chế hỗ trợ, UBND huyện ban hành các kế hoạch, chương trình hành động.

- Ban Thường vụ Huyện ủy phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phụ trách các cụm điểm để hướng dẫn các xã xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện một cách phù hợp và hiệu quả nhất. Thường trực Huyện ủy, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện trực tiếp làm việc với từng xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, các xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, các xã khó khăn nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể xây dựng nông thôn mới cho từng xã. Phân công các thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới phụ trách lĩnh vực, cụm, điểm thường xuyên bám sát để đôn đốc, chỉ đạo phòng trào. Hàng quý, 6 tháng Thường trực Huyện ủy làm việc với Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện để nghe tiến độ thực hiện, tháo gỡ khó khăn và đôn đốc thực hiện.

- Ngay từ những năm đầu thực hiện xây dựng nông thôn mới,Ban chỉ đạo huyện đã lựa chọn 7 xã: Quỳnh Lương, Quỳnh Hậu, Ngọc Sơn, Tân Sơn, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Thạch, Quỳnh Đôi làm điểm chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt; phát huy tính dân chủ, sáng tạo của địa phương, nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của người dân. Giai đoạn 2011-2015 toàn huyện có 12 xã đạt chuẩn Nông thôn mới, tăng 5 xã so với kế hoạch đề ra. Trong đó, có 5 xã Quỳnh Lương, Quỳnh Đôi, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Thạch, Quỳnh Hậu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014 và có 7 xã Ngọc Sơn, Tân Sơn, Quỳnh Minh, Quỳnh Diễn, Quỳnh Bảng, Quỳnh Thuận, Quỳnh Ngọc đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015. Từ kết quả thực hiện ở 12 xã, Ban chỉ đạo XD NTM huyện đã tổ chức rút kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện trên địa bàn toàn huyện.

- Xác định nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân khu vực nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi của xây dựng nông thôn mới, huyện đã đẩy mạnh phát triển sản xuất, đưa các cây trồng, vật nuôi có giá trị vào xây dựng mô hình trên địa bàn huyện, nâng cao hiệu quả sản xuất bằng việc ưu tiên các mô hình sản xuất theo chuỗi, nông nghiệp công nghệ cao, tìm kiếm thị trường, hướng tới xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa. Thu hút và triển khai các dự án đầu tư vào huyện để chuyển dịch lao động nông thôn và thúc đẩy khu vực nông thôn phát triển.

- Để khuyến khích phát triển sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, huyện đã ban hành và thực hiện nhiều cơ chế hỗ trợ. Nổi bật như cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn đạt chuẩn nông thôn mới[[2]](#footnote-3); hỗ trợ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia[[3]](#footnote-4);hỗ trợ xây dựng trạm y tế xã để đạt chuẩn quốc gia[[4]](#footnote-5); hỗ trợ xây dựng chợ nông thôn[[5]](#footnote-6); hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa xóm, nhà văn hóa xã[[6]](#footnote-7); hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao[[7]](#footnote-8)...

- Công tác sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện

+ Công tác sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới được huyện duy trì thường xuyên và hiệu quả. Ban chỉ đạo huyện định kỳ hàng quý tổ chức họp giao ban Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

+ Hàng năm UBND huyện tổ chức sơ kết kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm trước và tổ chức tổng kết 05 năm, 10 năm thực hiện xây dựng nong thôn mới.

+ Hàng năm thường trực, Ban thường vụ Huyện ủy tổ chức họp nghe báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và cho ý kiến để triển khai thực hiện tốt hơn Chương trình MTQG về xây dựng NTM trên địa bàn huyện.

**b. Ở các xã**

Các xã đã thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM, Ban phát triển thôn, xóm. Tổ chức các hội nghị quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh, huyện; tích cực tuyên truyền các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới. Ban chỉ đạo xã đã xây dựng kế hoạch, lộ trình, tiến độ thực hiện cụ thể từng tiêu chí, phân công cán bộ phụ trách để đôn đốc thực hiện. Phát động phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Chỉ đạo phát triển sản xuất; tuyên truyền, vận động nhân dân, hiến đất, giải phóng mặt bằng, góp công, góp của cải tạo, nâng cấp đường giao thông, nhà văn hóa, chỉnh trang nhà cửa, xây dựng vườn chuẩn nông thôn mới, xây dựng xóm, làng sáng, xanh, sạch đẹp, văn minh.

**2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

***2.1. Công tác truyền thông.***

- Xác định đây là một chương trình phát triển nông thôn toàn diện, bền vững với mục đích nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn. Các cấp ủy Đảng, các phòng, ban ngành, các địa phương đã tập trung tuyên truyền tới tất cả cán bộ và nhân dân hiểu được tầm quan trọng của chương trình, nội dung phương pháp, cách làm, vai trò của cộng đồng dân cư trong xây dựng NTM. Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như thông qua tờ rơi, thông qua các hội nghị, các cuộc họp, đài truyền thanh, truyền hình[[8]](#footnote-9); toàn huyện đã xây dựng 87 bảng cổ động tấm lớn, 1242 bảng biểu, pano áp phích, hơn 1800 khẩu hiệu, gần 730 buổi tuyên truyền với 250.000 lượt người tham gia; tổ chức thi tìm hiểu về nông thôn mới bằng hình thức sân khấu hóa được 96 cuộc. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới sau khi được phê duyệt, các xã đã thực hiện công bố, công khai quy hoạch tại trụ sở UBND xã, truyên truyền đến từng xóm để người dân biết và thực hiện đúng quy hoạch được duyệt. Ngoài ra, nhiều địa phương đã đầu tư kinh phí xây dựng các cụm Pano, áp phích, khẩu hiệu về tuyên truyền xây dựng nông thôn mới tại các khu vực trung tâm, trục đường giao thông; Tổ chức các Hội thi tìm hiểu về Chương trình xây dựng nông thôn mới; sáng tác thơ ca về tuyên tuyền xây dựng nông thôn mới.

- Các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực vận động các thành viên, hội viên tham gia chương trình. Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể thực sự hành động với những nhiệm vụ trong xây dựng nông thôn mới như: Hội phụ nữ với phong trào xây dựng “đoạn đường hoa”, “khu vườn kiểu mẫu”, “đoạn đường xanh sạch đẹp”; Hội cựu chiến binh với mô hình “Tổ an ninh tự quản”; Huyện đoàn với chương trình hỗ trợ xây dựng các khu vui chơi góp phần hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở cơ sở, chương trình "thắp sáng đường quê", "đường hoa lốp xe"...; Hội nông dân thực hiện các công trình: đường cờ và đường hoa nông dân, hàng cây nông dân,đoạn đường kiểu mẫu, mô hình thùng gom bao bì, rác thải thuốc BVTV tại các cánh đồng..., MTTQ với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM và đô thị văn minh”; phong trào xây dựng "Tuyến đường cờ" được triển khai xây dựng tại 33/33 xã, thị trấn tạo ra những điểm nhấn về những tuyến đường đẹp và có ý nghĩa tuyên truyền to lớn.

- Kết quả tuyên truyền đã tác động tích cực, nhận thức của cán bộ công chức và người dân về xây dựng NTM đã có chuyển biến rõ nét; người dân ngày càng tích cực, chủ động tham gia xây dựng NTM với nhiều cách làm sáng tạo; xây dựng NTM đang trở thành phong trào rộng khắp..

***2.2. Công tác đào tạo, tập huấn.***

Công tác đào tạo, tập huấnluôn được các cấp, các ngành coi trọng, nhằm trang bị kiến thức cơ bản cho đội ngũ cán bộ triển khai thực hiện Chương trình. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng ngân sách hỗ trợ trực tiếp và lồng ghép các chương trình đã dành hơn 1.096 triệu đồng để tập huấn, đào tạo cho đội ngũ cán bộ các cấp và người dân trong xây dựng NTM:

- UBND huyện đã phối hợp với BCĐ NTM tỉnh tổ chức mở 12 lớp tập huấn về chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về xây dựng NTM cho cán bộ ban chỉ đạo cấp cơ sở. Phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về NTM, tập huấn công tác triển khai làm đường giao thông nông thôn, tập huấn triển khai các mô hình NTM. Hướng dẫn lập kế hoạch, đề án xây dựng NTM, văn bản chỉ đạo triển khai các tiêu chí, ...

- Trong 10 năm, Ban chỉ đạo NTM huyện đã tổ chức được 28 lớp tập huấn các chủ trương chính sách mới, chính sách sửa đổi về cơ chế đầu tư công trình NTM, sửa đổi bộ tiêu chí quốc gia NTM, tuyên truyền mô hình cách làm hay...

 -33 xã, thị trấn đã tổ chức được 450 lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật với hơn 32.450 lượt người tham gia.

 - Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội huyện đã phối kết hợp tổ chức tập huấn các chủ trương, chính sách, các tiêu chí về xây dựng NTM; nâng cao ứng dụng KHKT cho cán bộ hội viên với 11.300 lượt người tham gia.

Đã tổ chức nhiều đợt tham quan học tập kinh nghiệm xây dựng NTM ở các xã điển hình trong và ngoài huyện, tỉnh như huyện Yên Thành, huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa, huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam, huyện Thạch Hà, Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh, huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình, Thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.... Một số xã đã chủ động sáng tạo, đa dạng hóa các hình thức tập huấn, phổ biến kiến thức, thăm quan, học tập kinh nghiệm xây dựng NTM nhiều xã đã phát động phong trào thi đua có hiệu quả trong các tổ chức đoàn thể và trong nhân dân về xây dựng NTM.

- Thông qua công tác đào tạo về xây dựng nông thôn mới, nhận thức của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người dân đã thay đổi rõ rệt, từ nhận thức xây dựng nông thôn mới là dự án sang nhận thức người dân là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới; công tác chỉ đạo Chương trình có hiệu quả hơn, nắm bắt cụ thể nội dung từng tiêu chí và chủ trương chính sách có liên quan nên thực hiện tốt hơn, nhất là trong việc xây dựng hồ sơ dự án về nông thôn như làm đường giao thông nông thôn, tu sửa nhà văn hóa xóm, vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, tích cực vận động nhân dân và tổ chức thực hiện dự án, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở nông thôn, huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư.

**3. Sự tham gia tích cực của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội trong xây dựng nông thôn mới:**

Các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực vận động các thành viên, hội viên tham gia chương trình. Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể thực sự hành động với những nhiệm vụ trong xây dựng nông thôn mới như: Hội phụ nữ với phong trào xây dựng “phong trào 5 không, 3 sạch”, “đường hoa thay cỏ dại”, “vườn chuẩn nông thôn mới”, “đoạn đường xanh sạch đẹp”; Hội cựu chiến binh với mô hình “Tổ an ninh tự quản”; Huyện đoàn với chương trình hỗ trợ xây dựng các khu vui chơi góp phần hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở cơ sở, phong trào thanh niên tình nguyện xây dựng nông thôn mới; Hội nông dân thực hiện chương trình “xây dựng vườn chuẩn nông thôn mới”, phong trào "nông dân sản xuất kinh doanh giỏi", MTTQ với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM và đô thị văn minh”. Ngoài các nội dung trên, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đã thực hiện một số kết quả nổi bật:

3.1. Hội nông dân huyện: Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Hội Nông dân huyện đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo Hội Nông dân các xã triển khai đến tận các thôn xóm khu dân cư, đây là nội dung quan trọng xuyên suốt hoạt động các cấp hội. Tuyên truyền vận động sâu rộng đến hội viên và nhân dân trên từng địa bàn tích cực tham gia; Phát động các cơ sở và chi hội vận động hội viên gương mẫu đi đầu trong tham gia xây dựng các thiết chế văn hóa, cơ sở hạ tầng nông thôn, giao thông nội đồng, chỉnh trang nhà văn hóa, các khu văn hóa thể thao, từng chi hội đều đảm nhận những việc làm thiết thực trồng hàng cây, vườn cây nông dân ơn Bác, ủng hộ công sức tiền của xây dựng nông thôn mới. Hội đã vận động góp 5,6 tỷ đồng, hiến 890 m2  đất xây dựng đường giao thông,chỉ đạo 33 xã, thị trấn trồng hàng cây nông dân ơn Bác với 5.187 cây xanh các loại như sao đen, xà cừ, bằng lăng v.v ở các trục đường giao thông với chiều dài trên 29km, xây dựng 02 vườn chuẩn nông thôn mới và 23 vườn mẫu nông dân, xây dựng 70 km đường giao thông nội đồng, ủng hộ 10.500 ngày công vật tư thiết bị xây dựng và nâng cấp nhà văn hóa các thôn; ngoài ra Hội còn tổ chức các lớp tập huấn, dạy nghề chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất cho nông dân, vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng sản xuất trên 700ha rau màu chuyên canh, xây dựng nhiều mô hình trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đẩy mạnh phong trào nông dân sản xuất kinh doanh tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn, thu gom bao bì bảo vệ thực vật rác thải, thực hiện cam kết “3 không 3 có” trong kinh doanh tiệu thụ nông sản thực phẩm sạch. Công tác xây dựng NTM trên địa bàn huyện đã và đang được đông đảo cán bộ hội viên nông dân tích cực hưởng ứng tham gia đạt hiệu quả.

3.2. Đoàn thanh niên với phong trào “*Tuổi trẻ Quỳnh Lưu chung tay xây dựng Nông thôn mới”, “xây dựng văn minh đô thị”* được triển khai rộng khắp, tập trung vào hoạt động tham gia xây dựng, hoàn thiện hạ tầng nông thôn; phát triển kinh tế ở nông thôn, xung kích giữ gìn an ninh và trật tự trên địa bàn. Đoàn thanh niên từ cấp huyện đến cơ sở đã đảm nhận được nhiều công trình, phần việc thanh niên như: Vẽ con đường bích họa tại 10 đơn vị với diện tích 2.400m2; triển khai đồng loạt *“Tuyến đường thanh niên kiểu mẫu”* tại 33 đơn vị với chiều dài 6.600m, đã trao tặng 2000 cờ Tổ quốc để xây dựng tuyến đường thanh niên kiểu mẫu; hỗ trợ xây dựng nâng cấp thiết chế nhà văn hóa xóm tại 10 xóm với tổng số tiền 220 triệu đồng; hỗ trợ xây dựng các điểm vui chơi cho thanh thiếu nhi tại 33 đơn vị với kinh phí 200 triệu đồng; hỗ trợ thực hiện mô hình *“ Đường hoa từ lốp xe”* tại 7 đơn vị với số tiền hơn 50 triệu đồng, bàn giao công trình “Nước sạch cho em” tại xã Quỳnh Thắng với tổng trị giá 40 triệu đồng, hỗ trợ xây dựng được 5 ngôi nhà “*Khăn quàng đỏ*” cho các em có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức phát động ra quân tổng dọn vệ sinh môi trường được 2000 đợt. Phát động và duy trì mô hình *“Em nuôi của Đoàn”* với hơn 60 học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền hỗ trợ từ 150 đến 200 triệu/năm. Bên cạnh đó, Huyện đoàn đã thành lập CLB thanh niên phát triển kinh tế cấp huyện với hơn 20 thành viên, chỉ đạo cơ sở thành lập được 23 CLB thanh niên phát triển kinh tế cấp xã; định hướng và hỗ trợ hơn 50 mô hình thanh niên phát triển kinh tế từ Quỹ thanh niên lập nghiệp cấp huyện, tỉnh, trung ương với vốn vay từ 30-100 triệu đồng/1 mô hình; phối hợp mở 7 lớp đào tạo nghề ngắn hạn và giới thiệu việc làm cho gần 300 lao động nông thôn trên địa bàn. Quan tâm đẩy mạnh phong trào VHVN, TDTT, mô hình nhảy dân vũ, CLB tổ, đội, nhóm tuyên truyền ca khúc cách mạng tại cơ sở, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, phát huy nét đẹp dân tộc trên địa bàn dân cư.

3.3. Hội phụ nữ Với phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động, sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” gắn với triển khai nhiệm vụ công tác Hội và cuộc vận động *“Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”,* được các cấp Hội lồng ghép triển khai thực hiện gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đã thu hút đông đảo hội viên, phụ nữ tích cực tham gia. Hưởng ứng chương trình “*Phụ nữ Quỳnh Lưu chung tay xây dựng Mái nhà xanh*”, phong trào*“Chung sức xây dựng nông thôn mới”*, các cấp Hội đã vận động hội viên, phụ nữ và nhân dân hiến 314 ha đất làm đường giao thông nông thôn, huy động nội lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, huy động xã hội hóa trong xây dựng nông thôn mới trên 447,415 tỷ đồng, đóng góp hàng trăm ngàn ngày công, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Duy trì và nhân rộng 40 Câu lạc bộ “Gia đình 5 không, 3 sạch”; xây dựng 38 “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch”, toàn huyện đã có thêm 1.180 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình 5 không, 3 sạch.

Thành lập 383 tổ Phụ nữ thu gom rác thải, 679 tổ phụ nữ tự quản về môi trường với 16.815 thành viên; tặng 4.785 chiếc làn; đã trồng 115km đường hoa, 68km đường xanh và 178 mô hình tiết kiệm từ phế liệu với 253 chi hội tham gia. Tiêu biểu xã Quỳnh Đôi, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Bảng, Tân Sơn, Quỳnh Thuận, Quỳnh Diễn... đã tặng 238 thẻ BHYT, 11.282 con giống từ mô hình "Biến phế liệu thành thẻ BHYT", “Biến rác thải thành yêu thương ”. Thành lập 35 mô hình phân loại xử lý rác thải, mô hình hạn chế sử dụng túi ni lông, tặng 550 thùng rác. Phụ nữ Cầu Giát ra mắt mô hình “Thùng rác thông minh”, Quỳnh Nghĩa ra mắt mô hình “Hành trình thứ 2 của lốp xe”, phụ nữ Quỳnh Bảng ra mắt mô hình “Mái nhà xanh”.... Hỗ trợ xây dựng mới 172 mái ấm tình thương và tu sửa hơn 100 mái ấm với tổng số tiền trên4 tỷ đồng; thăm hỏi, tặng quà phụ nữ và trẻ em yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn số tiền trên 3,4 tỷ đồng và 13.609kg gạo. Thực hiện phong trào “Môi trường của mẹ - Hành phúc của con” toàn huyện đã nhận đỡ đầu và trao 124 suất học bổng trị giá 218 triệu đồng cho học sinh nghèo, trong thời gian ít nhất 2 năm, mỗi năm hỗ trợ ít nhất 1.000.000 đồng.Thực hiện chương trình “Tiếp bước em tới trường”các cấp Hội đã tặng 570.076.415 đồng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn vươn lên học giỏi.

Hội đã khai thác các chương trình, dự án mới, duy trì hiệu quả hoạt động ủy thác cho vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức TYM chi nhánh Quỳnh Lưu, vốn vay CRS, nguồn vốn ADB, Sody trong hội viên. Đến nay, tổng dư nợ các nguồn vốn đạt trên 217 tỷ đồng,10.939 lượt hội viên, phụ nữ vay phát triển kinh tế. Tiết kiệm tại chi hội cho hội viên vay phát triển kinh tế 20.189.000.000đ; phong trào “Tặng con giống trao niềm tin” được các đơn vị hưởng ứng: Đến nay đã tặng 76 con bò và dê, tạo điều kiện cho hội viên có điều kiện sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững; mở 134 lớp nghề chế biến món ăn, may công nghiệp, thú y, trồng trọt, kỹ thuật làm hương trầm, hương thẻ, kỹ thuật chế biến nước mắm... cho hơn 4.954 học viên là lao động nữ nông thôn.

3.4. Hội Cựu chiến binh với phongtrào “Cựu chiến binh chung tay xây dựng nông thôn mới” đã được các cấp Hội phát động đi vào cuộc sống, có sức lan tỏa rộng khắp trong các cấp hội; phong trào “ CCB tham gia hiến kế, hiến đất, hiến công, hiến tài sản, kinh phí” cho xây dựng nông thôn mới. Cụ thể: Đã có 5.327 hội viên hiến 152.204m2 đất thổ cư và đất vườn, 16.735m tường rào, 195 hội viên tháo dỡ công trình với giá trị 1,583 tỷ đồng; hàng vạn cây cối trị giá: 53.275.000.000 đồng. Đóng góp ngày công 57.877 ngày công trị giá 11.566.000.000 đồng. Mỗi tổ chức Hội CCB xã, thị trấn đều có 2- 3 công trình( Các công trình như: Tôn tạo tượng đài liệt sỹ, công trình nước sạch ở trường học, nâng cấp nhà văn hóa xóm, đường điện thắp sáng dọc trục đường chính, đường cột cờ, Bảng pha nô tuyên truyền cổ động lớn..vv trị giá mỗi công trình từ 25 triệu- 40 triệu, với tổng trị giá: 15.500.000.000 đồng). Mỗi chi hội có 1-2 công trình tại thôn xóm: Như bàn ghế đá, trồng cây, thiết chế nhà văn hóa, đường điện thắp sáng..vv với trị giá trên 20 tỷ đồng. Đặc biệt là việc CCB tham gia hiến kế, góp ý cho cấp ủy, chính quyền các cấp và động viên tuyên truyền các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực xây dựng NTM từ cơ sở, nhiều tổ chức chi hội, hội xã đảm nhận các công trình từ khâu thiết kế, thi công, mua bán vật liệu .v.v. bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.Huy động nguồn lực xây dựng mới 21 nhà nghĩa tình đồng đội và sửa chữa 78 ngôi nhà cho Hội viên có hoàn cảnh khó khăn với trị giá: 1.107.000.000 đồng và hàng ngàn ngày công của hội viên. Mua gần 100 thẻ bảo hiểm y tế cấp miễn phí cho Hội viên có hoàn cảnh khó khăn, trị giá trên 80 triệu đồng; Hỗ trợ 6 cặp bò nái sinh sản, trị giá 240.000.000 đồng; Tổ chức 2 đợt khám, tư vấn cấp thuốc miễn phí cho hơn 500 Hội viên ở 10 xã vùng trên. Góp phần giảm 85 hộ hội viên nghèo, đến hiện nay cơ bản đã hết hộ hội viên nghèo (trừ trường hợp bất khả kháng). Xây dựng các mô hình bảo đảm ANTT và ATGT, như Mô hình “Cổng trường ATGT” do CCB đảm nhiệm ở 33/33 xã, thị trấn có hiệu quả thiết thực, Mô hình “Tổ tự quản về ANTT” do cấp chi hội đảm nhiệm ở 338 thôn xóm. Đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm an ninh trật tự và an toàn giao thông trên địa bàn. Tham gia làm 56 biển báo ATGT bố trí trên các tuyến đường giao thông nông thôn. Xây dựng nhiều đoạn đường xanh, sạch, đẹp và an toàn do CCB đảm nhiệm đã góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông trên địa bàn.

3.5. Liên đoàn lao động huyện với phong trào công đoàn Quỳnh Lưu chung tay xây dựng nông thôn mới, tập trung vận động đoàn viên, người lao động thực hiện phong trào thi đua:*“xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”;* phong trào “*Lao động giỏi, Lao động sáng tạo*”; “*Giỏi việc nước-Đảm việc nhà*”; phong trào “*Xanh, sạch, đẹp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động*”….Trong 10 năm qua CBCNVCLĐ tuyên truyền, vận động đóng góp, hiến tặng được trên 120 tỷ đồng (gồm hiến 112 ha đất, 13.000m2 tường bao, công trình kiến trúc, cây cối hoa màu và 117.000 ngày công để làm giao thông thủy lợi, dồn điền đổi thửa, chỉnh trang đồng ruộng...). Xây dựng Quỹ “Mái ấm công đoàn” hỗ trợ xây dựng 40 nhà “Mái ấm Công đoàn” cho đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng số tiền 1,2tỷ đồng; tặng 3.005 suất quà cho đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với trị giá 1,5 tỷ đồng; vận động đoàn viên ủng hộ gần 700 triệu đồng hỗ trợ các trường củng cố các tiêu chí đạt chuẩn quốc gia.

3.6. Mặt trận tổ quốc huyệnđã bám sát nhiệm vụ chính trị của huyện gắn với nhiệm vụ công tác Mặt trận, chủ động tham mưu cho cấp ủy về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống Mặt trận tổ quốc tham gia xây dựng nông thôn mới. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh”, xây dựng mô hình “giáo xứ đoàn kết chung tay xây dựng Nông thôn mới”, “Giáo xứ bình yên không có TNXH và không có người vi phạm pháp luật”....; chú trọng công tác tuyên truyền để nhân dân nắm vững và hiểu rõ, nhân dân là chủ thể xây dựng nông thôn mới, với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ” thực hiện dân chủ công khai, minh bạch, tạo niềm tin, tạo sự đồng thuận cao trong các tầng lớp nhân dân.Tuyên truyền, vận động, kêu gọi xây dựng quỹ vì người nghèo, hỗ trợ và làm mới, sửa chữa được 194 nhà đại đoàn kết, 16 nhà tình nghĩa, hỗ trợ 4.631 nhà theo Quyết định số 167/QĐ-TTg. Vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ các công trình văn hóa lịch sử; khuyến khích học nghề và phát triển nguồn nhân lực, tích cực xây dựng xã hội học tập. Vận động nhân dân thực hiện tốt hương ước, quy ước của cộng đồng; sống và làm việc theo pháp luật, tích cực phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội; giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.Vận động hiến đất mở đường giao thông nông thôn trên 3 triệu m2 đất ở và đất sản xuất, đóng góp hơn 10 triệu ngày công, góp phần hoàn thành các tiêu chí NTM.

**4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện**

4.1. Về huy động nguồn vốn

Tổng kinh phí đã thực hiện: 18.487.242 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 5.021.287triệu đồng, chiếm27,2 %.

+ Ngân sách Trung ương: 1.567.976triệu đồng;

+ Ngân sách tỉnh: 2.365.306 triệu đồng;

+ Ngân sách huyện: 555.518 triệu đồng;

+ Ngân sách xã: 532.487 triệu đồng;

- Vốn vay tín dụng: 1.472.011 triệu đồng, chiếm 7,9%.

- Vốn doanh nghiệp: 1.393.092 triệu đồng, chiếm 7,5%.

-Vốn dân góp: 853.733 triệu đồng, chiếm 4,6%.Trong đó:

+ Tiền mặt: 216.601 triệu đồng;

+ Ngày công lao động (quy tiền): 136.470triệu đồng;

+ Hiện vật quy đổi (hiến đất, giá trị tài sản): 500.662 triệu đồng;

- Nhân dân tự xây dựng, chỉnh trang nhà cửa, đầu tư sản xuất: 9.747.119 triệu đồng, chiếm 52,7%.

4.2. Quản lý sử dụng vốn

Để nguồn vốn huy động được quản lý sử dụng đúng mục đích hiệu quả, căn cứ quy định, hướng dẫn của cấp trên, huyện đã quán triệt hướng dẫn và thực hiện giao vốn đảm bảo khách quan dân chủ công bằng có trọng tâm, trọng điểm. Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện chương trình nông thôn mới hàng năm và nguồn vốn huy động, Ban quản lý nông thôn mới cấp xã lựa chọn các công trình, dự án cụ thể để hỗ trợ đầu tư nhằm đạt được mục tiêu hoàn thành và nâng cao mức chuẩn các tiêu chí nông thôn mới trong đó ưu tiên thực hiện xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, đường giao thông, cơ sở hạ tầng thiết chế văn hóa, thể thao ở xóm, các trường học, trạm y tế chưa đạt chuẩn, nước sạch và vệ sinh môi trường và hạ tầng xã hội khác...Nhân dân quyết định việc sử dụng nguồn vốn do mình đóng góp thông qua các Ban Phát triển thôn, qua giám sát cộng đồng nên đã đảm bảo được sự đồng thuận, đáp ứng được yêu cầu tiến độ và chất lượng xây dựng công trình phúc lợi ở các xóm trên toàn huyện.

4.3. Nợ đọng xây dựng cơ bản trong nông thôn mới và cân đối nguồn lực

Thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 27/CT-TTg và Chỉ thị số 25/CT-UBND về những giải pháp chủ yếu khắc phục nợ đọng XDCB; Căn cứ trên kế hoạch vốn hàng năm, UBND huyện đã tập trung bố trí cho thanh toán nợ các dự án hoàn thành đã có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Đối với công nợ thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, UBND huyện đã báo cáo với Sở Kế hoạch và Đầu tư và đề nghị các cấp quan tâm bố trí vốn trả nợ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.

Theo quy định của Luật đầu tư công, ngân sách các cấp chỉ được bố trí trả nợ XDCB phát sinh từ 31/12/2014 trở về trước; Từ 01/01/2015 tuyệt đối không được để phát sinh nợ XDCB, nếu đơn vị, cá nhân để phát sinh nợ XDCB từ 01/01/2015 thì bị xử lý theo quy định tại Luật đầu tư công và không được bố trí ngân sách để thanh toán nợ XDCB phát sinh từ 01/01/2015. Trên cơ sở đó, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các chủ đầu tư, Ban QLDA tăng cường quản lý và xử lý nợ XDCBtheo đúng quy định.

Nợ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu đến 31/12/2014 là93.878 triệu đồng.

Từ năm 2015 đến nay thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, huyện đã quyết liệt trong công tác chỉ đạo xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Từ 01/01/2015 đến nay, trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu không để phát sinh nợ đọng XDCB.

Được sự quan tâm của các cấp, các ngành cùng với sự đồng thuận, chung tay của nhân dân, huyện Quỳnh Lưu đã tập trung mọi nguồn lực để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. UBND huyện đã chỉ đạo đồng bộ các giải pháp thực hiện hiệu quả các quy định của Luật đầu tư công và Chỉ thị của Chính phủ, của UBND tỉnh, UBND huyện đã tập trung xây dựng hạ tầng quỹ đất tạo kinh phí chi trả nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015. Từ năm 2015 đến nay, ưu tiên bố trí ngân sách thu được từ cấp quyền sử dụng đất phần huyện, xã được hưởng và các nguồn thu khác để hỗ trợ cho các địa phương xây dựng nông thôn mới và trả nợ trong xây dựng nông thôn mới, gồm cả số vốn bổ sung và số vốn cấp dự kiến bố trí trả nợ trong kế hoạch 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Từ năm 2015 đến nay, ngân sách huyện đã bố trí chi cho đầu tư xây dựng cơ bản tổng cộng là 200,634 tỷ đồng. Ngân sách xã bố trí chi cho đầu tư xây dựng là hơn 176 tỷ đồng. Số kinh phí trên được bố trí để trả nợ xây dựng cơ bản, thanh toán nợ khối lượng đã hoàn thành, số kinh phí còn lại tiếp tục hỗ trợ cho các xã xây dựng nhà văn hóa xã, xây dựng trường học và trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và đầu tư cho một số xã hoàn thành các tiêu chí về đích nông thôn mới kiểu mẫu.

Tính đến 31/12/2021, huyện Quỳnh Lưu không còn nợ đọng xây dựng cơ bản chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**II. SỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

Tổng số xã trên địa bàn huyện:32 xã.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 32/32 xã đạt 100% (có danh sách kèm theo), trong đó:

+ Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2017 theo Bộ tiêu chí quốc gia 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 14xã.

+ Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2017 đến nay theo Bộ tiêu chí quốc gia số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An: 18 xã.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 02 xã.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 01 xã.

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI**

**1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch**

- Lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới:

+ UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các xã thực hiện lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Quá trình lập quy hoạch và xây dựng các đề án đều có sự tham gia của cán bộ, đảng viên và cộng đồng dân cư từ ý tưởng đến huy động nguồn lực, đến hết năm 2012 có 32/32 xã đã hoàn thành công tác quy hoạch và công bố quy hoạch, năm 2013 hoàn thành việc cắm mốc quy hoạch. Từ năm 2013 đến nay, đã thực hiện quản lý quy hoạch, rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch theo Thông tư số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011 và số 02/2017TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng phù hợp với thực tế để triển khai thực hiện.

+ Chất lượng quy hoạch: Nhìn chung các địa phương đã đảm bảo quy hoạch không gian và quy hoạch hạ tầng KT- XH trên địa bàn, đảm bảo 3 nội dung chủ yếu đó là: Quy hoạch xây dựng mạng lưới điểm dân cư nông thôn và phân vùng sản xuất nông nghiệp; Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn tập trung; Quy hoạch chi tiết hệ thống thuỷ lợi và giao thông nội đồng.

- Công tác công bố quy hoạch: Sau khi quy hoạch được phê duyệt, 100% xã tổ chức công bố, công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại trung tâm xã và nhà văn hóa các thôn (xóm) để nhân dân biết và thực hiện, lập kế hoạch và tổ chức cắm mốc thực địa theo quy hoạch được phê duyệt. Uỷ ban nhân dân các xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch trình Uỷ ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện, quản lý quy hoạch theo quy chế. Đồng thời, trong quá trình tổ chức thực hiện, các xã đã thường xuyên rà soát và điều chỉnh kịp thời những bất cập trong quy hoạch theo Thông tư 13/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT của liên Bộ phù hợp với thực tế phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương để triển khai thực hiện.

Thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 30/QĐ.UBND ngày 04/01/2007 và được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 146/QĐ.UBND-XD ngày 13/01/2014. UBND huyện Quỳnh Lưu đã chỉ đạo UBND Thị trấn Cầu Giát quản lý và thực hiện tốt quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*Đánh giá:* Đến nay có 32/32 xã đạt 100% tiêu chí về Quy hoạch*(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

**2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

***2.1. Về giao thông:***

**a) Giai đoạn 2010 - 2015 (Thực hiện bộ tiêu chí theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009):**

 Có 12 xã (Quỳnh Lương, Quỳnh Thạch, Quỳnh Đôi, Quỳnh Hậu, Quỳnh Nghĩa, Ngọc Sơn, Quỳnh Diễn, Quỳnh Minh, Tân Sơn, Quỳnh Bảng, Quỳnh Thuận, Quỳnh Hưng). Các xã này đã hoàn thành công tác thẩm định, Sở Giao thông vận tải đã công nhận đạt Tiêu chí số 2 và đã được công nhận đạt chuẩn, kết quả đều đạt yêu cầu theo Bộ Tiêu chí giai đoạn 2010-2015 theo hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan, với 04 chỉ tiêu tổng hợp như sau:

**- Tại thời điểm năm 2010 của 12 xã:**

+ Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài 116,88km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 71,12km. Đạt tỷ lệ 60,85%. Các tuyến đường trục xã, liên xã trong huyện cơ bản mới đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m.

+ Đường trục thôn, xóm: Tổng chiều dài 145,65km; đã được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 59,79km. Đạt tỷ lệ 41,05%. Các tuyến đường trục thôn, liên thôn trong huyện cơ bản mới đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m.

+ Đường ngõ, xóm: Tổng chiều dài 121,25km; đã được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 30,5km. Đạt tỷ lệ 25,15%. Các tuyến đường ngõ xóm trong huyện mới đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4,0m, mặt đường rộng 2 – 3,5m.

+ Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 140,5km; đã được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện 25,35km. Đạt tỷ lệ 18.04%. Các tuyến đường trục chính nội đồng trong huyện bắt đầu được xây dựng.

**- Đến hết năm 2015, số liệu tổng hợp 12 xã như sau:**

+ Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài 116,88km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 116,88km. Đạt tỷ lệ 100%. Các tuyến đường trục xã, liên xã trong huyện cơ bản mới đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 6,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m.

+ Đường trục thôn, xóm: Tổng chiều dài 145,65km; đã được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 129,78km. Đạt tỷ lệ 89,10%. Các tuyến đường trục thôn, liên thôn trong huyện cơ bản mới đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m.

+ Đường ngõ, xóm: Tổng chiều dài 121,25km; đã được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 93,82km. Đạt tỷ lệ 77,37%. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt tỷ lệ 100%. Các tuyến đường ngõ xóm trong huyện mới đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4,0m, mặt đường rộng 3m.

+ Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 140,5km; đã được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện 106,4km. Đạt tỷ lệ 75,73%. Các tuyến đường đạt quy mô nền đường rộng từ 3,0 - 6,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0 m, đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

**b) Giai đoạn 2016 - 2020 (Thực hiện bộ tiêu chí theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017của UBND tỉnh)**

Bao gồm 20 xã (Quỳnh Ngọc, Quỳnh Bá, Quỳnh Giang, Quỳnh Yên, Quỳnh Tam, An Hòa, Quỳnh Hồng, Quỳnh Văn, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Châu, Quỳnh Long, Quỳnh Thọ, Tân Thắng, Quỳnh Thắng, Quỳnh Tân, Quỳnh Hoa, Tiến Thủy, Sơn Hải, Quỳnh Lâm, Quỳnh Thanh). Các xã này đã hoàn thành công tác thẩm định, Sở Giao thông vận tải đã công nhận đạt chuẩn NTM Tiêu chí số 2 cho 20 xã này. UBND tỉnh cũng đã công nhận 20 xã này đạt chuẩn Nông thôn mới. Kết quả thực hiện như sau:

**- Tại thời điểm năm 2010 của 20 xã:**

+ Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài 175,80km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 104,48km. Đạt tỷ lệ 59,43%. Các tuyến đường trục xã, liên xã trong huyện cơ bản mới đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0 m.

+ Đường trục thôn, xóm: Tổng chiều dài 331,74 km; đã được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 132,65 km. Đạt tỷ lệ: 39,98%. Các tuyến đường trục thôn, liên thôn trong huyện cơ bản mới đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 2,0 m.

+ Đường ngõ, xóm: Tổng chiều dài 387,87 km; đã được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 116,26km. Đạt tỷ lệ: 29,97%. Các tuyến đường ngõ xóm trong huyện cơ bản mới đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 3,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 1,5 – 2,0 m.

+ Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 320,4 km; đã được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện 106,35 km. Tỷ lệ đạt 33,19 %. Các tuyến đường trục chính nội đồng trong huyện mới bắt đầu được xây dựng.

* **Đến hết năm 2021 của 20 xã:**

+ Đường trục xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện: Tổng chiều dài 175,81 km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 175,80 km. Đạt tỷ lệ 100%. Các tuyến đường trục xã, liên xã trong huyện đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 6,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

+ Đường trục thôn, xóm và liên thôn, xóm: Tổng chiều dài 331,74 km; đã được cứng hóa đạt chuẩn 265,36 km. Đạt tỷ lệ: 79,99%. Các tuyến đường trục thôn, liên thôn trong huyện đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

+ Đường ngõ, xóm: Tổng chiều dài 387,87 km; đã được cứng hóa đạt chuẩn 314,95 km. Đạt tỷ lệ: 81,2%. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: 100%. Các tuyến đường ngõ xóm trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0 m đảm.

+ Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 320,4 km; đã được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện 245,11 km. Tỷ lệ đạt 76,5%. Các tuyến đường trục chính nội đồng trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng từ 3,0 - 6,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0 m, đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

**c) Tổng hợp đến hết năm 2021:**

- Đến tháng 10/2021, huyện Quỳnh Lưu có 32/32 xã hoàn thành tiêu chí số 02 giao thông, với số liệu tổng hợp như sau:

+ Đường trục xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện: Tổng chiều dài 292,68 km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 292,68 km. Đạt tỷ lệ 100%. Các tuyến đường trục xã, liên xã trong huyện đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 6,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

+ Đường trục thôn, xóm và liên thôn, xóm: Tổng chiều dài 477,39 km; đã được cứng hóa đạt chuẩn 384,06 km. Đạt tỷ lệ: 80,45%. Các tuyến đường trục thôn, liên thôn trong huyện đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm

+ Đường ngõ, xóm: Tổng chiều dài 509,12 km; đã được cứng hóa đạt chuẩn 425,77 km. Đạt tỷ lệ: 83,63%. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: 100%. Các tuyến đường ngõ xóm trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0 m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

+ Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 460,9 km; đã được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện 371,31 km. Tỷ lệ đạt 80,56 %. Các tuyến đường trục chính nội đồng trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 3,0-6,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m, đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

- Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư cơ bản có rãnh tiêu thoát nước hai bên đường: Tổng chiều dài các đoạn đường trục xã, liên xã, trục thôn, liên thôn qua khu dân cư là 818,79 km, trong đó có 619,01 km đã có rãnh thoát nước chiếm tỷ lệ 75,6%; các đoạn rãnh thoát nước thường xuyên được nạo vét, khơi thông đảm bảo khả năng thoát nước.

-  Đường trục xã, liên xã, trục thôn, xóm, liên thôn, xóm có trồng cây xanh, trồng hoa *(đối với những đoạn có thể trồng được)*: Tổng cộng có 1.279,2km đường trục xã, liên xã trục thôn, xóm, liên thôn xóm cần trồng cây xanh, trồng hoa; hiện nay có 716,25 km đã được trồng cây xanh, trồng hoa (đạt tỷ lệ 55,99%).

Đánh giá: Đến nay, 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn từ 100% trở lên so với yêu cầu Tiêu chí giao thông*(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

***2.2. Về thủy lợi:***

1. Có 88,3% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.

\* Toàn huyện có 7.500 ha sản xuất lúa, tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động tại các xã đạt 88,3%. Trong giai đoạn từ năm 2010-2021, các xã đã huy động các nguồn lực để xây dựng các trạm bơm, tu sửa nâng cấp các hồ đập và kiên cố các tuyến kênh tưới tiêu đảm bảo phục vụ tưới tiêu chủ động cho sản xuất. Đến nay các công trình thủy lợi cơ bản đảm bảo cho việc tưới và tiêu chủ động cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

\* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động như sau:

 Ttưới = S1 = 8.038(ha)/9.106,36 (ha) = 88,3 %

 S

- S1: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động 8.038 (ha).

 - S: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động theo kế hoạch 9.106,36 (ha).

- Hệ thống các công trình thủy lợi được xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đã nâng cao công suất, hiệu quả tưới tiêu, góp phần tăng năng suất, sản lượng, giá trị sản xuất các loại cây trồng chủ lực trên địa bàn huyện; năng suất lúa tăng từ 49,2 tạ/hạ năm 2010 lên 73,9 tạ/ha năm 2021; năng suất lạc tăng từ 22,7 tạ/ha năm 2010 lên 26,5 tạ/ha năm 2021; năng suất ngô tăng từ 32,5 tạ/ha năm 2010 lên 42 tạ/ha năm 2021.

2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

\* Trong 10 năm qua, được sự quan tâm các cấp, các ngành từ Trung ương, Tỉnh, kết hợp nguồn cấp bù thủy lợi, hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, cũng như sự nỗ lực của cán bộ và nhân dân huyện Quỳnh Lưu, nhiều công trình thủy lợi như hồ đập, trạm bơm, kênh mương, đê sông, đê biển trên địa bàn huyện đã được đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới, trong đó hệ thống kênh mương trên địa bàn đã được kiên cố gần 168km, qua đó góp phần rất lớn trong việc nâng cao hiệu quả tưới, tiêu cũng như công tác phòng chống bão lụt trên địa bàn.

- Tổng số kênh mương trên địa bàn huyện 458,6 km, đã bê tông hóa được gần 326,5 km, chiếm 71,2 %( kênh do Công ty TNHH 1 TV Thủy lợi Bắc quản lý 105,2 km, các địa phương quản lý 353,4 km).

- Các hệ thống hồ đập, trạm bơm, kênh mương đã được xây dựng trước đây thường xuyên được nâng cấp, tu sửa, nạo vét đảm bảo tưới tiêu phục vụ tốt cho sản xuất và phòng chống thiên tai trên địa bàn. Tổng vốn đầu tư trong 10 năm để đầu tư cho công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai khoảng 1.116 tỷ đồng, trong đó: 510 tỷ đồng thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp các hồ đập; 606 tỷ đồng thực hiện các dự án xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm và hệ thống kênh mương. Một số dự án lớn trên địa bàn được đầu tư nâng cấp trong thời gian qua: Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An;Hệ thống tưới, tiêu vùng màu huyện Quỳnh Lưu; Kênh tiêu liên xã Quỳnh Giang, Quỳnh Diễn; Sửa chữa nâng cấp đập Khe Sâu, Đồng Nen, đập Hồ Trung, đập Khe Bính xã Quỳnh Châu; Sửa chữa nâng cấp đập Khe Sân, đập Tây Nguyên, đập Vũng Đá, đập Thủng Dạ, đập Khe Dung xã Quỳnh Thắng...

\* Hàng năm UBND các xã chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn. Thành lập và kiện toàn ban chỉ huy phòng chống tiên tai và được UBND huyện thẩm định, phê duyệt phương án PCTT-TKCN.

\* Ban chỉ huy PCTT- TKCN các xã đã xác định đúng mục đích, yêu cầu của nhiệm vụ kế hoạch đề ra tổ chức theo phương án “4 tại chỗ” Lực lượng tại chỗ , chỉ huy tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ; phối kết hợp giải quyết kịp thời đồng thời báo cáo cấp trên hộ trợ ứng cứu khi cần thiết, đã làm giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn xã.

 *Đánh giá:* Đến nay, 32/32 xã đạt chuẩn nông thôn mới mức 100% so với yêu cầu Tiêu chí thủy lợi*(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

***2.3. Điện:***

Hệ thống lưới điện đã từng bước được cải thiện và đi vào vận hành ổn định. Ngành điện tiếp tục nâng cấp và xây dựng mới hệ thống điện nông thôn nhằm phục vụ tốt cho nhân dân, nâng cao an toàn sử dụng. Trong 10 năm, ngành điện đã đầu tư hơn 230,16 tỷ để nâng cấp hệ thống điện trên địa bàn. Có 180 trạm được làm mới, nâng cấp, 3.107 km đường dây hạ thế được thay thế cải tạo, 100% số hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn theo quy định (đạt 100% khối lượng cần thực hiện).

*Đánh giá:* Hiện nay 100% số xã có Tiêu chí điện đạt chuẩn nông thôn mới với mức độ 100% so với yêu cầu.*(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*

***2.4. Về trường học:***

Trong giai đoạn 2010-2020, cùng với Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới của huyện, ngành giáo dục đã chủ động, sáng tạo lồng ghép với Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2010-2015; 2015-2020 và Kế hoạch hàng năm, trong đó tập trung ưu tiên và tranh thủ các nguồn lực để đầu tư phát triển giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Trong 10 năm, xây dựng mới 95 khu nhà học và phòng bộ môn, phòng phục vụ học tập, phòng hành chính quản trị và phòng tổ chức bán trú đạt chuẩn với số lượng 1.125 phòng; nâng cấp, cải tạo, tu sửa được 565 phòng. Đến nay, toàn huyện có 84/90 trường mầm non, phổ thông có cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 91,3% (đạt 114,13% khối lượng cần thực hiện).

- Tính đến 31/12/2021, toàn huyện đã có 80/90 (toàn huyện có 89 trường công lập, 01 trường THPT tư thục) trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 86,96%; tăng 37 trường, 41,31% so với năm 2011. Trong đó, có 25/32 trường mầm non, tỷ lệ 86,2%; 30/30 trường tiểu học, tỷ lệ 100%; 20/25 trường THCS, tỷ lệ 80%; 5/7 THPT, tỷ lệ 71,4%; 12 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, tỷ lệ 13,3%.

*Đánh giá*:Đến thời điểm 2021, tất cả các xã trên địa bàn huyện Quỳnh Lưucó tiêu chí số 5 về Cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn theo yêu cầu đều đã đạt chuẩn với mức độ 100% so với yêu cầu tại Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An.

***2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa:***

- Có 31 xã, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong 10 năm qua, toàn huyện đã xây dựng mới 23 và nâng cấp 02 nhà văn hóa xã; xây dựng mới 22 và nâng cấp 04 sân vận động xã; đầu tư nhiều sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, các dịch vụ văn hóa, thể thao khác… Đến nay, có 33/33 xã, thị trấn có nhà văn hóa đa chức năng đạt quy định theo Thông tư 05/2014/TT-BVHTT ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số chỗ ngồi trên 250 chỗ ngồi, đầy đủ các phòng chức năng và trang thiết bị hoạt động như: phòng đọc sách, truyền thống, hành chính, hệ thống loa máy, bàn ghế, phông cờ...); 33/33 xã, thị trấn có sân vận động bảo đảm mặt sân, thống tường bao, thoát nước, sân khấu... Ngoài ra, trên địa bàn còn có 22 sân cỏ nhân tạo, 13 bể bơi và nhiều sân bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, sân quần vợt... đảm bảo 100% xã có các điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu của trẻ em, người cao tuổi và nhân dân trên địa bàn.

- 338/338 thôn có nhà văn hóa và sân thể thao. Từ năm 2011 đến nay, toàn huyện đã tiến hành xây dựng mới 58 nhà văn hóa thôn và sửa chữa, nâng cấp, chỉnh trang các nhà văn hóa thôn còn lại. Đã tiến hành quy hoạch lại quỹ đất cho thiết chế văn hóa - thể thao đáp ứng các tiêu chí về diện tích theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sau khi sáp nhập, các thôn cơ bản giữ nguyên cơ sở vật chất với 113 nhà văn hóa thôn và lựa chọn một trong các nhà văn hóa thôn cũ để tiến hành nâng cấp, chỉnh trang làm nhà văn hóa trung tâm, 20 nhà văn hóa thôn đề xuất bán để tạo nguồn đầu tư xây dựng. Từng bước tiến hành chỉnh trang, mua sắm các trang thiết bị, dụng cụ hoạt động và xây dựng mới các công trình văn hóa - thể thao thôn để hoạt động theo cụm dân cư, đảm bảo tốt nhất nhu cầu hoạt động của nhân dân.

Các thiết chế văn hóa - thể thao được đầu tư ngày càng khang trang, hiện đại. Hàng năm, huyện bố trí từ nguồn ngân sách bình quân từ 2 - 2,5 tỷ đồng để hỗ trợ các xã xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao, ngoài ra các xã bố trí kinh phí từ ngân sách và huy động nguồn xã hội hóa và đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất về văn hóa, thể thao. Đây là nơi tổ chức các hoạt động phục vụ các buổi sinh hoạt, hội họp, tổ chức học tập cộng đồng, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của địa phương, là nơi để tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước … công năng sử dụng hệ thống thiết chế đạt chất lượng và hiệu quả cao, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

***Đánh giá:*** *Đến nay có 32/32 xã, thị trấn đạt Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa (theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An).*

***2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn***

Gắn với công tác xây dựng và phê duyệt quy hoạch nông thôn mới cho 32 xã trên địa bàn huyện đã phê duyệt quy hoạch chung cho 9 chợ nông thôn ở các xã.

 Hiện nay, trên địa bàn huyện có 9 chợ phù hợp với quy hoạch, được đánh giá công nhận đạt chuẩn Tiêu chí hạ tầng cơ sở thương mại nông thôn theo phương án đảm bảo yêu cầu có cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Có 23 xã không có chợ và không đưa quy hoạch chợ mới vào quy hoạch chung của xã.

Kết quả từ năm 2011 đến nay, toàn huyện đã xây mới 10 chợ gồm chợ Giát, chợ Quỳnh Bá, Quỳnh Yên, Quỳnh Thanh, Chợ Vân xã Quỳnh Văn, chợ Tuần xã Quỳnh Châu, chợ Quỳnh Bảng, chợ Quỳnh Yên, chợ Nồi xã Quỳnh Đôi, chợ Mơ Quỳnh Lương và cải tạo nâng cấp 6 chợ gồm: chợ Quỳnh Hoa, chợ Quỳnh Ngọc, chợ Tân Sơn, chợ Quỳnh Minh, Quỳnh Tam, chợ Quỳnh Thắng. Ngoài ra các xã đã và đang tiếp tục đầu tư xây dựng khu buôn bán thực phẩm tươi sống tại 21/21 chợ trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hoá của cư dân nông thôn.

 Tại thị trấn Cầu Giát và các xã vùng biển có tiềm năng phát triển du lịch dịch vụ như Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Minh, Quỳnh Lương, Quỳnh Bảng đã được đầu tư xây dựng và phát triển khá mạnh hệ thống nhà hàng, khách sạn, khu dịch vụ thương mại tạo ra nhiều việc làm và thu nhập ổn định cho người dân.

Đối với các xã thực hiện đánh giá tiêu chí không yêu cầu phải có chợ, cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp, các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn đã chủ động đầu tư các cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa phù hợp với quy định, hướng dẫn của ngành; hàng hóa được bố trí sắp xếp khoa học, đáp ứng yêu cầu tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

***2.7. Hệ thống thông tin và truyền thông***

- 33/33 xã, thị trấn trên toàn huyện có điểm phục vụ bưu chính (02 xã có 02 điểm và 31 xã có 01 điểm phục vụ bưu chính), trong đó có 01 bưu cục cấp 2, có 06 bưu cục cấp 3, có 29 điểm bưu điện - văn hóa xã. 100% bưu cục và điểm bưu điện - văn hóa xã được trang bị máy tính kết nối mạng internet, được trang bị các loại sách báo phục vụ nhu cầu của nhân dân. Các bưu cục, điểm bưu điện - văn hóa xã cung ứng đầy đủ các dịch vụ bưu chính, dịch vụ khác, tổ chức phục vụ đọc sách báo... đảm bảo các nội dung theo quy định của Thông tư số 17/2013/TT-BTTTT ngày 02/8/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hoạt động của điểm bưu điện - văn hóa xã.

- Mạng lưới viễn thông từng bước được nâng cấp, hiện đại hoá, phục vụ tốt nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Số trạm thông tin phát sóng di động (BTS) trên toàn huyện là 166 trạm (trong đó Mobifone: 53, Viettel: 73, Vinaphone: 40). 33/33 xã, thị trấn có đường truyền cáp quang, 100% thôn, bản, khối phố trên địa bàn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông và internet. Tổng số thuê bao Internet hiện có trên 31.800; thuê bao điện thoại có trên 251.500, bình quân 90,1 thuê bao điện thoại/100 người dân.

- Trong 10 năm qua, có 17 xã xây dựng mới hệ thống truyền thanh, 28 lượt xã nâng cấp và mua sắm trang thiết bị hệ thống truyền thanh. Trên địa bàn huyện 33/33 xã, thị trấn có đài truyền thanh, có hệ thống loa kết nối đến các thôn, đảm bảo toàn dân nghe được hệ thống truyền thanh; ngoài ra, các thôn đều có hệ thống loa truyền thanh đáp ứng công tác thông tin tuyên truyền.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Các xã Quỳnh Đôi, Quỳnh Lương, Quỳnh Hậu, Quỳnh Bảng... đầu tư xây dựng trang thông tin điện tử của xã. Tất cả các xã đều có hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo theo yêu cầu gồm: Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức đạt 100%; Đảng ủy, HĐND, UBND xã đều có máy tính kết nối mạng LAN - Internet băng rộng phục vụ công việc; 100% trường học, trạm y tế đều có hệ thống máy tính kết nối Internet phục vụ dạy học và khám chữa bệnh. Tất cả các xã đều đưa vào ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành VNPT-Ioffice phục vụ trao đổi văn bản quản lý liên thông với huyện và tỉnh; 100% xã, thị trấn có hệ thống giao ban trực tuyến, ứng dụng hệ thống phần mềm Một cửa điện tử liên thông và Cổng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng chữ ký số... góp phần thực hiện tốt chương trình Chính phủ điện tử.

***Đánh giá:*** *Đến nay có 323/32 xã, thị trấn đạt chuẩn Tiêu chí về Thông tin và Truyền thông (theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An).*

***2.8. Nhà ở dân cư***

- Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực xây dựng, chỉnh trang, khuôn viên nhà cửa các hộ dân, trong 10 năm huy động hơn 14 tỷ đồng từ nguồn vốn của nhân dân để xây dựng mới, chỉnh sửa hơn 1.370 ngôi nhà đảm bảo 3 cứng “nền cứng, khung cứng và mái cứng" từng bước hoàn thiện các công trình phụ trợ, nhà vệ sinh, bếp, kiến trúc phù hợp phong tục tập quán ở địa phương, niên hạn sử dụng đảm bảo 20 năm trở lên, diện tích đạt từ 14 đến 24m2. Đến nay trên địa bàn huyện không có nhà tạm, nhà dột nát.

- Giai đoạn 2011-2021 đã tiến hành xây dựng được 883 nhà đại đoàn kết; hỗ trợ sửa 488 nhà cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách.

Tỷ lệ nhà ở dân cư trên toàn huyện đạt chuẩn Bộ xây dựng đạt 58.540 hộ/71.473 hộ, đạt 81,91% (đạt 102,39% khối lượng cần thực hiện).

Đánh giá: Tính đến nay 100% xã đã đạt chuẩn100% so với yêu cầu Tiêu chí nhà ở dân cư.*(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

**3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:**

***3.1. Về nông, lâm nghiệp, thủy sản:***

Phát triển sản xuất là mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới từ đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, làm cho bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới, thời gian qua huyện đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất theo định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, xây dựng cánh đồng sản xuất lớn, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; gắn sản xuất với triển khai xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm. Đồng thời xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, vùng sản xuất chuyên canh tập trung và cánh đồng lớn liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện, góp phần đưa sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản phát triển toàn diện. Trong đó chú trọng phát triển các sản phẩm chủ lực hàng hóa theo vùng quy hoạch theo đề án phát triển sản xuất của huyện, xã đảm bảo liên kết vùng, liên vùng gắn với việc triển khai hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Đặc biệt đẩy mạnh phát triển sản xuất 3 vùng tập trung theo quy hoạch gắn với các sản phẩm chủ lực của huyện (lúa, rau màu, lợn, bò, thủy sản), gồm: Vùng sản xuất trang trại tổng hợp nông lâm gắn với chăn nuôi tập trung tại các xã bán sơn địa; Vùng sản xuất lúa hàng hóa tại các xã vùng nông giang; vùng sản xuất rau màu, thủy sản tại các xã vùng ven biển.

Từ những kết quả trên đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất từ đó nâng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp. Trên đơn vị diện tích, giá trị sản xuất tăng mạnh: năm 2021 đạt 142 triệu đồng/ha/năm, tăng 36,4 triệu đồng/ha so với năm 2012 (năm 2012 đạt 105,6 triệu đồng) và tăng 30,5 triệu đồng/ha so với năm 2015 (năm 2015 đạt 111,5 triệu đồng). Giá trị sản xuất nông lâm ngư đạt 4.143,5 tỷ đồng, tăng 272,1 tỷ đồng so với năm 2012.

a) Về trồng trọt

- Tiếp tục triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện, gắn với tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị. Duy trì và gia tăng mức độ ứng dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến như quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI), kỹ thuật quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) đạt trên 78% *(tăng 59% so với năm 2012)*. Tiếp tục ứng dụng rộng rãi công nghệ tưới phun bán tự động đối với các vùng chuyên canh sản xuất rau màu đạt 82% diện tích *(tăng 35 % so với năm 2015)*. Tập trung đẩy mạnh áp dụng cơ giới hoá vào sản xuất giúp giảm sức lao động và tăng hiệu quả sản xuất cho nông dân, đến nay trên 95% diện tích được cơ giới hóa trong khâu làm đất, thu hoạch[[9]](#footnote-10). Hiện nay huyện Quỳnh Lưu đang triển khai xây dựng các mô hình áp dụng cơ giới hóa từ khâu làm mạ đến thu hoạch.

- Trồng trọt chuyển dịch theo hướng chuyển trọng tâm sản xuất từ số lượng sang chất lượng và giá trị. Cơ cấu cây trồng chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa; các giống cây trồng dài ngày, năng suất và chất lượng thấp được thay thế bằng các giống có chất lượng, giá trị kinh tế cao[[10]](#footnote-11).Từ năm 2012-2014 huyện đã tập trung dồn điền đổi thửa lần 3, giảm từ 5-7 thửa/hộ xuống còn 1 - 2 thửa/hộ. Hình thành vùng liên kết sản xuất lúa hàng hóa gắn với bao tiêu sản phẩm, quy mô từ 30 - 100 ha/vùng[[11]](#footnote-12). Duy trì ổn định vùng sản xuất Mía nguyên liệu cho Công ty TNHH Mía đường Nghệ An với quy mô 600 - 900 ha/năm[[12]](#footnote-13). Hình thành các vùng sản xuất rau an toàn theo chuẩn VietGap và định hướng Nông nghiệp hữu cơ[[13]](#footnote-14).

- Trên địa bàn huyện đã xây dựng 7 mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong nhà màng, gieo trồng trên giá thể, áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt hoàn toàn tự động với tổng diện tích 25.200 m2[[14]](#footnote-15) mang lại thu nhập bình quân khoảng hơn 500 triệu đồng/ha/năm; cho hiệu quả kinh tế cao hơn 15-20% so với sản xuất thông thường do trồng được các loại cây có giá trị cao có chất lượng sản phẩm tốt, chủ động được thời vụ, giảm được lượng nước tưới, phân bón. Ổn định và phát triển các vùng sản xuất thâm canh cây ăn quả[[15]](#footnote-16)cho thu nhập từ 850 triệu đồng đến 1,5 tỷ đồng/ha.

b). Về Chăn nuôi

Chăn nuôi có bước phát triển khá, chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư sang chăn xa dân cư, trang trại tập trung hướng công nghiệp, bán công nghiệp, Hình thành các vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư có kiểm soát dịch bệnh, an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình chăn nuôi VietGAP, nhất là tại các trang trại chăn nuôi có quy mô tập trung (sử dụng công nghệ chuồng trại khép kín, nước uống tự động, sử dụng đệm lót sinh học...) để tạo ra sản phẩm chất lượng, đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm. Tổ chức phòng chống các bệnh nguy hiểm cho đàn gia súc, gia cầm. Trên địa bàn huyện có 32 cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ xa khu đan cư và 117 cơ sở chăn nuôi nông hộ. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 19.931 tấn, giá trị sản xuất đạt 873,541 tỷ đồng.

c). Về lâm nghiệp

Tổ chức rà soát, cắm mốc ranh giới 3 loại rừng. Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, chủ rừng thực hiện quy trình trồng rừng thâm canh, mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn, chuyển từ trồng thu hoạch rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn. Tổ chức kêu gọi các doanh nghiệp vào liên kết trồng rừng, chế biến rừng. Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học vào trồng rừng như xây dựng cơ sở sản xuất giống keo nguyên liệu bằng nuôi cấy mô, xây dựng mô hình trồng nguyên liệu giấy gỗ lớn. Hàng năm hoàn thành kế hoạch trồng rừng tập trung từ 500-560 ha và trồng cây phân tán, tổ chức tốt phong trào trồng cây đầu xuân. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng. Tổng diện tích rừng trên địa bàn huyện 12.540,89 ha (rừng phòng hộ 1.979 ha, rừng sản xuất 10.561,89 ha). Hàng năm khai thác trên 450 tấn nhựa thông và 17.600 m3 gỗ rừng trồng (chủ yếu gỗ nguyên liệu: keo, bạch đàn các loại). Một số máy móc, công nghệ mới được đưa vào sản xuất chế biến gỗ như sử dụng một số máy bóc để bóc ván gỗ nhập cho các nhà máy sản xuất ván nhân tạo để gia tăng giá trị sản xuất, hình thành một số mô hình liên kết như Hợp tác xã Lâm nghiệp Quỳnh Thắng …. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp ước đạt 68,238 tỷ đồng.

d). Về thủy sản:

Đây là lĩnh vực kinh tế thế mạnh của huyện. Tổng sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng thủy sản năm 2021 đạt 79.012 tấn, tăng 79,18% so với 2012; bình quân tăng 10-15%/năm.

- Quỳnh Lưu được xác định là trung tâm sản xuất giống thủy sản của tỉnh, hiện nay trên địa bàn huyện có 10 cơ sở sản xuất giống thủy sản (8 cơ sở sản xuất tôm sú kết hợp với cua giống và ương gièo tôm thẻ chân trắng; 1 cơ sở sản xuất ngao giống; 01 cơ sở sản xuất cá giống và 01 Công ty TNHH Việt Úc tại xã Quỳnh Minh chuyên sản xuất giống tôm thẻ chân trắng). Các tổ chức cá nhân tham gia đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để sản xuất giống thủy sản sạch bệnh. Nhiều công nghệ mới được áp dụng vào sản xuất giống như hệ thống lọc và khử trùng nước bằng tia cực tím, hệ thống nâng nhiệt, ... đã tạo ra đàn giống chất lượng cao cung cấp cho người nuôi tôm trên địa bàn huyện. Hàng năm sản xuất được gần 2 tỷ con tôm giống, 50 triệu con cá giống, 20 triệu con cua giống và 700 triệu con ngao giống.

- Quỳnh Lưu phát triển đa dạng các hình thức nuôi trồng thủy sản gồm nuôi thủy sản mặn lợ và nuôi ngọt, trong đó chú trọng chuyển hướng theo nuôi trồng các loài có giá trị kinh tế cao với ứng dụng các tiến bộ công nghệ, quy trình nuôi thủy sản mới vào sản xuất gắn với liên kết tạo đầu ra ổn định như nuôi thủy sản VietGAP, nuôi tôm nhiều giai đoạn, nuôi tôm theo công nghệ Biofloc, nuôi tôm tuần hoàn nước, nuôi các loài thủy đặc sản có giá trị cao như baba, ốc bươu, lươn đồng, ....Tập trung khai thác diện tích mặt nước, chuyển đổi diện tích sản xuất kém hiệu quả, ven sông ven biển sang nuôi trồng thủy sản. Diện tích nuôi trồng thủy sản hàng năm đạt 2.500-2.600 ha, sản lượng hàng năm từ 9-10 ngàn tấn. nhiều đối tượng nuôi mới và mô hình nuôi thủy sản nước ngọt mới được áp dụng vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình nuôi cá “Sông trong ao”, mô hình nuôi thâm canh cá rô phi Đường nghiệp, rô phi lai xa Israel, cá chép V1, trắm giòn, chép giòn, ....

- Duy trì ổn định đội tàu khai thác hải sản gần 900 chiếc gắn với ứng dụng công nghệ mới vào khai thác, bảo quản hải sản sau đánh bắt để nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm, tăng thời gian hoạt động trên biển. Các trang thiết bị hiện đại được ứng dụng vào sản xuất như máy dò cá, bóng đèn Led, hệ thống tời lưới, làm hầm bảo quản lạnh trên tàu cá bằng vật liệu PU (Polyurethane), lắp đặt hệ thống cấp đông, thiết bị giám sát hành trình, ra đa, máy thông tin tầm xa (ICOM), ... Sản lượng khai thác hằng năm đạt từ 68-70 ngàn tấn, trong đó có 40-45% sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

e). Diêm nghiệp:

Sản xuất muối tiếp tục được quan tâm; tiếp tục hỗ trợ xây dựng chạt lọc cải tiến và trải bạt ô kết tinh, đến nay có khoảng 90% diện tích đã được xây dựng chạt lọc cải tiến, 30% diện tích đã được trải bạt ô kết tinh. Chú trọng công tác tu sửa ô nại, nạo vét, cải tạo kênh mương, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất, tiêu thụ muối, duy trì ổn định diện tích sản xuất 600 ha với sản lượng hàng năm đạt từ 47-50 ngàn tấn. Trên địa bàn có 4 cơ sở chế biến muối (Công ty cổ phần muối Nghệ An, Công ty muối Việt Nam, Xí nghiệp muối Vĩnh Ngọc, Công ty muối Vinh Ngọc) sản lượng muối chế biến hàng năm khoảng 35.000 tấn muối xuất khẩu và muối iot, chiếm 74,46% sản lượng muối toàn huyện.Đến nay đã được UBND tỉnh công nhận 9 làng nghề sản xuất muối.

***3.2. Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp từng bước được đổi mới, hiện đại***

Tổ chức rà soát đánh giá hoạt động kinh tế tập thể trên địa bàn huyện, đẩy mạnh phát triển mới các hình thức sản xuất: Tập trung chỉ đạo chuyển đổi, nâng cao chất lượng hoạt động theo luật HTX năm 2012.

Đến nay, 33/33 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã có HTX dịch vụ nông nghiệp, Tổng số HTX trên địa bàn huyện đến 31/12/2021 là 67 HTX đang hoạt động; trong đó có 45 HTX tốt khá chiếm 67,2% và 22 HTX trung bình, yếu chiếm 32,8%. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của các hợp tác xã là dịch vụ vật tư cung ứng đầu vào như: Giống, phân bón, thuốc BVTV và thực hiện các dịch vụ phục vụ sản xuất như: Thủy nông, sửa chưa nạo vét kênh mương, bảo vệ đồng.. Hoạt động của HTX không ngừng nâng lên, vốn điều lệ trung bình đạt 865,873 triệu đồng/HTX, số thành viên bình quân đạt 292,6 thành viên/HTX. Có nhiều HTX hoạt động có hiệu quả và đạt lợi nhuận trên 500 triệu đồng như: HTX Sơn Lâm, HTX Tân Lâm xã Quỳnh Lâm, HTX Lâm nghiệp tổng hợp xã Quỳnh Thắng. Nhiều HTX đã thực hiện ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất trong sản xuất như HTX Nông nghiệp và Diêm nghiệp xã Quỳnh Minh.

Các HTX đã chủ động tìm kiếm các doanh nghiệp để ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm như lúa giống, lúa thương phẩm, rau, dứa, lợn, bò.... cho nông dân; qua đó đã góp phần tăng thu nhập và tạo việc làm cho các thành viên HTX, Điển hình như HTX DV Nông nghiệp Sơn Lâm, xã Quỳnh Lâm; HTX DV Nông nghiệp - Diêm nghiệp Minh Châu, xã Quỳnh Ngọc; HTX DV Nông nghiệp Thống nhất, xã Quỳnh Diễn; HTX Nông nghiệp Phú Thành, xã Quỳnh Hậu; …. Toàn huyện có 32/32 xã đều có hợp đồng liên kết có thời gian 2 năm trở lên giữa người dân, HTX với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.

Trong 2 năm gần đây đã công nhận thêm 9 làng nghề sản xuất muối và 01 Làng nghề Chế biến nông sản, nâng tổng số làng nghề trên địa bàn huyện lên 40 làng; các làng nghề duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và có một số Làng nghề hoạt động hiệu quả, tạo được nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Cùng với sự hỗ trợ của chính quyền tỉnh, huyện, xã; các làng nghề và cũng đã chủ động quan tâm đến hoạt động xây dựng, quảng bá thương hiệu, nhãn mác, xúc tiến thương mại như Làng nghề Nước mắm Tân An xã An Hòa.. Một số sản phẩm đặc sản của địa phương tham gia xây dựng các sản phẩm OCOP như: Tảo Quỳnh Lương, Mực Quỳnh Lưu, Nước Mắm, Sản phẩm giò me HTX Từ Tâm.

Ngoài ra nhiều địa phương đã thành lập được các tổ hợp tác hoạt động theo ngành, lĩnh vực. HTX đảm bảo cung cấp giống vật tư cho sản xuất, dịch vụ thủy nông, bảo vệ thực vật, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ cho thành viên, phối hợp cùng với chính quyền xây dựng đời sống văn hóa mới và bước đầu thực hiện an sinh xã hội, giúp cho kinh tế hộ nông dân nâng cao năng suất lao động và tư duy sản xuất hàng hóa của bà con nông dân.

- Xã có mô hình sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực: Toàn huyện có 32/32 xã đều có hợp đồng liên kết có thời gian 2 năm trở lên giữa người dân, HTX với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.

***3.3. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:***

***3.3.1. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp-xây dựng***

Trong những năm trở lại đây huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng và ban hành nhiều cơ chế để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn huyện nên duy trì được tốc độ phát triển cao. Năm 2020, giá trị sản xuất theo giá so sánh đạt 12.765 tỷ đồng, chiếm 56,1%; tăng 15,98% so với năm 2019 và tăng 405,79% so với năm 2011.

Đến tháng 12/2021, toàn huyện có627 doanh nghiệp hoạt động, quy mô vừa và nhỏ, tạo công ăn việc làm cho hơn 17.000 lao động. Các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực như khai thác khoáng sản, sản xuất xi măng, sản xuất tôn, thép định hình, nhựa,bồn chứa nước, bia&nước giải khát, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, gỗ ván MDF, thức ăn gia súc, xây dựng dân dụng, cơ khí,...; thu nhập bình quân đạt từ 5-7 triệu đồng/người/tháng. Bên cạnh đó, huyện Quỳnh Lưu đã chú trọng duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống cũng như phát triển nghề mới trên địa bàn huyện, đến nay toàn huyện có 40 làng nghề; kinh doanh cá thể, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện phát triển tương đối tốt,giải quyết việc làm tại chỗ cho nhiều lao động của địa phương.

***3.3.2. Về dịch vụ, thương mại***

Thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất đạt 2.397 tỷ đồng, tăng 1,44% so với năm 2020 và tăng 159,87 % so với năm 2010. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành dịch vụ mang tính đa ngành, đa nghề tiếp tục phát triển. Hoạt động của hệ thống Ngân hàng và tổ chức Tín dụng, Bưu chính - Viễn thông, vận tải, logictic, nhà hàng và các dịch vụ bán buôn, bán lẻ được mở rộng mạng lưới. Các loại hình dịch vụ thương mại phát triển khá, tập trung phát triển chợ, toàn huyện có 21chợ và các cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, bình quân mỗi năm phát triển thêm hàng trăm cơ sở thương mại, dịch vụ. Hoạt động du lịch phát triển nhanh, bình quân mỗi năm đón hơn 60.000 lượt khách du lịch đến với khu du lịch Biển Quỳnh...Công tác quản lý thị trường, giá cả được duy trì khá tốt.

Quỳnh Lưu tự hào là vùng đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống văn hóa và cách mạng. Từ xa xưa, nơi đây lưu trữ những trầm tích văn hóa và lịch sử lâu đời của cha ông, là một trong những cái nôi của người Việt cổ; Di chỉ cồn Điệp, Quỳnh Văn đã minh chứng người Việt cổ xuất hiện tại Quỳnh Lưu cách đây khoảng 6.000 năm về trước. Nhân dân Quỳnh Lưu mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu chống kẻ thù xâm lược và cần cù, sáng tạo, chịu khó trong lao động sản xuất. Trải qua suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, Quỳnh Lưu luôn là mảnh đất anh hùng, kiên cường tồn tại như một tiền đồn vững chắc của phía Đông Bắc xứ Nghệ. Nơi đây, là quê hương của nhiều chí sỹ cách mạng lỗi lạc, danh nhân, thi sỹ, nhạc sỹ tài năng, tiêu biểu như chí sỹ cách mạng Văn Đức Giai, Hồ Bá Ôn, Hồ Ngọc Lãm, Hồ Tùng Mậu, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đầu tiên Cù Chính Lan, danh nhân văn hóa thế giới nữ sỹ Hồ Xuân Hương... Toàn huyện có 193 di tích và danh thắng, trong đó 33 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng (gồm 15 di tích cấp quốc gia và 18 di tích cấp tỉnh). Toàn huyện có 4 lễ hội dân gian truyền thống, 40 làng nghề truyền thốngthu hút ngày một nhiều khách tham quan, du lịch trong và ngoài huyện, góp phần giáo dục truyền thống dân tộc, phát triển kinh tế-xã hội, giữ gìn, bảo tồn. Đồng thời phát huy, khai thác hợp lýcác giá trị văn hóa, các di sản văn hóa vào mục tiêu phát triển kinh tế.

***3.4.Về giải quyết việc làm, thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo của huyện.***

***3.4.1. Về thu nhập***

Trong những năm qua Huyện ủy, HĐND, UBND huyện bám sát các Chương trình, đề án, kế hoạch được phê duyệttập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết các giải pháp, huy động tối đa mọi nguồn lực, khai thác hết tiềm năng, lợi thế để phát triểnmọi lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiêp, xây dựng; tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ,... theo hướng giảm tỷ trọng Nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng ngành Công nghiệp-Xây dựng, Thương mại-Dịch vụ từ đó góp phần nâng cao thu nhập người dân. Thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước: Năm 2010 đạt 13,20 triệu đồng/người/năm, năm 2015 đạt 28,8 triệu đồng, đến năm 2021 thu nhập bình quân đầu người đạt 47 triệu đồng/người/năm, tăng 33,8 triệu đồng so với 2010 ( Trong đó thu nhập khu vực nông thôn đạt46,545 triệu đồng/người/năm).

***3.4.2. Về tỷ lệ hộ nghèo***

Công tác giảm nghèo tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, tổ chức tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội và chăm lo cho các đối tượng chính sách, ổn định đời sống nhân dân thông qua đẩy mạnh các chương trình giảm nghèo như chương trình 135, chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn để đầu tư phát triển sản xuất. Hộ nghèo giảm dần theo các năm[[16]](#footnote-17);Giai đoạn 2010-2015: năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo 13,01%, cuối năm 2015 giảm xuống còn 5,65%; giai đoạn 2016-2020: tỷ lệ hộ nghèo từ 5,65% năm 2016 đến cuối năm 2021 giảm xuống còn 0,8%.

Để đạt kết quả trên, cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tập trung thu hút các dự án đầu tư vào địa bàn huyện, thu hút các ngành nghề mới, quan tâm đến đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động. Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo, hỗ trợ các hộ nghèo phát triển sản xuất.

***3.4.3. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên***

Bám sát các Chương trình đề án được phê duyệt, từ huyện xuống cơ sở đã tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, phát triển, du nhập các ngành nghề mới, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn,... nhằm giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông thôn. Thông qua việc đầu tư phát triển làng nghề, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư sản xuất, kinh doanh;kêu gọi các doanh nghiệp vào tuyển dụng lao động trên địa bàn đi làm việc ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài.Toàn huyện, mỗi năm giải quyết việc làm cho cho 3.500-4.100 lao động đưa tổng số lao động có việc làm mới trong 10 năm hơn 40.000 lao động, trong đó có hơn 12.000 người làm việc ở nước ngoài thông qua xuất khẩu lao động. Bên cạnh đó, người lao động đã vận dụng các kiến thức, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào lao động sản xuất, cải thiện chất l­ượng việc làm, nâng cao thu nhập ổn định cuộc sống góp phần xoá đói giảm nghèo. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi có khả năng lao động ở 28/28 xã đều đạt trên 90% và toàn huyện đạt 92,7% (trên 90%, đạt chuẩn theo quy định).

Đến nay, 32/32 xã đạt chuẩn các tiêu chí: Thu nhập, hộ nghèo, lao động việc làm.*(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

**4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:**

***4.1. Về giáo dục và đào tạo:***

- Năm 2021, trên địa bàn huyện có 33/33 xã, thị trấn đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vững chắc; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 27/29 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và 2 xã đạt chuẩn mức độ 2.

- Năm 2021, trên địa bàn toàn huyện có số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2020-2021 là 2.751; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, học nghề năm học 2020-2021 là 2592/2751, đạt tỷ lệ 94,2%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc làm tính đến cuối năm 2021: toàn huyện 61204/115755, đạt tỷ lệ 52,87%, 32/32 xã đều đạt tỷ lệ trên 40%.

Đến thời điểm 2021, 32/32 xã trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu đều đạt tiêu chí số 14 về giáo dục theo yêu cầu tại Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An.

***4.2. Về y tế:***

 ***a. Xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế:***

 Tính đến ngày 30 tháng 11 năm 20211 toàn huyện có 32/32 xã đã được UBND tỉnh công nhân đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

 ***b. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế:***

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng chú trọng nên tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm tăng cao hơn năm 2010. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT năm 2011 mới đạt 65%, năm 2015 đạt 68%, đến năm 2021 đạt 92%.

***c. Tỷ lệ Suy dinh dưỡng Trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi***

Chỉ đạo triển khai thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai; cân trẻ và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng đạt 95%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp/còi còn 14.8%, giảm 4,7% so với năm 2015

*Đánh giá:* Đến nay, 32/32 xã đạt chuẩn Tiêu chí y tế *(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

***4.3. Về văn hóa:***

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa“ phát triển rộng khắp, nhất là phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới được nhân dân quan tâm thực hiện có hiệu quả. Việc thực hiện quy trình đăng ký, bình xét, công nhận các danh hiệu văn hóa được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 122/2018/NQ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ và Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Nghệ An đạt chất lượng, hiệu quả.

- Tổng số khu dân cư văn hóa được công nhận năm 2021 là 267/338 làng, khu dân cư, đạt 79%; tổng số gia đình được công nhận gia đình văn hóa: 60.812/73.516 hộ gia đình, đạt 83%; 43 cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, 24/33 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

- Phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao phát triển rộng khắp, thu hút nhiều thành phần, đối tượng tham gia. Hàng năm, cấp huyện tổ chức từ 22 chương trình hoạt động tại chỗ và 15 chương trình lưu động trở lên; cấp xã tổ chức trung bình 6-7 cuộc văn nghệ quần chúng, 6-7 giải thể thao vào dịp lễ, tết và các sự kiện chính trị quan trọng trong năm (như tổ chức Liên hoan Tiếng hát làng Sen; Liên hoan dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh; giao lưu văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân; Hội báo Xuân và Ngày thơ Việt Nam; Khai trương du lịch Biển Quỳnh; hội thi “Nhân dân Quỳnh Lưu với xây dựng nông thôn mới”; tổ chức Đại hội TDTT; giải Việt dã; giải Bóng bàn; giải Cầu lông; giải Bóng đá thiếu nhi; giải Bóng chuyền Bông lúa vàng…); phối hợp với các ngành tổ chức ít nhất 10 chương trình trong năm; Đội thông tin lưu động huyện hoạt động hiệu quả, thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn huyện. Hàng năm và theo định kỳ chỉ đạo tổ chức tốt các lễ hội như: Lễ hội Đền Quy Lĩnh (Quỳnh Lương), Lễ hội Cầu Ngư (các xã vùng biển), Lễ Kỳ phúc (Quỳnh Đôi), Lễ khai trương du lịch Biển Quỳnh; chỉ đạo tổ chức các lễ hội truyền thống, lễ hội các dòng họ nhân dịp đầu xuân; chỉ đạo, hướng dẫn cấp xã tổ chức tốt các lễ đón nhận các danh hiệu... 100% xã, thị trấn có các câu lạc bộ văn hóa, thể thao, toàn huyện có 17 câu lạc bộ dân ca ví, giặm hoạt động thường xuyên, hiệu quả; một số câu lạc bộ tiêu biểu như: Câu lạc bộ Thơ Đường, câu lạc bộ Nhiếp ảnh nghệ thuật Đất Quỳnh, câu lạc bộ dân ca Hồng Sơn, câu lạc bộ dân ca các xã Quỳnh Thắng, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bảng, Quỳnh Hồng, Tiến Thủy, Quỳnh Bá, câu lạc bộ văn nghệ xóm 4, xóm 7 Quỳnh Hậu...

- Chỉ đạo, hướng dẫn cây dựng các mô hình văn hóa hoạt động hiệu quả: mô hình thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh (Ngọc Sơn), mô hình thiết chế văn hóa cấp huyện (Quỳnh Đôi, Quỳnh Lương, Quỳnh Hậu, Quỳnh Hồng, Quỳnh Bá...); mô hình phòng, chống bạo lực gia đình gắn với giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình cấp tỉnh (Quỳnh Diễn), mô hình cấp huyện (Sơn Hải, Quỳnh Long, Quỳnh Ngọc); mô hình việc cưới, việc tang (Cầu Giát, Quỳnh Diễn, Ngọc Sơn, Quỳnh Thuận,…); mô hình câu lạc bộ dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh (Quỳnh Hậu, Quỳnh Thắng, Tiến Thủy, Quỳnh Hồng, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bá, Quỳnh Bảng); mô hình làng văn hóa tại các xã Quỳnh Thắng, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Đôi... Ngoài ra, phối hợp các ban, ngành, đoàn thể huyện xây dựng 33 mô hình “Khu dân cư văn minh và phát triển”, 132 mô hình “đường cờ đại đoàn kết”, mô hình “thư viện xanh” (Quỳnh Lương).… các mô hình, điển hình được nhân diện rộng và phát huy hiệu quả tốt.

- Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm, nhất là việc tu bổ, phục hồi và đề nghị xếp hạng các di tích lịch sử văn hóa. Một số di tích lịch sử văn hóa được tu bổ, tôn tạo, phục hồi bằng nguồn xã hội hóa lớn như Đền thờ Hồ Hưng Dật (Ngọc Sơn) 55 tỷ đồng, Nhà thờ họ Hồ (Quỳnh Đôi) 16 tỷ đồng, Chùa Lam Sơn (Quỳnh Yên) 100 tỷ đồng... Toàn huyện có 193 di tích, danh thắng được kiểm kê và phân cấp quản lý, trong đó có 33 di tích được xếp hạng (gồm 15 di tích quốc gia và 18 di tích cấp tỉnh), trong đó một số di tích tiêu biểu như Nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu, Mộ và đền thờ Hồ Sỹ Dương, Nhà thờ họ Hồ, họ Nguyễn, Đền thờ Hoàng Khánh, Đền Thần (Quỳnh Đôi), Đền thờ Hồ Hưng Dật (Ngọc Sơn), Di chi khảo cổ Quỳnh Văn, Đền Voi (Quỳnh Hồng), Đền Cửa Gan (Quỳnh Hoa), Đền Cồng (Quỳnh Hưng)...

*Đánh giá:* Đến nay có 32/32 xã đạt tiêu chí về Văn hóa*(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

***4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm:***

a. Về tình hình sử dụng nước sinh hoạt:

***-*** Đến nay tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt đảm bảo hợp vệ sinh theo Quy chuẩn Quốc gia trên toàn huyện là 100%.

***-*** Trên địa bàn huyện có 4 nhà máy nước đang hoạt động và 1 nhà máy nước của thị xã Hoàng Mai cấp nước sạch về cho các xã phía đông huyện (Công ty CP Cấp nước Quỳnh Lưu, Nhà máy nước Quỳnh Đôi, Nhà máy nước Quỳnh Thanh, Nhà máy nước Quỳnh Thạch, Công ty TNHH cấp nước Hoàng Mai), các nhà máy nước đã xây dựng hệ thống đường ống cấp nước về đến tận ngõ xóm các xã trong vùng cấp nước và cấp nước đầy đủ, ổn định cho người dân sử dụng. Các xã còn lại sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào, nước mưa,.. đảm bảo vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia; trong đó, có nhiều hộ gia đình sử dụng các thiết bị lọc nước tại nhà để xử lý, sử dụng nước sạch.

***-*** Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt 74%, trong đó nước sạch từ công trình nhà máy nước tập trung chiếm tỷ lệ 25%, còn lại các hộ dân sử dụng các thiết bị máy lọc nước do các hộ gia đình đầu tư trang bị.

b. Công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề:

***-*** Trên địa bàn huyện có **15.767/15.767** cơ sở hoạt động sản xuất công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trong đó có **216** dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, dịch vụ hoạt động thuộc đối tượng lập hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản, Cam kết bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

***-*** Trên địa bàn huyện có **3061** hộ gia đình nuôi trồng thủy sản. Các hộ gia đình nuôi trồng với quy mô nhỏ lẻ, phù hợp với quy hoạch nuôi trồng thủy sản của địa phương, thực hiện ký cam kết môi trường với chính quyền địa phương, không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.

***-*** Có **46** làng nghề trên địa bàn huyện, gồm các loại hình chế biến thực phẩm, nghề mộc, hương thẻ, sản xuất muối và mây tre đan xuất khẩu. Trong đó có 36 làng nghề đang hoạt động, còn 10 làng nghề dừng hoạt động. Hầu hết các làng nghề thuộc ngành nghề, loại hình được khuyến khích phát triển theo quy định. Các làng nghề đã thực hiện lập cam kết bảo vệ môi trường, phương án bảo vệ môi trường theo quy định.

***-*** Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

c. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn:

***-*** Các địa phương tham gia thực hiện các Chương trình, Chiến dịch phát động vệ sinh môi trường như Ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Ngày môi trường nước,… Đã tổ chức thực hiện phát động phong trào *“ Ngày thứ 7 sạch, Chủ nhật xanh vì Nông thôn mới*; đăng ký danh hiệu thi đua các đoạn đường xanh - sạch - đẹp; vận động nhân dân chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, phát quang, khơi thông dòng chảy; vận động nhân dân cải tạo vườn tạp, xây dựng “*Vườn chuẩn nông thôn mới*”, xây dựng tường rào xanh, trồng hoa, cây cảnh tạo môi trường sinh thái thân thiện.

***-*** Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã đầu tư và vận động các nguồn xã hội hóa xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, hình thành các tuyến đường hoa, tuyến đường cờ, cây xanh, các đoạn đường kiểu mẫu, giao cho các tổ chức đoàn thể xã hội theo dõi, quản lý. Toàn huyện có 741,793/1.141,22km (đạt 65%) đường giao thông được trồng hoa,trồng cây xanh; đã trồng hơn 70.000 cây xanh dọc các tuyến đường giao thông trục xã, liên xã, trục thôn, xóm, liên xóm, xóm trên địa bàn huyện. Có 23/33 đơn vị đảm nhận 26 tuyến đường “Sáng - Xanh - Sạch” gồm các xã Quỳnh Thuận, Quỳnh Thạch, Quỳnh Văn, Quỳnh Yên, Quỳnh Thắng, Tân Thắng, Quỳnh Lâm, Quỳnh Thanh, Quỳnh Hoa, Quỳnh Đôi, Quỳnh Hồng, Cầu Giát, Quỳnh Giang, Quỳnh Diễn, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Hoa, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bảng, Quỳnh Minh, Quỳnh Lương, Quỳnh Hưng, Quỳnh Bá, Quỳnh Ngọc...

***-*** Kiểm tra, nhắc nhở và chỉ đạo thực hiện tình trạng lấn chiếm hàng lang an toàn giao thông đảm bảo đường thông hè thoáng; thực hiện biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong hoạt động thi công công trình (đặc biệt là công trình giao thông); tổ chức tuần tra, xử lý các trường hợp phương tiện vận tải không thực hiện các biện pháp che chắn làm rơi vãi vật liệu, chở quá tải gây ô nhiễm môi trường.

***-*** Ký cam kết của các Doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện thực hiện việc bốc xúc, vận chuyển vật liệu đúng tải trọng, che chắn tránh rơi vãi vật liệu.

d. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:

***-*** Gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới các địa phương đã quy hoạch lại nghĩa trang, nghĩa địa đảm bảo theo quy định, đồng thời xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang, nghĩa địa.Tổng số nghĩa trang được quy hoạch trên địa bàn 33 xã thị trấn là 107 nghĩa trang; đối với các nghĩa trang nhỏ lẻ, tồn tại lâu đời trên địa bàn đã giao cho các xã, thị trấn thông báo đóng cửa, không chôn cất mới. Trong số nghĩa trang quy hoạch có 84 nghĩa trang (78,5%) đã có xây dựng bờ bao, mương thoát nước, cổng vào, trồng cây xanh, đường vào được cứng hóa đảm bảo quy hoạch. Số nghĩa trang còn lại hiện đang được đầu tư xây dựng các hạ tầng theo quy định.

***-*** Các khu dân cư xây dựng hương ước về quản lý, sử dụng nghĩa trang; các địa phương đã xây dựng ban hành quy định Quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân phù hợp với quy định tại Quyết định số [29/2017/QĐ-UBND](http://nghean.gov.vn/wps/wcm/connect/2cb283004004e73785b9e7123eafccdc/Van%2Bban%2Bscan_3.PDF?MOD=AJPERES&CACHEID=2cb283004004e73785b9e7123eafccdc) ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26/5/2009 của Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng; Thông tư 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/11/2011 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Nghị định số 3/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang. Bên cạnh đó, địa phương khuyến khích các thực hiện mai táng theo hình thức hỏa táng, chỉnh trang khuôn viên lăng mộ, xây dựng cảnh quan sạch, đẹp.

e. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất-kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Các hộ gia đình tự thu gom, phân loại rác thải tại hộ gia đình. Các xã, thị trấn hợp đồng với công ty môi trường thu gom rác thải trực tiếp tại cổng ngõ hộ gia đình hoặc tại các điểm tập kết thu gom, vận chuyển đi xử lý; 33/33 xã, thị trấn thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với công ty môi trường, HTX dịch vụ môi trường… tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải tại các điểm tập kết tạm về xử lý tại nhà máy xử lý rác thải T-Tech Nghĩa Đàn theo quy định đảm bảo môi trường; Tần suất thu gom, xử lý rác thải trung bình 2 lần/tuần, riêng khu vực Thị Trấn do dân cư đông đúc, lượng phát sinh rác thải lớn thì tổ chức thu gom 3lần/tuần.

- Chất thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh trên địa bàn khoảng 62 tấn/năm. Trên địa bàn huyện có 03 bệnh viện đa khoa, 33 trạm y tế xã, 31 cơ sở y dược tư nhân với tổng số 520 giường bệnh. Đối với chất thải y tế nguy hại được các bệnh viện, trung tâm y tế huyện hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty Phú Hà) để xử lý theo đúng quy định. Đối với các trạm y tế thu gom, phân loại giao nộp về trung tâm y tế huyện để được vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Trên địa bàn huyện, lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng hàng năm khoảng 39,4 tấn, phát sinh khoảng 5,2 tấn bao bì, chai lọ sau khi sử dụng. Đến nay trên địa bàn huyện đã có 33/33 đơn vị thực hiện lắp đặt 1.940 thùng thu gom, lưu trữ vỏ, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng trên đồng ruộng. - Đối với chất thải rắn nguy hại: Các đơn vị sản xuất kinh doanh thu gom, lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại của đơn vị, sau đó các cơ sở sản xuất, kinh doanh ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. 90% các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn đã đăng ký chủ nguồn thải nguy hại.

- Đối với chất thải công nghiệp thông thường: Các cơ sở sản xuất kinh doanh chủ động thu gom, lưu giữ trong khu vực nhà xưởng sản xuất, sau đó ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp theo quy định.

- Hàng năm phát sinh khoảng 80.623 tấn phụ phẩm nông nghiệp (rơm , rạ, tro trấu, vỏ, củ quả,...). 100% lượng phụ phẩm nông nghiệp này được người dân thu gom sử dụng làm phân bón, thức ăn chăn nuôi, vật liệu đốt,...

- Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn: UBND huyện phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ huyện xây dựng mô hình điểm phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn tại 17 xã: Quỳnh Long, Quỳnh Lâm, Quỳnh Thanh, Quỳnh Thọ, Quỳnh Hoa, Tân Thắng, Quỳnh Thắng, Sơn Hải, Tiến Thủy, Quỳnh Tân, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Hồng, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Châu, An Hòa, Quỳnh Văn, Quỳnh Hậu với 5.145 hộ gia đình. Tỷ lệ phân loại 25.124/72.177 hộ đạt 34.8%. UBND huyện, xã đã có các chính sách tài chính hỗ trợ các hộ dân trong thực hiện phân loại.Thời gian tới, UBND huyện sẽ chỉ đạo các xã, thị trấn còn lại xây dựng và triển khai mô hình phân loại trên toàn địa bàn huyện.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn các xã đạt tiêu chuẩn về môi trường, không có các hoạt động gây suy giảm môi trường; hàng tuần các địa phương tổ chức phát động vệ sinh môi trường, trồng cây xanh ở các cơ quan, trường học, trồng cây ven đường đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo đúng quy định. UBND các xã, thị trấn đã tổ chức thực hiện công tác vệ sinh đường làng ngõ xóm, nạo vét kênh mương.

***-*** Về thu gom, xử lý nước thải: Các khu dân cư tập trung đều có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm yêu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng. Các hộ gia đình xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, không có tình trạng nước thải chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, không tạo thành các vũng, ao tù nước đọng.

f. Hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:

***-*** Nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng đảm bảo các quy định về kỹ thuật theo QCVN 01:2011/BYT. Nhà tắm được xây dựng kín đáo có sàn cứng, tường bao, mái che, có hệ thống thu gom, thoát nước phù hợp, không để chảy tràn ra môi trường. Các bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh chủ yếu được xây dựng bằng gạch hoặc bê tông, innox, nhựa, không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng, có nắp đậy kín để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập hoặc muỗi vào đẻ trứng. Tỷ lệ hộ dân xây dựng các công trình nhà tắm, công trình nhà tiêu, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95 %.

***-*** Các địa phương đã triển khai và thực hiện tốt phong trào vận động *“Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”* do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động, đảm bảo 3 sạch: sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ.

g. Hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:

***-*** Trên địa bàn huyện không có trang trại theo quy định tại Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2020.

***-*** Bên cạnh đó, trên địa bàn có 35.139 hộ gia đình chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ. Các chuồng trại chăn nuôi thực hiện cam kết vệ sinh môi trường với khu dân cư, chính quyền địa phương, nằm tách biệt với nhà ở, nguồn nước, đảm bảo phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh, thực hiện thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo môi trường. Tỷ lệ hộ hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 97,03%.

k. Về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm:

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Y tế về triển khai công tác An toàn thực phẩm, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai các nội dung sau:

- Ban hành Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo An toàn thực phẩm của huyện, xã; Ban chỉ đạo đã xây dựng Kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn theo từng quý, năm và trong các dịp Lễ hội, Tết, tháng hành động,...

- Lập Danh sách quản lý các hộ chế biến, kinh doanh thực phẩm, quán ăn, bán đồ ăn vặt trên địa bàn.

- Tổ chức cho chủ các cơ sở chế biến, kinh doanh, bán lẻ thực phẩm và đồ ăn sẵn ký cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động tập huấn, tuyên truyền về an toàn vệ sinh thực phẩm: 5 năm (2016-2020) tổ chức 32 buổi nói chuyện cho 8.000 hội viên, đoàn viên các tổ chức chính trị - xã hội, 14 lớp tập huấn cho hơn 2.700 lượt cán bộ cấp huyện, xã và các chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn; 8 cuộc hội thảo với hơn 2.000 lượt người tham gia; thực hiện 44 tin, 18 bài, 6 phóng sự trên hệ thống truyền hình, truyền thanh và báo viết tỉnh và huyện; in, treo 102 băng rôn, khẩu hiệu, 7.000 tờ rơi, 100 đĩa CD tuyên truyền về an toàn thực phẩm; tổ chức 100 lượt truyền thông lưu động về an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn huyện.

- Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm: trong 5 năm đã cấp 398 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; ký 531 giấy cam kết đảm bảo ATTP, 926 giấy xác nhận kiến thức ATTP. Thường xuyên tổ chức hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm: Trong 5 năm đã tổ chức kiểm tra5.821 lượt cơ sở sản xuất kinh doanh, đã nhắc nhở 344 cơ sở, xử phạt vi phạm hành chính 254 lượt cơ sở với số tiền 372.400.000 đồng,

Nhờ thực hiện quyết liệt các biện pháp như trên nên trong 5 năm qua không xẩy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào trên địa bàn huyện.

Hiện nay, 32/32 xã có Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tại Quyết định 1980/QĐ-TTgngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An.

**5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:**

***5.1. Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật***

Trong những năm qua huyện đã chỉ đạo quyết liệt công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; kiện toàn công tác tổ chức các cấp, các ngành kịp thời đáp ứng yêu cầu thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch cán bộ; gắn quy hoạch với việc đào tạo, nâng cao trình độ, chuẩn hóa đội ngũ và luân chuyển cán bộ. Phát triển đảng viên mới được quan tâm vả về số lượng và chất lượng; chú trọng phát triển đảng viên khu vực nông thôn, vùng đồng bào theo đạo. Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong giai đoạn 2011-2020 huyện đã mở được 340 lớp bồi dưỡng với 36.200 lượt học viên, mở 18 lớp quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cho 1.180 người là cán bộ, công chức huyện và xã, thị trấn; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho 281 cán bộ, công chức xã, thị trấn, 661 công chức, viên chức đơn vị sự nghiệp. Điều động, luân chuyển 12 cán bộ huyện về giữ các chức vụ chủ chốt ở xã, thị trấn; kết nạp 2.287 đảng viên mới.

- Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của chính quyềncấp xã, điều hành và giải quyết tốt những vấn đề phát sinh ở nông thôn. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, nhiều năm liên được tỉnh đánh giá cao trong công tác cải cách hành chính; năm 2020 huyện được tỉnh xếp hạng thứ 2/21 huyện, thành, thị về cải cách hành chính. Thường xuyên rà soát đội ngũ cán bộ cơ sở; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở đúng tiêu chuẩn, chức danh, năng lực, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn đã được nâng cao chất lượng, hoạt động có hiệu quả. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao vai trò hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Trong quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới, nhiều cấp ủy cở sở đã lựa chọn những vấn đề bức xúc nổi cộm, những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để bàn bạc, thảo luận trong cấp ủy, chi bộ và xây dựng thành nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo, chỉ đạo.

- 32/32 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, công đoàn cơ quan xã.

- Đảng bộ, chính quyền 32/32 xã đều được cấp ủy, chính quyền huyện đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- 32/32 xã có tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh được tổ chức đoàn thể chính trị cấp huyện đánh giá, xếp loại “Khá” trở lên.

- Công tác tiếp cận pháp luật: Công tác tuyên truyền PBGDPL và quản lý văn bản được tăng cường; Công tác đăng ký hộ tịch, chứng thực giải quyết kịp thời, đúng thời hạn. Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát văn bản QPPL do HĐND-UBND huyện ban hành. Đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản về các quyền dân sự, chính trị. UBND huyện đã tổ chức thẩm định, đánh giá và công nhận 32/32 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình tại các xã trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu được quan tâm thực hiện,có 100% số xã (32/32) có tỷ lệ nữ tham gia ủy viên cấp ủy đạt trên 15%, trong đó có 20/33 xã có nữ giữ chức vụ chủ chốt; 32/32 xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình; không phát hiện các trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình.

*Đánh giá:*Đến nay, 32/32 xã đạt chuẩn Tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.*(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

***5.2. Quốc phòng và an ninh:***

Tham mưu cho Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện xây dựng kế hoạch tổ chức làm tốt công tác chuẩn bị và tiến hành lễ bàn giao công dân nhập ngũ đúng nghi lễ, trang nghiêm đảm bảo chỉ tiêu cho các đơn vị nhận quân, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Phối hợp với Trung tâm chính trị tham m­ưu cho Huyện ủy mở lớp đối tượng đảng cho đoàn viên ưu tú chuẩn bị nhập ngũ; làm tốt công tác đón nhận, định hướng nghề cho quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương, tổ chức chuyển ngạch dự bị động viên theo quy định; đăng ký, hướng dẫn làm hồ sơ tuyển sinh và tổ chức khám sức khỏe cho thí sinh đăng ký dự thi; kết quả nhiều thí sinh trúng tuyển vào các trường Quân đội. Tham mưu Hội đồng Giáo dục QP-AN cập nhật kiến thức QP-AN đối tượng 3 (trực tuyến) tại điểm cầu Ban CHQS huyện; mở các lớp bồi dưỡng KTQP&AN cho đối tượng 4 tại huyện, bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho Thôn đội trưởng (thời gian 3 ngày), đạt kết quả tốt [[17]](#footnote-18).

Lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan tham mưu UBND huyện ban hành kế hoạch, xây dựng các phương án, thành lập các khu cách ly tập trung tại xã, thị trấn; chuẩn bị khu cách ly sẵn sàng đón công dân ở vùng dịch về cách ly tập trung tại Trường trung cấp kinh tế-kỹ thuật Bắc Nghệ An (khu vực xã Quỳnh Hoa). Điều động cán bộ xuống trực tiếp chỉ đạo khu cách ly, các điểm chốt để phòng chống dịch bệnh Covid-19 của huyện; xã, thị trấn khi có yêu cầu. Tổ chức huy động hơn 160 ngày công cán bộ, QNCN trong đơn vị; 800 ngày công, dân quân tự vệ và phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, cứu hộ, cứu nạn xảy ra trên địa bàn, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân, tô thắm, tỏa sáng hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” giữa thời bình, được cấp ủy chính quyền địa phương và nhân dân đánh giá cao.

- Triển khai thực hiện kế hoạch tấn công truy quét các loại tội phạm, xây dựng các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong đấu tranh phòng chống tội phạm, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ Quốc ngày càng đi vào chiều sâu và phát huy hiệu quả.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thường xuyên nắm bắt tâm tư tình cảm, nguyện vọng của nhân dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân nâng cao cảnh giác cách mạng, làm tốt công tác bảo vệ an ninh tổ quốc, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Chủ động đấu tranh ngăn chặn các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh nông thôn; xử lý tốt các vấn đề phức tạp phát sinh, không bị động, bất ngờ; đẩy mạnh tấn công trấn áp tội phạm, tạo sự chuyển biến rõ nét về trật tự xã hội trên địa bàn nông thôn. Thực hiện tốt các phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với XDNTM”, “Xây dựng mô hình tự quản về an ninh trật tự”, câu lạc bộ Cựu chiến binh với công tác tuần tra đảm bảo an ninh trật tự, câu lạc bộ phụ nữ bảo vệ an ninh tổ quốc, giáo họ bình yên xây dựng nông thôn mới.

- Công an huyện đã tập trung xây dựng lực lượng công an xã, đưa công an chính quy về làm công an xã tại 33/33 xã thị trấn, lực lượng nòng cốt ở cơ sở thực hiện hiện nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự xã hội ở nông thôn, đồng thời tăng cường tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an ninh trật tự cho lực lượng nòng cốt ở cơ sở và cho người dân ở nông thôn; kịp thời xử lý; đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại các âm mưu và hoạt động của số chức sắc cực đoan trong Công giáo, các đối tượng Việt Tân, quản lý phường hụi, quản lý đối tượng khiếu kiện vượt cấp kéo dài và các loại tội phạm không để xẩy ra đột xuất, bất ngờ, phức tạp về ANTT.

- Số lượng, tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự tăng lên hàng năm và đến năm 2021có 33/33 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt chuẩn về an ninh trật tự, chiếm tỷ lệ 100%.

Đánh giá: Đến nay 100% xã đạt chuẩn Tiêu chí quốc phòng và an ninh.*(theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

**6. Kết quả duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã NTM**

- Đối với 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2014-2016, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện chỉ đạo các xã rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí theo quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ. Đến nay, 14/14 xã đều tổ chức triển khai thực hiện nâng cao chất lượng tiêu chí và duy trì, đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí tại quyết định số 1980/QĐ-TTg và Quyết định số 1166/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ.

- Đối với 18xã đạt chuẩn giai đoạn 2017-2021, ngoài phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới, các xã xây dựng và tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng các tiêu chí, duy trì bền vững, đảm bảo yêu cầu Bộ tiêu chí tại quyết định số 1980/QĐ-TTg và Quyết định số 1166/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An.

**7. Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu, đô thị văn minh.**

Trong thời gian qua huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, phát động mạnh mẽ phong trào xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thi. Thực hiện tốt quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị; tuyên truyền, vận động nhân dân chỉnh trang nhà cửa, hè phố, giải tỏa hành lang giao thông. Tập trung xây dựng cảnh quan môi trường, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, văn minh; tăng cường trồng cây trên các tuyến đường, hình thành các tuyến đường hoa, tuyến đường tự quản. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Xây dựng các cụm pha nô, áp phích tuyên truyền, cổ động; vận động nhân dân thường xuyên treo cờ tổ quốc, cờ Đảng. Chỉnh trang, nâng cấp nhà văn hóa tại các xóm, khối; trang trí khánh tiết, vệ sinh môi trường. Củng cố kiện toàn HTX, đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân, đảm bảo an ninh trật tự, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020. Đến tháng 12/2021, xã Quỳnh Đôi được công nhận xã Nông thôn mới kiểu mẫu, thị trấn Cầu Giáttừng bước hoàn thiện các tiêu chí để được công nhận thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

**8. Một số mô hình tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới:**

- Xã Quỳnh Đôi xây dựng xã Nông thôn mới kiểu mẫu có môi trường đảm bảo xanh, sạch; đẹp, đường làng, ngõ xóm được chỉnh trang; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo; gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản, trong đó có “Nữ sỹ Hồ Xuân Hương” được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa.

- Các xã Quỳnh Lương, Quỳnh Hậuxây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021 có kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa đồng bộ, môi trường đảm bảo xanh, sạch; đẹp, đường làng, ngõ xóm được chỉnh trang; sản xuất phát triển, thu nhập của người dân được nâng cao; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo.

- Các xã Quỳnh Hồng, Quỳnh Văn, Quỳnh Thạch, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bảng có kết cấu hạ tầng hiện đại, hệ thống giao thông thông thoáng, rộng rãi; có hệ thống mương,rãnh thoát nước; hai bên lề đường được nhân dân triển khai trồng hoa và cây xanh; các trục đường giao thông được lắp điện chiếu sáng đảm bảo yêu cầu tuyến đường sáng, xanh, sạch, đẹp. Công tác đảm bảo môi trường được xã quan tâm thực hiện, công tác thu gom, phân loại và xử lý rác thải được tập trung thực hiện.

- Ở một số xã có các mô hình phát triển nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, đem lại thu nhập khá như Dưa, rau của quả ở Nghi Long thu nhập 350 triệu đồng/ha/năm; sản xuất dưa lưới, dưa chuột Isarel trong nhà màngở Nghi Long, Khánh Hợp, Nghi Xá, Nghi Thịnh, Nghi Trung, Nghi Trường...cho thu nhập gần 2,0 tỷ đồng/ha/năm.

- Xã Nghi Long, Nghi Trung, Nghi Vạn có phong trào văn hóa, văn nghệ hoạt động phong phú và đa dạng; các xã đã xây dựng và duy trì sinh hoạt các câu lạc bộ dân ca ví dặm xứ Nghệ, dân ca dân vũtừ đó phát huy phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thông của địa phương, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản được UNESCO công nhận.

- Xã Nghi Văn, Nghi Lâm, Nghi Thái, Nghi Hưng, Nghi Long, Nghi Trung... có các HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012 hiệu quả, các HTX làm tốt công tác dịch vụ, hỗ trợ thành viên HTX phát triển sản xuất; có các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên HTX.

**IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

# 1.Tiêu chí 01(Quy hoạch):

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 hoàn thiện theo các ý kiến góp ý của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, đã trình Sở xây dựng thẩm định và tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch trong quý I/2022. Quy hoạch xây dựng vùng huyện đảm bảo các nội dung cụ thể sau:

 - Quy hoạch định hướng phát triển vùng huyện Quỳnh Lưu là sự phát triển thống nhất về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với phát triển chung vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ và vùng duyên hải tỉnh Nghệ An; Phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn, các vùng chức năng với các vùng miền. Tôn trọng tự nhiên, ứng phó với các vấn đề về biến đổi khí hậu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững;

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó có quy hoạch sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có thế mạnh và lợi thế phát triển của huyện.

 - Tổ chức, định hướng hệ thống trung tâm cấp huyện gắn với phát triển đô thị, cụm công nghiệp, trung tâm dịch vụ thương mại cấp huyện và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất hàng hóa lớn.

 - Tổ chức hệ thống các điểm dân cư nông thôn, bao gồm các điểm dân cư tập trung phát triển (cho phát triển dân cư mới).

 - Các khu vực sản xuất phi nông nghiệp theo hướng tập trung, thuận lợi cho việc xây dựng hạ tầng và xử lý môi trường; hệ thống kho bãi, trại sản xuất tập trung cấp huyện, liên xã.

 - Tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thông tin truyền thông) trên địa bàn huyện.

 - Xác định mục tiêu và các giải pháp, công trình bảo vệ môi trường.

 - Định hướng hạ tầng kỹ thuật gồm:

 + Giao thông: Xác định đầy đủ hệ thống đường huyện, đường xã và đường nối với các khu vực sản xuất.

 + Cấp nước: Xác định nguồn cấp nước và cân đối nguồn nước, khu vực cấp nước tập trung, phân tán; các trạm cấp nước và xử lý nước tập trung.

 + Thoát nước: Xác định lưu vực thoát nước, mạng lưới và giải pháp khung thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn huyện.

 + Cấp điện: Xác định hệ thống lưới điện trung áp đạt yêu cầu các thông số vận hành trong hệ thống điện phân phối;

 + Môi trường: Xác định hệ thống nghĩa trang phát triển lâu dài đến cấp xã; hệ thống khung xử lý, thu gom chất thải rắn.

 + Thủy lợi: Xác định mạng lưới thủy lợi theo quy hoạch của ngành thủy lợi, đáp ứng yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu.

 **c) Đánh giá tiêu chí:** Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt thì mức độ đạt chuẩn tiêu chí Quy hoạch huyện nông thôn mới là đảm bảo theo quy định Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ thì hiện nay huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã đạt chuẩn 100% tiêu chí số 1 về Quy hoạch*.*

**2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

**a)Yêu cầu tiêu chí:**

- Đường bộ:

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

+ Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

- Đường thủy (nếu có): Đường thuỷ nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

- Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại IV theo Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu phục vụ hành khách, vận chuyển hàng hóa, đảm bảo an toàn giao thông.

**b)Kết quả thực hiện:**

a) Về đường bộ:

- *Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.*

Tổng chiều dài đường bộ các loại trên địa bàn huyện là 1800,38 km. Trong đó có 5 tuyến đường Quốc lộ QL.1, QL.48, QL.48B, QL48D, QL48E, 03 tuyến đường tỉnh (ĐT.537B, ĐT.537D, ĐT.538) và hệ thống đường huyện, đường xã, đường thôn xóm dày đặc, khá hoàn chỉnh, đảm bảo kết nối thuận tiện từ trung tâm huyện đến 33 xã, thị trấn.

Có 20 tuyến đường huyện, chiều dài 165,61 km, 100% các tuyến đường huyện đều được đầu tư xây dựng bằng mặt đường nhựa, bê tông nhựa hoặc mặt đường bê tông xi măng, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn.

Đánh giá: Đạt.

*- Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt; hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.*

Quy mô cấp kỹ thuật đường huyện từ cấp VI đến cấp IV đồng bằng (TCVN 4054:2005), phù hợp với quy hoạch được duyệt. Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch, đảm bảo các loại phương tiện tham gia giao thông và nhân dân đi lại được thuận tiện.

Đánh giá: Đạt

*- Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm:*

100% tuyến đường huyện hàng năm đã được huyện quản lý, duy tu sửa chữa, nâng cấp. Ngoài ra, các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh do Cục Quản lý đường bộ II; Sở Giao thông vận tải quản lý, khai thác nên được tổ chức duy tu bảo dưỡng thường xuyên.

Đánh giá: Đạt

b) Đường thủy nội địa:

*- Hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông theo QCVN 39:2020/BGTVT.*

*- Các bến thủy nội địa do địa phương quản lý phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.*

Các bến thủy nội địa do huyện quản lý phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa: Không có.

c) Về vận tải:

- *Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại 4:*

Theo Quy hoạch bến xe tại trung tâm huyện được quy hoạch tại xã Quỳnh Hồng (Km403+600, Quốc lộ 1A) với diện tích quy hoạch 10.000m2 đạt tiêu chuẩn bến xe loại 1.

Đánh giá: Đạt

*- Bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch:*

+ Trên tuyến QL1A, 48, 537B đoạn qua huyện Quỳnh Lưu đã được bố trí các điểm dừng, đón trả khách cho vận tải hành khách của tuyến cố định.

+ Qua huyện Quỳnh Lưu hiện có 03 tuyến xe buýt đang hoạt động trên các tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 48, ĐT.537B. Qua trung tâm các xã đã được bố trí các điểm dừng đỗ cho xe buýt.

Đánh giá: Đạt.

**c) Đánh giá chung:** Huyện Quỳnh Lưu đạt 100% Tiêu chí giao thông theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi**

**a)Yêu cầu của tiêu chí:**

Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

**b)Kết quả thực hiện tiêu chí:**

3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

- Hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện gồm các công trình do Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc quản lý. Bao gồm các công trình chính:

+ Hệ thống chính Đô Lương, kênh N13, kênh Nam Vực Mấu chuyển tải nước sông Lam và nước hồ Vực Mấu về địa phương là nguồn nước chủ yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh của huyện hệ thống kênh liên xã đi qua 23 xã thị trấn của huyện. Cống Bình Sơn I, cống 4 B thiết kế nằm ở cuối hệ thống tiêu Bình Sơn và hệ thống tiêu Bến Hải đổ ra sông Thái và sông Mơ có chức năng ngăn mặn, giữ ngọt, tạo nguồn nước tưới và thực hiện xả lũ, phòng chống thiên tai cho các xã trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu.

+ 5 hồ chứa tổng dung tích 18,3 triệu m3 phục vụ tưới nước sản xuất nông nghiệp cho các xã Quỳnh Tam, Tân Sơn, Quỳnh Châu, Quỳnh Thắng, Quỳnh Tân và Ngọc Sơn.

+ 2 trạm bơm lớn, 15 km kênh, phục vụ tưới cho các xã Quỳnh Hồng, Quỳnh Hoa, Quỳnh Hậu, Quỳnh Giang, Quỳnh Lâm, Quỳnh Mỹ. Hiện nay đã được kiên cố bê tông 15 km, đạt 100%.

- Hệ thống thủy lợi liên xã có kết nối và đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã. Cụ thể:

+ Hệ thống thủy lợi các xã quản lý gồm 95 hồ chứa, 55 trạm bơm, 353 km kênh mương tưới có kết nối và sử dụng nguồn nước trực tiếp trên hệ thống thủy lợi Bắc và các kênh tưới của 05 hồ chứa do Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc quản lý.

+ Hệ thống kênh tiêu có 184 tuyến dài 119,5 km kênh tiêu có kết nối và tiêu thoát nước trực tiếp ra sông Thái, sông Mơ hoặc tiêu thoát nước ra các kênh tiêu liên xã (Kênh Nam Hà, kênh Tố Khê, kênh Cù Chính Lan, kênh Bến Hải, kênh Dâu) rồi đổ ra sông Thái, sông Mơ và thoát ra biển cửa Lạch Quèn và cửa Lạch Thơi.

3.2. Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững:

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững: Xí nghiệp thủy lợi Quỳnh Lưu trực thuộc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc được thành lập theo quy định; thực hiện quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý; Phương án bảo vệ công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai được xây dựng, được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm và được triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, an toàn. Hàng năm Công ty TNHH Thủy lợi Bắc xây dựng phương án Phòng chống lụt, bão đối với từng công trình trình UBND tỉnh thẩm định và phê duyệt. Trên cơ sở phương án được UBND tỉnh phê duyệt Công ty TNHH Thủy lợi Bắc, UBND các huyện trong vùng triển khai thực hiện một cách nghiêm túc và có hiệu quả. Đối với các công trình thủy lợi do địa phương quản lý hàng năm UBND huyện Quỳnh Lưu đều tổ chức phê duyệt phương án phòng chống lụt bão của từng công trình và giao trách nhiệm cho UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện.

- Hệ thống các công trình thủy lợi luôn được quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp: Trong những năm qua, hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện, các xã đượcquan tâm đầu tư nâng cấp và xây mới theo đúng quy hoạch, kế hoạch, thiết kế được duyệt.

- Trong 10 năm tổ chức lồng ghép, triển khai thực hiện 132 dự án về thủy lợi, phòng chống thiên tai khoảng 2.175 tỷ đồng, trong đó: 1.059 tỷ đồng thực hiện các dự án xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đê biển, đê sông, cửa lạch khu tránh trú tàu thuyền; 510 tỷ đồng thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp các hồ đập; 606 tỷ đồng thực hiện các dự án xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm và hệ thống kênh mương.

+ Toàn huyện có 101 hồ đập lớn nhỏ, 55 trạm bơm và 446 km kênh mương các loại, đảm bảo tưới, tiêu và phòng chống bão lụt, hạn hán hiệu quả. Từ năm 2010 đến nay đã huy động gần 1.116 tỷ đồng để đầu tư xây dựng, tu sửa, nâng cấp 34 hồ đập, 25 trạm bơm, kiên cố 267 km kênh mương. Các dự án đã được triển khai, nhiều dự án đã hoàn thành, phát huy hiệu quả, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện.Hiện nay, trên địa bàn huyện đang triển khai đầu tư một số dự án thuỷ lợi trọng điểm, góp phần công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất, dân sinh cũng như công tác Phòng chống thiên tai trên địa bàn như: Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An; Dự án sửa chữa, nâng cấp đê sông Thái;Khu tránh trú bão Lạch Quèn; Khu tránh trú bão Lạch Thơi; Hệ thống tưới, tiêu vùng màu huyện Quỳnh Lưu; Xây dựng hệ thống cấp nước biển nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VIETGAP xã Quỳnh Bảng; Xây dựng hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Khe Lại huyện Quỳnh Lưu; Xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh huyện Quỳnh Lưu...

 **c) Đánh giá tiêu chí:** Huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đạt 100% tiêu chí số 3 về Thủy lợitheo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*.*

**4. Tiêu chí số 4 về Điện**

**a)Yêu cầu của tiêu chí:**Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

**b)Kết quả thực hiện tiêu chí:**

 a. Hệ thống điện đầu tư liên xã (các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp):

- Đường dây trung thế:

 Trên địa bàn có 368,8km đường dây trung thế, được lắp đặt đảm bảo các quy định của ngành điện, cụ thể:

+ Khoảng cách an toàn cho các tuyến đường dây đạt từ điểm thấp nhất của đường dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại đến mặt đất; điện áp 35KV là 7m; hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh điện áp 10KV dây bọc là 1,0m, dây trần là 2,0m, điện áp 35KV dây bọc là 1,5m, dây trần là 3,0m đảm bảo an toàn theo quy định.

+ Huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An hiện đang được cấp điện từ lưới điện Quốc gia thông qua trạm biến áp 110 KV Quỳnh Lưu (110/35/22KV - 2x40MVA); trạm 110 KV 1x40KVA cung cấp cho nhà máy Xi măng Tân Thắng được được cấp từ trạm biến áp 220/110 Quỳnh Lưu 2x250MVA.

- Trạm biến áp phân phối:

+ Được được lắp đặt theo quy hoạch, thiết kế theo quy chuẩn của ngành điện đảm bảo an toàn kỹ thuật cho việc vận hành quản lý của ngành điện.

Trên địa bàn toàn huyện có 425 trạm biến áp với tổng công suất 138.400 kVA. (tổng công suất cực đại 80MW), hệ thống cột, đường dây đã được đầu tư đạt chuẩn đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong sinh hoạt cũng như sản xuất kinh doanh.

+ Cột điện, móng cột, giá đỡ thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Đường dây hạ áp:

Trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu hiện có 878,5 km đường dây hạ thế, được lắp đặt bảo đúng quy định của ngành điện.

Nhìn chung lưới điện hạ thế cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân, nguồn điện đảm bảo chất lượng, đảm bảo nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân trện địa bàn 32 xã và 01 thị trấn.

+ Khoảng cách thẳng đứng nhỏ nhất 5,5m từ dây dẫn đến mặt đất tự nhiên và các công trình trong chế độ làm việc bình thường của đường dây đảm bảo an toàn theo quy định; Được lắp đặt nối đất lặp lại cho dây trung tính, nối đất vỏ thiết bị; Có biển báo an toàn.

+ Dây dẫn được lắp đặt trên sứ cách điện có xà đỡ sứ, an toàn về dẫn điện, cách điện và cơ học.

+ Cột điện, kết cấu hỗ trợ chịu lực, móng cột, xà giá đỡ được bảo vệ, chống gỉ, chống xói lở theo quy định.

- Dây dẫn về hộ gia đình sau công tơ điện và công tơ điện:

+ Dây dẫn sau công tơ điện về hộ gia đình sử dụng 100% loại dây bọc cách điện phù hợp với công suất tiêu thụ của các hộ, có cột đỡ trung gian và được treo an toàn theo quy định.

+ Công tơ điện: Sử dụng loại công tơ có kiểm định thời hạn, được kẹp chỉ niêm phong, có hòm bảo vệ công tơ và được treo trên cột hoặc tường nhà.

+ 100% hộ dân được ký hợp đồng mua bán điện với Điện lực Quỳnh Lưu.

+ Điện trong nhà: Trong mỗi nhà đều có bảng điện tổng có cầu chì hoặc aptomat, công tắc, ổ cắm đặt cố định trên tường hoặc khung nhà, đảm bảo cách điện; Dây điện có vỏ cách điện được cố định trên tường, khung nhà hoặc chôn trong tường để đảm bảo an toàn cho sinh hoạt của mỗi hộ dân.

 b. Đầu tư hệ thống điện phù hợp với quy hoạch:

 Hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2016 - 2021 phù hợp với quy hoạch phát triển của điện lực tỉnh sau năm 2016, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2016 - 2021.

 c. Thực trạng tiêu chí số 4 về điện của các xã:

 Có 33/33 xã, thị trấn trong huyện “đạt Tiêu chí số 4 về điện theo Hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Quyết định số [4293/QĐ-BCT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=4293/Q%C4%90-BCT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ Công Thương.

**d. Tự đánh giá:** Huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã đạt 100% tiêu chí số 4 về Điện theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*.*

**5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục**

**5.1. Về Y tế**

**a)Yêu cầu của tiêu chí:** Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

**b)Kết quả thực hiện tiêu chí**

**\*Bệnh viện huyện:**Đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 2 theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.Kết quả tiêu chí:

- Nhóm tiêu chuẩn I. Vị trí, chức năng và nhiệm vụ: Bệnh viện đa khoa huyện được UBND tỉnh Nghệ An xếp hạng Bệnh viện hạng II tại Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 08/02/2017; Ngày 06/2/2018 đã được Sở Y tế Nghệ An ban hành Quyết định số 179/QĐ-SYT về việc phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu giai đoạn 2018-2020; ngày 08/8/2019 Sở Y tế ban hành Quyết định số 877/QĐ-SYT về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu. Thực hiện nhiệm vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân huyện Quỳnh Lưu, nhân dân vùng phụ cận và nhân dân cùng tuyến khám chữa bệnh trong tỉnh với chức năng, nhiệm vụ được giao theo đúng Quy chế bệnh viện được ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế và các thông tư hiện hành. Trong những năm qua Bệnh viện luôn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ cấp cứu, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn huyện với số lượng bình quân hàng năm trên 124.000 lượt người đến khám, chữa bệnh.

- Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động: Bệnh viện có 24 khoa phòng, Trong đó gồm có 13 khoa lâm sàng, 05 khoa cận lâm sàng, 06 phòng chức năng, số giường bệnh kế hoạch được giao năm 2020 là: 350 giường.

 - Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động và trình độ cán bộ: Tổng số cán bộ công nhân viên chức của bệnh viện là 233 người gồm: 63 Bác sĩ (gồm: 02 BCCKII, 01 thạc sĩ, 17 CKI, 43 bác sĩ đa khoa và chuyên khoa); 95 Điều dưỡng (gồm 18 đại học, 73 cao đẳng, 04 trung cấp); 12 Dược sĩ (gồm: 01 DS CKII, 03 đại học, 08 Dược cao đẳng); 13 Kỹ thuật viên (gồm 04 đại học, 08 cao đẳng, 01 trung học ); 15 Hộ sinh (gồm 03 Đại học, 05 cao đẳng, 07 trung cấp); 09 Kế toán (gồm 05 đại học, 03 cao đẳng, 02 trung cấp); 09 cán bộ khác, 10 hộ lý. Ngoài ra có 07 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; Giám đốc, các Phó giám đốc, trưởng, phó các phòng, khoa, các thầy thuốc, nữ hộ sinh, điều dưỡng, kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, trình độ ngoại ngữ, trình độ quản lý đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT,ngày 25/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

 - Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn, hiệu quả chất lượng công việc: Nhìn chung, hàng năm Bệnh viện thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch: Số lượt khám bệnh tăng, bệnh nhân nội trú tăng, bệnh nhân phẫu thuật tăng, số bệnh nhân chuyển tuyến giảm. Ngày điều trị trung bình giảm, giữ mức 6.4 ngang mức bình quân toàn tỉnh. Bệnh viện đã phát triển 10 kỹ thuật mới/năm trong đó: phẫu thuật nội soi: cắt Tử cung hoàn toàn, bóc nhân xơ tử cung, phẫu thuật sỏi niệu quản 1/3 trên, 1/3 giữa qua nội soi, cắt túi mật, khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng, lấy sỏi ống mật chủ, cắt thùy tuyến giáp; phẫu thuật PHACO, nội soi xoang hàm, nạo VA nội soi…; các kỹ thuật: phẫu thuật trĩ Longo, phẫu thuật vỡ gan, vỡ lách, đờ tử cung, thắt động mạch hạ vị cấp cứu, phẫu thuật thay khớp háng bán phần, hồi sức cấp cứu, thở máy xâm nhập dài ngày, lọc máu cấp cứu, lọc máu chu kỳ, nối ống lệ tỵ, các phẫu thuật xương, siêu âm tim, UIV, cắt lớp dựng hình, giải phẫu bệnh, sinh thiết lạnh tức thì, hầu hết các xét nghiệm miễn dịch…., giảm tỷ lệ chuyển bệnh nhân lên tuyến trên. Bệnh viện đảm bảođủ các điều kiện về nhân lực, chuyên môn nghiệp vụ, cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định để thực hiện và cung cấp các dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cho người bệnh. Trong khám chữa bệnh, cấp cứu, điều trị không có tai biến điều trị xẩy ra. Bệnh viện đã xây dựng các quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị tại tất cả khoa phòng với trên 10 nghìn quy trình và phác đồ điều trị.

- Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: Diện tích đất khuôn viên bệnh viện : 25.600 m2, số 09 dãy nhà cấp III; 08 dãy nhà cấp IV, diện tích xây dựng: 12.000 m2, đạt 34 m2/giường bệnh. Bệnh viện hiện có 125 chủng loại trang thiết bị y tế, trong đó có các trang thiết bị hiện đại như: Hệ thống CT-SCANER, hệ thống máy mê, máy thở, máy lọc máu, máy sinh hóa tự động 1000, miễn dịch tự động test/giờ, Máy siêu âm màu 3-4D, máy cắt tiêu bản, hệ thống máu chủ và mạng LAN, giường hồi sức cấp cứu; hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, tiết niệu, hệ thống phẫu thuật PHACO….

**Kết quả đánh giá**: Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu đáp ứng đủ 05 nhóm tiêu chuẩn đánh giá chấm điểm theo Thông tư 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế. Với những thành tích kết quả đạt được Bệnh viên đa khoa Quỳnh Lưu được Chủ tịch nước CHXHCNVN tặng thưởng 02 Huân chương lao động hạng nhì theo Quyết định số 1840/QĐ-CTN ngày 01/8/2014 và Quyết định số 1877/QĐ-CTN ngày 05/11/2019.

**b)Trung tâm y tế huyện** đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.Kết quả tiêu chí:

- Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng và nhiệm vụ: Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Lưu được thành lập năm 2006 theo Quyết định số 3066/QĐ.UBND-VX ngày 25/8/2006 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Trung tâm Y tế dự phòng huyện, thành phố, thị xã thuộc Sở Y tế. Đến cuối năm 2008 Trung tâm Y tế dự phòng huyện đổi tên thành Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Lưu theo Quyết định số 5031/QĐ-UBND ngày 11/11/2008 của UBND tỉnh Nghệ An về việc đổi tên Trung tâm Y tế dự phòng cấp huyện thành Trung tâm Y tế Quỳnh Lưu có chức năng làm nhiệm vụ phòng chống dịch, bệnh cho nhân dân trên địa bàn huyện. Năm 2020 sáp nhập Trung tâm dân số - Kế hoạch hóa gia đình vào Trung tâm Y tế huyện tại Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Nghệ An. Trong nhiều năm qua, Trung tâm đã triển khai đồng bộ, có hiệu quả, thực hiện tốt công tác phòng chống các dịch bệnh, phòng chống sốt xuất huyết, phòng chống phong, tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản-KHHGĐ, phòng chống HIV/AIDS, VSATTP, y tế học đường. và các Chương trình mục tiêu quốc gia khác. Nhờ làm tốt công tác y tế dự phòng nên trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn huyện không có dịch bệnh nguy hiểm, đảm bảo ổn định đời sống nhân dân, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

- Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động: Đơn vị có 03 phòng, 05 khoa, gồm: Phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Truyền thông GDSK, phòng Dân số, Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Khoa Kiểm soát dịch bệnh - HIV/AIDS, Khoa Y tế công cộng, Khoa xét nghiệm

- Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động và trình độ cán bộ: Tổng số cán bộ công nhân viên chức của Trung tâm y tế: Tổng số cán bộ 31(02 BS CKI, 01 ThS YTCC,04 Bác sỹ YHDP, 02 dược sỹ đại học; 01 cử nhân điều dưỡng; 02 thạc sỹ ngôn ngữ học, 01 đại học chính trị, 01 đại học báo chí; 01 cao đẳng xét nghiệm, 02 cao đẳng phụ sản; 01 cao đẳng điều dưỡng, 01 hộ sinh trung học, 02 điều dưỡng trung học, 05 y sỹ ; 03 đại học Kế toán, 01 trung cấp kế toán, 01 trung cấp hành chính.

 - Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn, hiệu quả chất lượng công việc: Công tác phòng chống dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia luôn được thực hiện có hiệu quả, không để dịch bệnh xẩy ra trên địa bàn huyện, các ca bệnh được giám sát chặt chẽ, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo kế hoạch và tiến độ đề ra, hiện các chương trình đã thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm, không có vụ ngộ độc từ 03 người trở lên xẩy ra trên địa bàn, công tác phòng chống HIV/AIDS đạt được kết quả nhất định.

 - Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: Trung tâm Y tế huyện có 1 khối nhà chuyên môn 2 tầng được xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 2/2014 với tổng diện tích 1.500 m2 được bố trí 36 phòng trong đó có 01 phòng giao ban và 02 công trình vệ sinh, 01 nhà bảo vệ với diện tích 9m2, 03 nhà để xe (02 nhà để xe cho cán bộ công chức, viên chức; 01 nhà để xe cho bệnh nhân và người đến giao dịch), 01 nhà ăn phục vụ cho cán bộ viên chức và hội nghị.

**Kết quả đánh giá**: Trung tâm y tế huyện Quỳnh Lưu đáp ứng đủ 05 nhóm tiêu chuẩn đánh giá chấm điểm theo Thông tư 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế.

**c) Đánh giá tiêu chí:**Đối chiếu với quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đạt chuẩn100% tiêu chí số 5 về Y tế*.*

**5.2. Về văn hóa**

**a) Yêu cầu tiêu chí:**Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

**b) Kết quả thực hiện:**

**\* Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đảm bảo đạt chuẩn theo quy định:**

Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện Quỳnh Lưu được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện và Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện Quỳnh Lưutheo Quyết định số 5460/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Nghệ An.

Các tiêu chí: Tên gọi, Tổng diện tích đất đang sử dụng, quy mô xây dựng, trang thiết bị, tổ chức và biên chế, trình độ cán bộ, tổ chức hoạt động, kinh phí của Trung tâm đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

Trung tâm có 22 cán bộ, viên chức, người lao động(biên chế 18 người, hợp đồng 4 người), trong đó: Ban Giám đốc gồm 3 người (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc), bộ phận hành chính và chuyên môn 19 người. Trình độ chuyên môn: Trên đại học: 01 người; đại học: 21 người; cao đẳng và trung cấp: 02 người. Với tổng diện tích là 7.512 m2 (bao gồm địa điểm hoạt động văn hóa và địa điểm hoạt động hoạt động truyền thanh - truyền hình). Tại địa điểm hoạt động văn hóa có diện có cơ sở vật chất gồm: 1 nhà làm việc 2 tầng, 1 nhà làm việc cấp 4, có đầy đủ các phòng chức năng, phòng nghiệp vụ, hành chính và hội trường 500 chỗ ngồi, phương tiện, trang thiết bị đảm bảo hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; nhà truyền thống, thư viện 2 tầng với diện tích 150m2. Có trường quay truyền hình; cổng thông tin điện tử; 01 xe ô tô phục vụ công tác tuyên truyền, thông tin lưu động và các công trình, thiết bị phụ trợ khác... Cơ sở vật chất văn hóa, thể thao huyện đã đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, thể thao cấp huyện và kết nối với cơ sở.

Có khu thể thao ngoài trời: 01 sân vận động diện tích 17.8730 m2, có 01 bể bơi, nhà tập luyện thể thao 3.263m2. Hoạt động văn hóa văn nghệ, thông tin tuyên truyền tại Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thônghuyện diễn ra phong phú, đa dạng, duy trì tốt các câu lạc bộ như: Câu lạc bộ thơ, câu lạc bộ dân ca ví giặm Nghệ Tĩnh, các câu lạc bộ thể dục thể thao...

Trong những năm qua, huyện đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất văn hóa, thể thao cấp huyện như xây dựng, chỉnh trang khuôn viên, xây dựng thêm nhà làm việc của Trung tâm; trang bị nội thất bàn ghế, điều hòa, thiết bị âm thanh, ánh sáng nhà văn hóa huyện; nâng cấp sân vận động, nhà thi đấu TDTT huyện, lắp đặt bể bơi, xây dựng 02 sân quần vợt; xây dựng cổng chào điện tử, xây dựng và lắp đặt các cụm panô, hệ thống đèn LED trang trí, tuyên truyền; bổ sung sách báo, tư liệu nhà truyền thống, thư viện huyện; mua sắm thiết bị phục vụ truyền thanh - truyền hình; xây dựng và nâng cấp cổng thông tin điện tử...

Ngoài ra, đã quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh - Trung tâm Thể dục thể thao huyện tại thị trấn Cầu Giát với diện tích 21,37ha (theo Quyết định phê duyệt số 2482/QĐ-UBND ngày 07/3/2021 của UBND tỉnh Nghệ An); hiện nay đang triển khai xây dựng đường vào.

**\* Có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả:**

Hàng năm, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông đã xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổ chức mở các lớp năng khiếu nghệ thuật, các lớp đào tạo tài năng thể thao, tổ chức các cuộc hội thi, hội diễn, các giải thi đấu thể dục thể thao của huyện và hướng dẫn, kết nối hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho cơ sở.

Phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao phát triển rộng khắp, thu hút nhiều thành phần, đối tượng tham gia. Hàng năm, huyện tổ chức 10 - 11 cuộc hội thi, hội diễn văn hóa văn nghệ, 10 - 12 giải thể thao và nhiều sự kiện văn hóa, thể thao khác, tiêu biểu như hội nghị tuyên dương gia đình văn hóa tiêu biểu giai đoạn 2008 - 2013; tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống Bạo lực gia đình giai đoạn 2008 - 2018; 20 năm thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2000 -2020” và chiến lược phát triển Gia đình Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020; lễ trao bằng công nhận danh hiệu “Làng văn hóa”; hội thi “Nhân dân Quỳnh Lưu với xây dựng nông thôn mới”; Liên hoan Tiếng hát làng Sen gắn với Liên hoan dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh; giao lưu văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân và Tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu; Hội báo Xuân và Ngày thơ Việt Nam; tổ chức Khai trương du lịch Biển Quỳnh với nhiều hoạt động phong phú đa dạng; tổ chức Đại hội TDTT các cấp theo định kỳ; tổ chức giải Việt dã; giải Bóng bàn mở rộng; giải Cầu lông; giải Bóng đá thiếu nhi và nhiều hoạt động khác nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng.

Tập trung các đội tuyển tham gia tích cực các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch do tỉnh tổ chức và luôn đạt thành tích cao. Từ năm 2011 đến nay, đã đạt nhiều thành tích tiêu biểu như: giải nhất Hội thi gia đình văn hóa - thể thao, giải nhì Liên hoan CLB dân ca Xứ Nghệ, giải ba Liên hoan tiếng hát làng Sen, giải nhất giải bóng chuyền Lễ hội Làng Sen, giải nhì toàn đoàn Đại hội TDTT toàn tỉnh lần thứ VII và lần thứ VIII (năm 2014 và năm 2018), giải nhì Hội khoẻ Phù Đổng, giải nhất đội thiếu niên giải Bóng đá Thiếu niên - Nhi đồng Cúp Báo Nghệ An 2017, giải nhì Người đẹp lễ hội Làng Sen năm 2017, đặc biệt 7 năm liền từ 2011 - 2017 đạt giải nhất giải Việt dã toàn tỉnh...

Trung tâm VHTT-TT thường xuyên quan tâm thực hiện tốt các hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hóa, công tác viên văn hóa-thể thaocác xã, thị trấn. Đội ngũ cán bộ thường xuyên sâu sát cơ sở để hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao tại cơ sở.

Bằng nhiều hình thức, cách làm đa dạng, phong phú, phong trào văn nghệ quần chúng phát triển rộng khắp ở các xã, thị trấn, trong cơ quan, đơn vị, trường học góp phần xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của người dân. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cơ sở vật chất như âm thanh, đạo cụ, trang phục... đưa nhiều loại hình nghệ thuật đa dạng, nội dung phong phú về cơ sở. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động văn hóa, nghệ thuật liên kết với các đơn vị tổ chức sự kiện để tổ chức những hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ nhân dân, khuyến khích quần chúng cùng tham gia sáng tạo và bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống của địa phương.

*(Có biểu đánh giá chi tiết các tiêu chí của Trung tâm VHTT-TT kèm theo).*

Các di sản văn hóa phi vật thể, các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống được sưu tầm, bảo tồn, phát huy, tiêu biểu như:Chí sỹ cách mạng Văn Đức Giai, Hồ Bá Ôn, Hồ Ngọc Lãm, Hồ Tùng Mậu, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đầu tiên Cù Chính Lan, danh nhân văn hóa thế giới nữ sỹ Hồ Xuân Hương,....Các hoạt động kinh doanh văn hóa phẩm, dịch vụ văn hóa thể thao đảm bảo đúng quy định của luật và đáp ứng nhu cầu của nhân dân; các lễ hội văn hóa truyền thống được xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động kết nối với các xã, thị trấn trong toàn huyện góp phần gìn giữ và tôn vinh bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc và quê hương, như: Lễ hội Đền Quy Lĩnh (Quỳnh Lương), Lễ hội Cầu Ngư (các xã vùng biển), Lễ Kỳ phúc (Quỳnh Đôi), Lễ khai trương du lịch Biển Quỳnh...

Toàn huyện có 193 di tích và danh thắng, trong đó 33 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng (gồm 15 di tích cấp quốc gia và 18 di tích cấp tỉnh).

Về Du lịch, huyện Quỳnh Lưu đang phát triển đa dạng các loại hình du lịch như: Du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm nông thôn, nhiều tua, tuyến bước đầu hình thành và hấp dẫn du khách, phát huy hiệu quả... Hiện Quỳnh Lưu đang tập trung kêu gọi để mở rộng đầu tư tạikhu du lịch Biển Quỳnh... và các loại hình dịch vụ du lịch khác, các điểm dừng chân, hệ thống nhà hàng, khách sạn.

**c) Đánh giá tiêu chí:**Huyện Quỳnh Lưu tự đánh giá đạt tiêu chí Văn hóa theo Quyết định số 558/QĐ-TTg,ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*.*

**5.3. Về giáo dục:**

**a) Yêu cầu tiêu chí:**Tỷ lệ trường Trung học phổ thông (THPT) đạt chuẩn ≥ 60%.

**b) Kết quả thực hiện:**

Trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu, có 7 trường THPT, trong đó có 6 trường THPT công lập (THPT Quỳnh Lưu1, THPT Quỳnh Lưu 2, THPT Quỳnh Lưu 3, THPT Quỳnh Lưu 4, THPT Nguyễn Đức Mậu,THPT Cù Chính Lan); 01 trường THPT ngoài công lập (Trường THPT THPT Lý Tự Trọng). Đến nay, đã có 5/7 trường THPT đạt chuẩn Quốc gia công lập, đạt tỷ lệ 71,4%.

**c)Đánh giá tiêu chí:**Căn cứ yêu cầu tại Quyết định 558/QĐ-TTg, huyện Quỳnh Lưu tự đánh giá đã đạt 138,83% tiêu chuẩn của tiêu chí số 5.3 về tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn Quốc gia.

**6. Tiêu chí số 6 về Sản xuất**

**a)Yêu cầu của tiêu chí:**

Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Quỳnh Lưu là huyện có nhiều tiềm năng, lợi thế về đất đai, là huyện trọng điểm sản xuất nông nghiệp của cả tỉnh. Ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp luôn được sự quan tâm hàng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND và UBND huyện; với việc ban hành nhiều Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, công nghệ cao và theo chuỗi giá trị. Huyện Quỳnh Lưu lập quy hoạch phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới đến năm 2035, định hướng 2050, trong đó đã quy hoạch các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn. Đến nay, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện bước đầu đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm; nhiều mô hình trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi được xây dựng và nhân rộng.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, huyện Quỳnh Lưu đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí sản xuất theo hướng: Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch. Cụ thể:

Về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện, đạt kết quả như sau: Các sản phẩm chủ lực của địa phương về trồng trọt có lúa chất lượng cao, rau màu; về chăn nuôi có lợn, bò thịt; về thủy sản có tôm, hải sản khai thác, muối. Các sản phẩm chủ lực đều đã có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; 33/33 xã đều có hợp đồng liên kết có thời gian 2 năm trở lên giữa người dân, HTX với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương. Trong đó có 07 dự án, kế hoạch liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Nghệ An, được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt với tổng diện tích liên kết sản xuất là 640,6 ha[[18]](#footnote-19).

\* Về trồng trọt:

+ Về trồng trọt:

Đối với lúa: Từ năm 2012 đến nay, huyện Quỳnh Lưu tổ chức kêu gọi các doanh nghiệp vào liên kết sản xuất lúa hàng hóa, lúa giống phục vụ nhu cầu sản xuất trên địa bàn như: Công ty CP Nông nghiệp Miền Trung, Công ty giống cây trồng Quỳnh Lưu, Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam, Công ty TNHH Giống cây trồng Tiền Hải, Công ty TNHH Mạnh Cường, Công ty Vật tư nông nghiệp Quỳnh Lưu,.... Các HTX DV Nông nghiệp trên địa bàn đại diện cho các hộ dân đã ký kết hợp đồng liên kết sản xuất với doanh nghiệp từ khâu cung ứng giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, chăm sóc cây trồng cho đến tiêu thụ sản phẩm; tổng diện tích liên kết hơn 1.500 ha/ 7.450 ha, chiếm 20,1%; sản lượng lúa liên kết tiêu thụ bình quân khoảng 18.000 tấn/năm, chiếm khoảng 19,8% tổng sản lượng lúa toàn huyện.

Đối với Mía: Các nhóm hộ gia đình, cá nhân tại các xã Quỳnh Thắng, Tân Thắng, Quỳnh Châu, Quỳnh Tam, Quỳnh Tân, Tân Sơn, Ngọc Sơn liên kết sản xuất mía nguyên liệu từ khâu cung ứng giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, chăm sóc cây trồng cho đến bao tiêu tiêu thụ sản phẩmvới Công ty TNHH Mía đường Nghệ An. Tổng diện tích liên kết sản xuất hơn 620 ha/ 956,4 ha, chiếm 64,8%; sản lượng mía tiêu thụ bình quân khoảng 34.223 tấn/năm, chiếm khoảng 68,4% tổng sản lượng mía toàn huyện.

Đối với Dứa: Các Hợp tác xã, nhóm hộ gia đình, cá nhân tại các xã Quỳnh Thắng, Tân Thắng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm dứa trên địa bàn. Tổng diện tích liên kết hơn 100 ha/ 550 ha, chiếm 18,2%; sản lượng dứa tiêu thụ bình quân khoảng 2.700 tấn/năm, chiếm khoảng 16,5% tổng sản lượng dứa toàn huyện.

Đối với rau, màu: Các HTX DV Nông nghiệp, nhóm hộ gia đình, cá nhân tại các xã Quỳnh Minh, Quỳnh Lương, Quỳnh Bảng đã ký kết hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với các Công ty CP Tổng hợp Phú Tài Phát, Công ty CP Farm Cường Thịnh, Công ty TNHH Thực phẩm Thiên nhiên xanh. Sản lượng rau, màu liên kết tiêu thụ bình quân khoảng 10.859 tấn/năm, chiếm khoảng 11,4% tổng sản lượng rau, củ, quả toàn huyện.

\* Chăn nuôi:

Chuyển chăn nuôi nhỏ lẽ trong khu dân cư, sang chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, đã hình thành nhiều vùng chăn nuôi tập trung tại các xã Tân Sơn, Quỳnh Tân, Quỳnh Bảng, …. Trên địa bàn huyện có 32 cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ xa khu đan cư và 117 cơ sở chăn nuôi nông hộ. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 19.931 tấn, giá trị sản xuất đạt 873,541 tỷ đồng.

Đối với gia súc: Có 6 cơ sở nuôi lợn sinh sản và lợn thịt quy mô vừa đang hoạt động có hiệu quả và có liên kết với Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi GREEN FEED,... thực hiện liên kết trong cung ứng giống, thức ăn, thuốc thú y, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, cử cán bộ kỹ thuật theo dõi diễn biến sinh trưởng, phòng trừ dịch bệnh và bao tiêu tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi. Hàng năm HTX sản xuất và kinh doanh thực phẩm sạch Từ Tâm liên kết bao tiêu sản phẩm cho người chăn nuôi với quy mô khoảng 1.300 tấn lợn thịt hơi tương đương 14.400 con (bình quân 90 kg/con), tổng đàn lợn toàn huyện khoảng 48.000 con, tổng sản lượng lợn thịt lợn hàng năm khoảng 12.362 tấn/năm, chiếm 10,5%; 50 tấn bò thịt thương phẩm, tổng sản lượng thịt bò xuất bán hàng năm khoảng 420 tấn chiếm 11,9%. Một số mô hình về chăn nuôi, sản xuất thực phẩm sạch *(Công ty TNHH Đức Minh chăn nuôi lợn Công nghệ cao ở xã Tân Sơn với quy mô tổng đàn 13.930 con, trong đó có 1.400 con lợn nái sinh sản và sản xuất trên 60.000 lợn con giống Hậu bị và giống thịt thương phẩm/năm; Cơ sở chăn nuôi Trâm Anh tại xóm 10 xã Quỳnh Tam quy mô 200 lợn nái và 1.000 lợn thịt; Cơ sở chăn nuôii Hồ Văn Thủy xóm 8 Quỳnh Tam quy mô 300 nái và 1.200 lợn thịt; Cơ sở chăn nuôi Vũ Văn Năng tại xã Quỳnh Bảng quy mô 110 lợn nái và 800 lợn thịt; Cơ sở chăn nuôi gà lấy trứng quy mô 24.000 con của ông Lê Văn Thông ở xóm 4 xã Quỳnh Lương; HTX sản xuất và kinh doanh thực phẩm sạch Từ Tâm xã Ngọc Sơn chăn nuôi bò thịt gắn chế biến sản phẩm giò me và đã cung ứng thịt sạch gắn tem nhãn ra thị trường...).* Một số sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP như: sản phẩm Giò bê sinh học của HTX sản xuất và kinh doanh thực phẩm sạch Từ Tâm xã Ngọc Sơn, ….

Đối với chăn nuôi gia cầm: Trên địa bàn có 10 cơ sở chăn nuôi quy mô vừa, và 25 cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ chuyên nuôi gà đẻ trứng, gà thịt và 01 HTX chăn nuôi gia cầm chuyên cung ứng giống thương phẩm trên địa bàn tỉnh; Các cơ sở chăn nuôi đã liên kết với các Doanh nghiệp cung ứng giống, thức ăn, thuốc thú y, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, cử cán bộ kỹ thuật theo dõi diễn biến sinh trường, phòng trừ dịch bệnh và bao tiêu tiêu thụ sản phẩm. Tổng đàn gia càm khoảng 2,1 triệu con, tổng sản lượng thịt gia cầm thương phẩm toàn huyện khoảng 4.680 tấn/năm. Liên kết .....

\* Thủy sản:

- Đối với nuôi tôm thẻ chân trắng:

Nuôi tôm: Từ những năm đầu nuôi tôm sú theo hình thức quảng canh, đến nay Quỳnh Lưu là huyện có diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng lớn nhất tỉnh, với 465ha được nuôi thành 2-3 vụ/năm, sản lượng hàng năm từ 2.800-3.000 tấn, năng suất bình quân từ 3,5-4 tấn/ha. Những năm gần đây, người nuôi tôm trên địa bàn huyện đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và mở rộng diện tích nuôi tôm theo hướng thâm canh, siêu thâm canh như mô hình nuôi tôm trong bể xi măng, mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn, nuôi tôm Semi-Biofloc, nuôi tôm VietGAP .... Sản lượng nuôi trồng thủy sản hàng năm đạt từ: 9.000-10.000 tấn. Tổng giá trị sản xuất hàng năm (giá trị HH) ước đạt hơn 400 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng sản lượng nuôi trồng thủy sản trong những năm gần đây khá cao, bình quân giai đoạn 2012 - 2021 đạt 10-15% năm. Các HTX, hộ nuôi liên kết sản xuất gắn tiêu thụ sản phẩm với các Công ty như Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Nghệ An II, Công ty Cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Đông Nam, .... Sản lượng liên kết tiêu thụ hàng năm từ 300-400 tấn, chiếm khoảng 10-15% tổng sản lượng tôm nuôi toàn huyện.

- Đối với khai thác hải sản:

Với định hướng phát triển đội tàu khai thác xa bờ đi đôi với bảo vệ chủ quyền biển đảo, trong những năm qua, huyện chú trọng phát triển đội tàu có công suất lớn với các nghề khai thác sản phẩm có giá trị kinh tế cao gắn với các chủ trương chính sách phát triển nghề khai thác hải sản như Quyết định 48/2010/QĐ-TTg, Nghị định 67/2014/NĐ-CP (Nghị định 17/2018/NĐ-CP), Quyết định 87/2014/QĐ-UBND (Quyết định 15/2018/QĐ-UBND), .... Từ những tàu có công suất nhỏ, chủ yếu hoạt động khai thác gần bờ, đến nay, toàn huyện đã có gần 1.000 tàu khai thác hải sản (chiếm 35% toàn tỉnh), trong đó gần 700 tàu có công suất từ 90CV trở lên (chiếm gần 50% toàn tỉnh), tổng công suất hơn 310.000CV, công suất bình quân 270CV/tàu.

Các tiến bộ khoa học được áp dụng vào khai thác hải sản, hiện nay toàn bộ tàu khai thác xa bờ đều đầu tư lắp đặt máy dò cá và máy thông tin tầm xa (ICOM). Việc lắp đặt các trang thiết bị hàng hải trong khai thác hải sản xa bờ là một bước phát triển mới trong nghề khai thác hải sản. Sản lượng khai thác tăng cao, thời gian hoạt động của một chuyến biển rút ngắn, chi phí giảm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho ngư dân. Ngoài ra còn lắp đặt nhiều trang thiết bị hiện đại phục vụ khai thác hải sản khác như lắp đặt thiết bị quản lý lưới rê khi hoạt động khai thác trên biển, làm hầm bảo quản lạnh trên tàu cá bằng vật liệu PU (Polyurethane), bong đèn Led, hệ thống tời lưới và tời nâng cá từ hầm cá lên boong tàu,…. làm tăng chất lượng sản phẩm đánh bắt, giảm sức lao động đồng thời giảm thiểu tai nạn rủi ro trên biển.

Sản lượng thủy hải sản khai thác hàng năm từ 60-65.000 tấn (chiếm gần 50% sản lượng khai thác hải sản toàn tỉnh), trong giai đoạn từ 2012-2021, trung bình mỗi năm tăng từ 10-15%.

Ngoài việc chú trọng phát triển nghề khai thác thì dịch vụ hậu cần cũng được các xã quan tâm phát triển, đã hình thành và xây dựng được một số làng nghề chế biến hải sản như chế biến nước mắm ở xã An Hòa, chế biến mực khô ở xã Quỳnh Long, nghề sản xuất và gia công lưới vây ở xã Quỳnh Long, ... đã tạo việc làm lúc nhàn rỗi cho hàng ngàn lao động tại địa phương. Xây dựng được 02 thương hiệu cho sản phẩm thủy sản đó là Nước mắm 559 Quỳnh Thọ và Mực khô Quỳnh Lưu.

Các HTX, chủ tàu thuyền liên kết sản xuất gắn tiêu thụ sản phẩm với các Công ty như Công ty TNHH Thủy sản Lực Sỹ, Công ty TNHH XNK Thủy sản Hưng Thành Phát, Công ty Cổ phần Thủy sản Quỳnh Lưu, .... Sản lượng liên kết tiêu thụ hàng năm từ 20-25 ngàn tấn, chiếm khoảng 30-35% tổng sản lượng hải sản khai thác của toàn huyện.

\* Diêm nghiệp:

Duy trì ổn định diện tích sản xuất muối, sản lượng muối hàng năm từ đạt 47.000-50.000 tấn, giá trị (theo giá hiện hành) đạt 94,4 tỷ đồng. Trên địa bàn có 4 cơ sở chế biến muối (Công ty cổ phần muối Nghệ An, Công ty muối Việt Nam, Xí nghiệp muối Vĩnh Ngọc, Công ty muối Vinh Ngọc) sản lượng muối chế biến hàng năm khoảng 35.000 tấn muối xuất khẩu và muối iot, chiếm 74,46% sản lượng muối toàn huyện.

 Như vậy, tỷ lệ sản lượng liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong các lĩnh vực trồng trọt (lúa chiếm 19,8%; mía chiếm 68,4%; dứa chiếm 16,5%; rau, màu chiếm 11,9%); chăn nuôi (gà chiếm ..........%, lợn chiếm 10-11%; bò chiếm 12-15%); thủy sản (tôm chiếm 10-15%; hải sản chiếm 30-35%); muối (chiếm 30-35%) đều đạt trên 10% so với quy định của tiêu chí tại Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

**c)Đánh giá tiêu chí:**Huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An có Tiêu chí số 6 về Sản xuất đạt chuẩn 100% theo Quyết định 558/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

**7. Tiêu chí số 7 về Môi trường**

**a)Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.

- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

**b)Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**7.**1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện:

1. *Có Đề án hoặc kế hoạch hoặc phương án quản lý (giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý) chất thải rắn trên địa bàn huyện được phê duyệt và triển khai thực hiện, bao gồm các hạng mục công trình, biện pháp, nhân lực, trang thiết bị, phương tiện đảm bảo yêu cầu:*

Xác định tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội và hoàn thiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới, trong thời gian qua UBND huyện Quỳnh Lưu đã xây dựng, ban hành nhiều văn bản pháp lý, các Chương trình, Kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn:

- Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết số 113/2005/NQ-HĐND ngày 29/12/2005 về việc phê chuẩn đề án đảm bảo vệ sinh môi trường giai đoạn 2005-2010.

* Huyện ủy đã có Đề án số 02/ĐA-HU ngày 10/11/2010 thực hiện chương trình vệ sinh môi trường, nước sạch và xây dựng các công trình vệ sinh đạt chuẩn.
* UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 13/01/2011 thực hiện chương trình vệ sinh môi trường, nước sạch và xây dựng các công trình vệ sinh đạt chuẩn.

- Ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 15/6/2018 về việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 08/12/2017 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 99/KH-UBND của UBND tỉnh Nghệ An về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Ban hành Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 24/3/2021 về việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên găn với bảo vệ môi trường giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND huyện về việc toàn dân ra quân làm giao thông thủy lợi, vệ sinh môi trường, chỉnh trang cảnh quan nông thôn năm 2021.

- Ban hành Hướng dẫn số 82/HD-UBND ngày 12/4/2021về Thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng trên địa bàn huyện Nghi Lộc.

* Hàng năm, UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Kế hoạch vệ sinh môi trường trước, trong và sau tết; Triển khai tuyên truyền, hưởng ứng các Chiến dịch, Chương trình, Kế hoạch về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện,…
* Căn cứ vào Đề án, kế hoạch của huyện, UBND các xã, thị trấn đã xây dựng Đề án, kế hoạch, phương án riêng cho từng địa phương. Trong đó, xác định rõ cách thức, thời gian, tần suất thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom; mức đóng góp kinh phí và các nội dung khác có liên quan. Đề án, kế hoạch, phương án đã được tổ chức họp, lấy ý kiến của nhân dân theo đúng quy định trước khi triển khai thực hiện.

Thực hiện các đề án, kế hoạch, phương án của huyện và các xã; hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn được triển khai khá tốt. Cụ thể:

Toàn huyện đã tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải ở 33/33 địa phương, với phương thức thu gom: các hộ gia đình tự thu gom, phân loại ngay tại hộ gia đình. Các địa phương thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với Công ty TNHH Thái Bình Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ môi trường,…tổ chức thu gom, vận chuyển về xử lý tại nhà máy T-Tech Nghĩa Đàn. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 90 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên toàn huyện đạt 93%. Các phương tiện vận chuyển rác thải chủ yếu sử dụng xe cải tiến, xe ô tô tải và xe chuyên dụng. Trên địa bàn huyện có 9 xe chuyên dung, 13 xe tải, 200 xe đẩy.

* Trong những năm qua, UBND huyện đã phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ huyện triển khai Xây dựng, nhân rộng và tuyên truyền hơn 40 mô hình tốt về bảo vệ môi trường như mô hình:“Biến rác thải thành con giống” của Quỳnh Thuận, Quỳnh Văn; Thân thiện - Tiết kiệm - Chia sẻ của Quỳnh Giang, Quỳnh Long; “Từ rác thải đến yêu thương” của Quỳnh Hậu, Quỳnh Hồng, Quỳnh Mỹ, mô hình CLB “Làn xinh” tại xã Quỳnh Tân, Quỳnh Hậu. 12 mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không 3 sạch” gắn với hộ liền kề nhà sạch, vườn đẹp. Xây dựng mô hình điểm phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình tạiQuỳnh Thọ, Quỳnh Long, Quỳnh Hoa, Quỳnh Thanh, Quỳnh Lâm***;*** mỗi mô hình có 60 hộ gia đình. Xây dựng mô hình “Phụ nữ hạn chế sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần”tại Quỳnh Thắng, Tân Thắng, Tiến Thủy, Sơn Hải, Quỳnh Tân; mỗi mô hình có 50 thành viên tham gia; Thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường tại xã Quỳnh Tân và xã Quỳnh Thuận.
* Hàng năm UBND huyện trích ngân sách 20-60 triệu đồng/đơn vị để thực hiện công tác bảo vệ môi trường. Nhiều địa phương đã đầu tư và vận động các nguồn xã hội hóa xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, hình thành các đường hoa, cây xanh, các đoạn đường kiểu mẫu, giao cho các tổ chức đoàn thể xã hội theo dõi, quản lý.
* Đối với vỏ bao bì, chai lọ hóa chất bảo vệ thực vật: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 12/4/2021 về thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu. Tháng 11 năm 2020, thực hiện Đề án của UBND tỉnh, UBND huyện phối hợp Chi cục bảo vệ môi trường Nghệ An, Công ty môi trường Bắc Miền Trung thu gom tại 33 xã, thị trấn đưa đi xử lý theo đúng quy định. Năm 2021, UBND huyện ký hợp đồng với Công ty cổ phần đầu tư Công nghệ Môi trường Bắc Miền Trung trực tiếp thu gom, vận chuyển vỏ bao đưa đi xử lý theo quy định.
* Đối với chất thải y tế: Trên địa bàn huyện có 03 bệnh viện đa khoa, 33 trạm y tế xã, 31 cơ sở y dược tư nhân với tổng số 520 giường bệnh. Đối với chất thải y tế nguy hại được các bệnh viện, trung tâm y tế huyện hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty Phú Hà) để xử lý theo đúng quy định. Đối với các trạm y tế thu gom, phân loại giao nộp về trung tâm y tế huyện để được vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Tại 03 Bệnh viện đa khoa huyện đã lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.
* Việc xử lý rác thải nguy hại được các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý theo quy địnhThông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Đối với chất thải công nghiệp thông thường: Các cơ sở sản xuất thực hiện việc ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp theo quy định.

*b) Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện:*

Bãi xử lý rác thải tập trung của huyện được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 4335/QĐ.UBND-CN ngày 16/11/2006 với diện tích 5 ha. Địa điểm xây dựng bãi xử lý rác thải tại xã Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu. Từ tháng 6/2018 đến này bãi rác đã dừng hoạt động.

UBND huyện đang xúc tiến dự án nhà máy xử lý chất thải rắn T-Tech huyện Quỳnh Lưu tại xã Ngọc Sơn. Ngày 24/01/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 253/QĐ-UBND về việc điều chỉnh bổ sung chủ trương dự án đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn T-Tech Quỳnh Lưu tại xã Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu.

7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường:

*a) Về hồ sơ, thủ tục về môi trường các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ:*

* Trên địa bàn huyện có 15.767/15.767 cơ sở hoạt động sản xuất công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trong đó có 216 dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, dịch vụ hoạt động thuộc đối tượng lập hồ sơ lập hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản, Cam kết bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Có 13 dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường do UBND tỉnh phê duyệt;

+ Có 204 dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện lập Kế hoạch BVMT, Cam kết BVMT, đề án bảo vệ môi trường do UBND huyện xác nhận.

+ Có 12 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện được UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định. Bên cạnh đó, một số dự án sản xuất cũng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

+ Còn lại 15.551 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ, không thuộc đối tượng lập hồ sơ bảo vệ môi trường, tuy nhiên các cơ sở trên đều thực hiện cam kết với chính quyền địa phương, cộng đồng khu dân cư về chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và được chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư giám sát, kiểm tra, quản lý theo thẩm quyền.

*b) Cơ sở nuôi trồng thủy sản và Cơ sở chăn nuôi:*

* Trên địa bàn huyện có 3.061 hộ gia đình nuôi trồng thủy sản. Các hộ gia đình nuôi trồng với quy mô nhỏ lẻ, phù hợp với quy hoạch nuôi trồng thủy sản của địa phương, thực hiện ký cam kết môi trường với chính quyền địa phương, không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.

- Trên địa bàn có 35.139 hộ gia đình chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ. Các chuồng trại chăn nuôi đảm bảo hợp vệ sinh, nằm tách biệt với nhà ở, nguồn nước, đảm bảo phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh, thực hiện thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo môi trường.Tỷ lệ hộ hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 97,02%.

c) Có 40 làng nghề trên địa bàn huyện, gồm các loại hình chế biến thực phẩm, nghề mộc, làm hương thẻ và mây tre đan xuất khẩu. Hầu hết các làng nghề thuộc ngành nghề thuộc loại hình được khuyến khích phát triển theo quy định. Các làng nghề đã thực hiện lập Cam kết bảo vệ môi trường, Phương án bảo vệ môi trường theo quy định.

d) Trên địa bàn quy hoạch cụm công nghiệp tại xã Quỳnh Hoa. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa hoạt động.

**c) Đánh giá tiêu chí:** Tiêu chí Môi trường của huyện Quỳnh Lưu đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*.*

**8. Tiêu chí số về An ninh, trật tự xã hội**

**a)Yêu cầu của tiêu chí:**Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

**b)Kết quả thực hiện tiêu chí:**

# - Hàng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm liền kề trước, Lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

- Ban hành 01 đề án, 03 phương án, 01 Nghị quyết, 07 chỉ thị, 12 công điện, 120 kế hoạch, 109 công văn chỉ đạo các ngànhđịa phương tăng cường công tác phòng ngừa đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là các loại tội phạm hình sự nguy hiểm, tội phạm ma túy; phát động 12 đợt truy quét, tấn công, trấn áp các loại tội phạm nhằm đảm bảo ANTT; sơ, tổng kết 47 chuyên đề lớn về công tác đảm bảo ANTT, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

- Củng cố, kiện toàn và duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ; Ban chỉ đạo hoạt động tự quản về ANTT theo Quyết định 57/2006/QĐ-UBND ngày 09/6/2006 của UBND tỉnh; chỉ đạo xây dựng xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo Thông tư 23/2012/TT-BCA và Quyết định 79/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Tiếp tục xây dựng mới, củng cố và nhân rộng nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hiện tại, trên địa bàn huyện có 72 mô hình, điển hình tiên tiến ở 33 xã, thị trấn[[19]](#footnote-20), trong đó có 07 mô hình trong vùng đặc thù[[20]](#footnote-21), đặc biệt đã tập trung xây dựng, nhân rộng mô hình “Cựu chiến binh với công tác đảm bảo ANTT” tại xã An Hòa góp phần ổn định tình hình ANTT, bắt giữ các đối tượng phản động và được Bộ Công an khen thưởng, nhân rộng trên toàn quốc. Từ năm 2018 đến nay, đã chỉ đạo quyết liệt Công an huyện tổ chức nhân rộng và xây dựng mới các mô hình tự quản về ANTT như: Dân vận khéo trong công tác đảm bảo ANTT và Xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2021 tại xã Quỳnh Bá; mô hình vùng giáo “giáo xứ Hội Nguyên chung tay giữ vững an ninh, đảm bảo an toàn chống dịch” tại giáo xứ Hội Nguyên, xã Quỳnh Hồng; mô hình Tổ Covid cộng đồng tại xã Quỳnh Hoa.

Các mô hình đã được xây dựng hiện hoạt động hiệu quả góp phần quan trọng trong công tác đảm bảo ANTT tại cơ sở. Hàng năm chỉ đạo Công an huyện chủ trì hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức Diễn đàn Công an lắng nghe ý kiến nhân dân được quần chúng nhân dân hưởng ứng, đánh giá cao. Ngoài ra, chỉ đạo Mặt trận tổ quốc huyện tiếp tục hướng dẫn xây dựng các mô hình như: “Khu dân cư văn minh và phát triển”; “Đường cờ đại đoàn kết”; “Nhân dân Quỳnh Lưu đoàn kết, tự tin, tự hào chung tay xây dựng huyện nông thôn mới”; “Đường thông, hè thoáng, xóm làng, khối phố văn minh”; “Xứ đạo an lành, văn minh”; xây dựng mới và hoàn thành giai đoạn 1 đề án xây dựng mô hình “Camera an ninh” được lắp đặt tại 13 điểm với 29 mắt camera, phát động cộng đồng dân cư lắp đặt 43 camera an ninh cộng đồng và hàng loạt camera cá nhân phục vụ công tác đảm bảo ANTT.

- UBND huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo, không để tồn đọng, kéo dài; việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo được giao cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ;

- Tình hình an ninh quốc gia luôn được giữ vững ổn định: Các vụ, việc nổi lên luôn được lực lượng Công an nắm chắc tình hình ngay từ khi mới phát sinh, tập trung tham mưu giải quyết dứt điểm, ổn định, không để nảy sinh phức tạp về an ninh trật tự, không để hình thành điểm nóng. Hiện trên địa bàn, không có đối tượng phản động, không có các tổ chức chính trị đối lập và các hội nhóm trái pháp luật;

- Hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự được tăng cường, nhất là trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng luôn được đảm bảo tốt, tai nạn giao thông được kiềm chế và giảm dần; công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng, ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và công tác phòng cháy, chữa cháy, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, góp phần phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm.

- Hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh, cơ sở vật chất, nơi làm việc, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp. Các tổ chức trong hệ thống chính trị được củng cố và ngày càng vững mạnh, chất lượng hoạt động, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- Công tác Quốc phòng - An ninh được cấp uỷ, chính quyền và nhân dân chung tay góp sức thực hiện; đã xây dựng 3.894 tổ liên gia tự quản về ANTT, 244 tổ hòa giải. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được đảm bảo, chủ động giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến tôn giáo, an ninh nông thôn, bảo vệ chính trị nội bộ. Công tác khám, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Hoàn thành 100% nội dung, chương trình huấn luyện, 100% chỉ tiêu báo động, huấn luyện quân nhân dự bị các đơn vị theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao; diễn tập chỉ huy cơ quan 1 bên, 1 cấp, một phần ngoài thực địa đạt giỏi, bảo đảm an toàn về người và VKTB. Chỉ đạo các xã, thị trấn diễn tập chiến đấu phòng thủ, PCCR, PCTT-TKCN đạt giỏi trở lên.

- Thường xuyên duy trì nghiêm chế độ SSCĐ từ huyện đến cơ sở, nhất là các dịp lễ, tết, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước; phối hợp chặt chẽ với Công an, Đồn Biên phòng Quỳnh Thuận, Lữ đoàn 215 TTG, Lữ đoàn 16 Pháo binh quản lý, nắm chắc tình hình địa bàn, trọng tâm các xã ven biển, vùng đặc thù về ANCT. Thường xuyên nắm các nguồn thông tin của cơ quan cấp trên cung cấp, kết hợp với tăng cường hoạt động của lực lượng Quân báo, trinh sát nhân dân để dự báo, phát hiện sớm âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức luyện tập thành thục các phương án SSCĐ. Xử lý kịp thời các tình huống ANCT, thiên tai không để bị động bất ngờ.

- Lực lượng vũ trang huyện (Công an, Bộ đội địa phương; dân quân tự vệ) hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự. Công an huyện trong những năm qua đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

**c) Đánh giá tiêu chí:** Huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã đạt chuẩn Tiêu chí số 8 về An ninh, trật tự xã hội Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*.*

**9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới**

**a)Yêu cầu của tiêu chí:**

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định;

- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện

+ Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2011-2020 và năm 2021 do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban chỉ đạo và gồm 28 thành viên; Ban chỉ đạo thường xuyên được kiện toàn đảo bảo hoạt động có hiệu quả. Thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong Ban chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc.

+ Ban chỉ đạo xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và đã được UBND huyện Quỳnh Lưu phê duyệt.

+ Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện 5 năm (2011-2015), (2016-2020) và kế hoạch hàng năm,…Đồng thời trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện của các địa phương trong xây dựng nông thôn mới. Hàng quý, 6 tháng, 9 tháng Ban chỉ đạo tổ chức họp để nghe tiến độ thực hiện Chương trình; riêng năm 2019-2021, Ban chỉ đạo mỗi tháng một lần nghe tiến độ, kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

+ Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Ban Chỉ đạo đã tham mưu Huyện ủy, UBND huyện ban hành các cơ chế xây dựng nông thôn mới như: cơ chế hỗ trợ xi măng, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng như trường học, trạm y tế, nhà văn hóa xã, nhà văn hóa xóm... hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, thưởng cho xã đạt chuẩn… phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Đối với các xã đã được công nhận, Ban chỉ đạo đã tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo UBND các xã ban hành các kế hoạch nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện: UBND huyện đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng kiêm nhiệm, đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Chánh Văn phòng, Phó trưởng phòng Nông nghiệp & PTNT làm chuyên trách; đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện đã ban hành Quy chế hoạt động theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ chức năng nhiệm vụ, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện đã làm tốt công tác tham mưu kịp thời cho Ban Chỉ đạo, UBND huyện các biện pháp chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đảm bảo hoàn thành theo đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**c)Đánh giá tiêu chí:** Hoạt động Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đạt chuẩn Theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Kết quả đạt được**

Là huyện có diện tích lớn, có 33 xã, thị trấn, dân số đông, giáo dân chiếm tỷ lệ lớn, có đồng bào dân tộc... nhưng nhờ biết phát huy sức mạnh toàn hệ thống chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, sâu sát, quyết liệt,tổ chức chọn đúng điểm, đúng xã, đúng tiêu chí để phấn đấu, có trọng tâm với nhiều cách làm năng động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương nên qua 10 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu đã đạt được những kết quả toàn diện, nổi bật, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới, quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện tốt, an ninh trật tự xã hội được tăng cường, hệ thống chính trị được cũng cố, kiện toàn, quy mô sản xuất và đời sống vật chất, tinh thần ngày càng được nâng cao.Thể hiện một số điểm nổi bật sau:

***- Xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi toàn diện nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện:***Thông qua thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cán bộ được bồi dưỡng,rèn luyện, trưởng thành, sâu sát, gần dân hơn; năng lực điều hành, vai trò quản lý nhà nước được nâng cao trên tất cả các lĩnh vực; xây dựng nông thôn mới đã trở thành thước đo đánh giá cán bộ, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo. Nhận thức của người dân đã thay đổi rõ rệt, từ nhận thức xây dựng nông thôn mới là chương trình, dự án sang nhận thức người dân là chủ thể, huy động sức dân là chính, dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng...; phong trào xây dựng nông thôn mới đã được người dân hưởng ứng một cách tích cực, nhiều nơi xây dựng nông thôn mới đã trở thành khát vọng của chính người dân.

***- Kinh tế tiếp tục phát triển, an sinh xã hội đảm bảo, đời sống nhân dân không ngừng được nâng lên:*** Giai đoạn 2010-2021 tình hình thế giới có nhiều biến động, kinh tế trong nước còn gặp nhiều khó khăn, lạm phát tăng cao, thiên tai dịch bệnh thường xuyền và có nhiều diễn biến bất thường, đặc biệt là Đại dịch COVID-19, Chính phủ thắt chặt đầu tư công đã ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Nhưng với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ huyện xuống cơ sở nên tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 10 năm luôn duy trì ở mức khá cao, giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng bình quân đạt10,16 %, giai đoạn 2016-2021 tăng trưởng bình quân đạt 12,53%, năm 2021 đạt 5,85 %; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; thu ngân sách hàng năm đạt trên 300 tỷ động, năm 2021 đạt439,458 tỷ đồng; có hơn 15.000 lao động đang làm việc ở nước ngoài, hàng năm gửi về trên 200 triệu USD góp phần nâng caothu nhập; tỷ lệ việc làm qua đào tạo có việc làm đạt 70%; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 17% năm 2010 còn0,81% năm 2021; 100% tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 14,82 triệu đồng năm 2010 đến năm 2021 đạt 47 triệu đồng, trong đó khu vực nông thôn đạt46,545triệu đồng/người/năm.

***- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được quan tâm, đầu tư nâng cấp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển:***Năm 2010 chỉ có một tuyến quốc lộ, tỉnh lộ đi qua địa bàn huyện với chiều dài 20 km đến năm 2019 có 03 tuyến đường Quốc lộ, 6 tuyến Tỉnh lộ với chiều dài 180 km đi qua địa bàn huyện; đầu tư làm mới được trên 710 km đường nhựa, bê tông;100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã thuận lợi;hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng được đầu tư nâng cấp; xây mới, sữa chữa2.054 phòng học, chức năng ở các cấp học; xây mới 15 trạm y tế; đầu tư xây dựng9 nhà máy nước sạch, nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước máy lên 72,6%.

***- Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng hàng hóa, ứng dụng khoa học công nghệ gắn với xây dựng chuỗi giá trị sản xuất:***Hoàn thành việc chuyển đổi ruộng đất, kết hợp nâng cấp hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng; Tích cực đưa một số giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao như lúa, rau màu, dưa hấu, dưa chuột, dưa lưới, hành tăm vào sản xuất, hình thành vùng sản xuất rau tập trung với diện tích hơn 100 ha; xây dựng 8 mô hình sản xuất trong nhà lưới với diện tích trên 40.000 m2 áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, gieo trồng trong giá thể; đã có các sản phẩm nông nghiệp công nhận đạt tiêu chuẩn VietGap như rau củ quả... Công tác xúc tiến thu hút đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho cho nông dân đạt kết quả cao, đã có 9 doanh nghiệp vào liên kết sản xuất với gần 200 mô hình, diện tích liên kết sản xuất hàng năm đạt gần 2.000 ha lúa; chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư sang chăn nuôi theo hướng tập trung công nghiệp, bán công nghiệp, trang trại, gia trại phát triển nhanh toàn huyện có 310 trang trại, gia trại.

***- Y tế, giáo dục có bước phát triển toàn diện:***Cơ sở vật chất y tế tiếp tục đầu tư, nâng cấp đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân nhân trên địa bàn, đến nay đã có 32/32 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, bệnh viện đa khoa huyện được công nhận bệnh viện hạng 2; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 92%; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm đủ điều kiện theo quy định; chương trình phòng chống suy dinh dưỡng được triển khai thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp/còi còn 11,9%, giảm 2,6% so với năm 2015. Chất lượng phổ cập giáo dục và chống mù chữ ngày được nâng cao, đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi một cách vững chắc, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đạt mức độ 2, Xóa mù chữ mức độ 2; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 89,88% (80/89 trường); công tác hướng nghiệp dạy nghề được chú trọng; trường Trung cấp nghề kinh tế - kỹ thuật đã trở thành địa chỉ tin cậy trong việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc thường xuyên đạt 93,5%.

***- Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy:***

Quỳnh Lưu tự hào là vùng đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống văn hóa và cách mạng. Từ xa xưa, nơi đây lưu trữ những trầm tích văn hóa và lịch sử lâu đời của cha ông, là một trong những cái nôi của người Việt cổ; Di chỉ cồn Điệp, Quỳnh Văn đã minh chứng người Việt cổ xuất hiện tại Quỳnh Lưu cách đây khoảng 6.000 năm về trước. Nhân dân Quỳnh Lưu mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu chống kẻ thù xâm lược và cần cù, sáng tạo, chịu khó trong lao động sản xuất. Trải qua suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, Quỳnh Lưu luôn là mảnh đất anh hùng, kiên cường tồn tại như một tiền đồn vững chắc của phía Đông Bắc xứ Nghệ. Nơi đây, là quê hương của nhiều chí sỹ cách mạng lỗi lạc, danh nhân, thi sỹ, nhạc sỹ tài năng, tiêu biểu như chí sỹ cách mạng Văn Đức Giai, Hồ Bá Ôn, Hồ Ngọc Lãm, Hồ Tùng Mậu, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đầu tiên Cù Chính Lan, danh nhân văn hóa thế giới nữ sỹ Hồ Xuân Hương... Toàn huyện có 193 di tích và danh thắng, trong đó 33 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng (gồm 15 di tích cấp quốc gia và 18 di tích cấp tỉnh).

***- Hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, an ninh quốc phòng được cũng cố, giữ vững:*** Hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh, cơ sở vật chất, nơi làm việc, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp. Các tổ chức trong hệ thống chính trị được củng cố và ngày càng vững mạnh, chất lượng hoạt động, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Công tác Quốc phòng - An ninh được cấp uỷ, chính quyền và nhân dân chung tay góp sức thực hiện; đã xây dựng 3.894 tổ liên gia tự quản về ANTT, 244 tổ hòa giải. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được đảm bảo, chủ động giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến tôn giáo, an ninh nông thôn, bảo vệ chính trị nội bộ. Công tác khám, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc đảm bảo, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện được tỉnh Nghệ An xếp loại giỏi.

***- Công tác thu hút đầu tư tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện trên các lĩnh vực góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, phát triển kinh tế địa phương:***Công tác thu hút đầu tư được đổi mới từ khâu tổ chức gặp gỡ, mời gọi, xúc tiến đầu tư, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tiềm năng, cơ hội đầu tư của huyện. Số lượng và quy mô các dự án đầu tư ngày càng tăng. Trong 10 năm đã thu hút được 1.796 dự án đầu tư vào địa bàn huyện với tổng vốn đầu tư 23.688 tỷ đồng, trong đó có 1.680 dự án đầu tư từ ngân sách cấp trên với nguồn vốn 11.282 tỷ đồng; thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư 116 dự án với kinh phí đầu tư 12.009 tỷ đồng; trong đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 5.300 tỷ đồng. Đến nay đã có 83 dự án đi vào hoạt động, góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động. Thu hút đầu tư đã và đang tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện Quỳnh Lưu.

***- Thực hiện các cơ chế và triển khai huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới hiệu quả****:* Xác định xây dựng nông thôn mới trong đó người dân là chủ thể và Nhà nước đóng vai trò định hướng, hỗ trợ để triển khai thực hiện. Ngay từ đầu, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã ban hành các cơ chế chính sách, đồng thời triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách cấp trên để huy động sức mạnh toàn dân, toàn diện trong xây dựng nông thôn mới. Toàn huyện hỗ trợ đã hỗ trợ2.352,283 tỷ đồngtrong đó hỗ trợ 95.210 tấn xi măng *(tỉnh hỗ trợ 55.258 tấn, huyện hỗ trợ 39.952 tấn, giá trị khoảng 123,773 tỷ đồng)*cho các địa phương. Từ việc hỗ trợ bằng xi măng đã huy động được khá lớn nguồn lực từ nhân dân và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác, tạo điều kiện người dân tự chủ hơn trong việc triển khai thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn từ đó thúc đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, góp phần hạn chế nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới. Phong trào xây dựng nông thôn mới đã tạo được sự đồng tình, ủng hộ và tham gia rất tích cực của người dân. Đây có thể coi là một trong những thành công trong xây dựng nông thôn mới ở Quỳnh Lưu. Trong tổng nguồn lực huy động xây dựng nông thôn mới là 6.047.000triệu đồng, thì nhân dân đóng góp 1.487.562 triệu đồng,chiếm 24,6%. Việc huy động sức dân được thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai.

**2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

**2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Về phát triển sản xuất, quy mô sản xuất chưa lớn, liên kết với doanh nghiệp chưa chặt chẽ, thiếu tính bền vững; chất lượng hàng hóa còn thấp, tính cạnh tranh chưa cao; chưa khai thác hết lợi thế phát triển sản xuất của từng vùng, địa phương; các mô hình sản xuất công nghệ cao còn ít và chậm được nhân rộng; đầu ra sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn vốn huy động cho Chương trình còn đạt thấp so với yêu cầu trong khi nhu cầu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng rất lớn, nhưng khả năng cân đối, bố trí vốn rất hạn chế, nên tiến độ đầu tư, thực hiện các chương trình, dự án gặp nhiều khó khăn, hàng năm phải phân kỳ đầu tư cho phù hợp với kế hoạch vốn giao, dẫn đến nhiều dự án thi công kéo dài, chậm phát huy hiệu quả đầu tư.

 - Chính sách tín dụng cho vay đầu tư xây dựng nông thôn mới và thu hút đầu tư đối với doanh nghiệp vào khu vực nông nghiệp, nông thôn chưa có tính đột phá nên khả năng thu hút vốn cho xây dựng nông thôn mới đạt thấp.

 - Một số địa phương trong xây dựng nông thôn mới chủ yếu tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, chưa chú trọng nhiều đến phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, phát triển văn hóa, cản thiện môi trường,…

 - Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn mặc dù đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Một số dự án đã được chấp thuận đầu tư nhưng triển khai chậm.

 - Việc thu thập thông tin, tổng hợp, nắm bắt báo cáo, xử lý khó khăn, vướng mắc ở cơ sở chưa kịp thời.

**2.2. Nguyên nhân**

**a) Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cán bộ lãnh đạo cơ sở nhiều lúc còn thiếu quyết liệt, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới còn chưa đầy đủ và thiếu toàn diện, một số ít người dân chưa có ý thức tự giác trong tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Trong quá trình triển khai thực hiện một số thành viên BCĐ, phòng, ban, chưa thực sự sâu sát cơ sở để kịp thời giúp các xã tháo gỡ vướng mắc, khó khăn; một số cấp ủy, chính quyền chưa kịp thời phản ánh những bất cập về cơ quan chuyên môn để chủ động phối hợp giải quyết.

- Một số địa phương chưa tập trung cao cho việc chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả nhằm khai thác các tiềm năng lợi thể của địa phương, nhận thức người dân còn hạn chế, chưa huy động được sự tham gia của người dân dẫn đến chưa hình thành được nhiều vùng sản xuất tập trung quy mô lớn.

- Sự phối hợp giữa các phòng, ban, ngành, các địa phương đôi khi còn thiếu kịp thời, chặt chẽ, nhất là thời kỳ đầu thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

- Đội ngũ giúp việc cấp xã chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo về xây dựng nông thôn mới nên trình độ, năng lực, kinh nghiệm trong công tác chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, trong khi khối lượng công việc nhiều, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

**b) Nguyên nhân khách quan**

- Do tình hình kinh tế thế giới, trong nước gặp nhiều khó khăn, khả năng huy động nguồn lực giảm sút, các chính sách đầu tư hỗ trợ của nhà nước ngày càng giảm.

- Những năm qua thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường; dịch bệnh, đặc biệt là dịch COVID 19 bùng phát, diễn biến phức tạp, nguy hiểm; khó khăn về thị trường vật tư nông nghiệp, nông sản thực phẩm làm cản trở các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

 -Chương trình nông thôn mới triển khai trong điều kiện lạm phát tăng cao, cắt giảm đầu tư công nên trong huy động nguồn lực và bố trí nguồn lực cho đầu tư gặp nhiều khó khăn.

- Xuất phát điểm của nhiều xã còn thấp, khối lượng công việc cần đầu tư nhiều đặc biệt là kết cấu hạ tầng như giao thông, thủy lợi,...; một số chính sách mới được ban hành nên chưa phát huy huy hiệu quả.

**3. Bài học kinh nghiệm**

 ***Thứ nhất,*xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế-xã hội**

Xây dựng NTM là Chương trình tổng hợp chính trị-kinh tế-xã hội về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, để thực hiện Chương trình phải có quyết tâm chính trị cao, có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát, liên tục của các cấp ủy, chính quyền, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu để huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc cùng với sự quan tâm của toàn xã hội, thể hiện ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ, Huyện ủy Quỳnh Lưu đã ban hành Đề án số 07-ĐA/HU ngày 28/02/2012 của BCH huyện Đảng bộ về “Thực hiện Nghị Quyết số 03-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020,trong đó đã xác định nhiệm vụ cụ thể của từng năm và cả giai đoạn để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình; Sau khi Chính phủ ban hành quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 , huyện Quỳnh Lưu quyết tâm thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra. Ngoài xây dựng các Đề án, Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; huyện Quỳnh Lưu đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu qủa các đề án, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện, đồng thời hỗ trợ thực hiện Chương trình NTM; giai đoạn 2010-2015 đã xây dựng 15 đề án 4 kế hoạch; giai đoạn 2016-2020 đã xây dựng và ban hành 27 đề án, 6 kế hoạch.

***Thứ hai,*phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động, gắn với thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở:** Ngay từ khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình huyện tập trung tuyên truyền, vận động, giải thích các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước để cả hệ thống chính trị từ huyện xuống cơ sở và nhân dân nhận thức đúng và đầy đủ về xây dựng nông thôn mới, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc và luôn có sự hưởng ứng tích cực từ đó tạo sự thống nhất về nhận thức, quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đồng thuận của nhân dân, làm cho người dân xác định chính họ là vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới*:“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân hưởng thụ”.* Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục và đa dạng các hình thức như phát tờ rơi, thông qua các hội nghị, các cuộc họp, thông qua hệ thống truyền thanh-truyền hình huyện, truyền thanh xã,… Bên cạnh làm tốt công tác tuyên truyền, huyện Quỳnh Lưu tổ chức công khai các cơ chế chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới để các tổ chức đoàn thể, cán bộ, đảng viên và mọi người dân được tham gia đóng góp xây dựng và giám sát quá trình thực hiện. Chủ động phân cấp để cộng đồng dân cư có thể trực tiếp tham gia xây dựng công trình; phát huy vai trò giám sát của Ban giám sát cộng động để đảm bảo chất lượng công trình, phát huy hiệu quả vốn đầu tư để nhân dân tin tưởng và tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới. Việc huy động và sử dụng các nguồn lực trong xây dựng NTM phải đảm bảo thật sự dân chủ, người dân được tham gia bàn bạc, quyết định và có sự giám sát của cộng đồng dân cư để đảm bảo công khai, minh bạch.

***Thứ ba,*xây dựng, bổ sung các cơ chế chính sách phù hợp theo từng năm, từng giai đoạn,** đồng thời với tổ chức lồng ghép tốt các chương trình, dự án để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất để khuyến khích các địa phương thực hiện.Ngay từ năm đầu triển khai chương trình, huyện đã ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, trong xây dựng NTM, như: Cơ chế khen thưởng công trình phúc lợi cho xã đạt chuẩn NTM (giai đoạn 2011-2015 là 500 triệu đồng/xã và giai đoạn 2016-2020 là 1.000 triệu đồng/xã), hỗ trợ xi măng làm giao thông nông thôn (1.500 tấn/năm), hỗ trợ phát triển hợp tác xã, hỗ trợ xây dựng các mô hình phát triển sản xuất, hỗ trợ xay dựng trường đạt chuẩn quốc gia, hỗ trợ xây dựng trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa xã, hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa xóm... Đối với các xã khó khăn, miền núi ngoài chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết HĐND huyện, UBND huyện trích ngân sách hỗ trợ thêm xi măng làm đường giao thông, hỗ trợ xã phấn đấu đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong việc huy động sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho xây dựng NTM, đồng thời góp phần nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong thực hiện xây dựng NTM, cũng như trong các hoạt động khác ở cơ sở.

***Thứ tư,* Lựa chọn bước đi, cách làm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương:** Phải xác định đúng phương pháp, lựa chọn đúng điểm, đúng xã, đúng tiêu chí, khâu đột phá để xây dựng mô hình điểm, đúng trọng điểm để thực hiện qua các năm, cả giai đoạn qua đó đánh giá, rút kinh nghiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đồng thời là nơi tham quan, học tập cho cán bộ và người dân trực tiếp nhìn thấy hiệu quả, lợi ích của việc xây dựng nông thôn mới. Xác định mục tiêu phù hợp với năng lực thực tế của từng xã để tạo động lực cho các xã vươn lên; cần có những điều chỉnh về cách làm, cơ chế để thực sự đảm bảo vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

***Thứ năm,*Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân:**Xác định nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân khu vực nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi của xây dựng nông thôn mới, huyện đã hoàn thiện quy hoạch phát triển nông nghiệp huyện Quỳnh Lưu gắn với xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, định hướng 2050 và đã cụ thể hóa vào trong chỉ đạo, thực hiện; tập trung đưa các cây trồng, vật nuôi có giá trị vào xây dựng mô hình trên địa bàn huyện, nâng cao hiệu quả sản xuất bằng việc ưu tiên các mô hình sản xuất theo chuỗi, nông nghiệp công nghệ cao, tìm kiếm thị trường, hướng tới xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện. Thu hút và triển khai các dự án đầu tư vào huyện nhà để chuyển dịch lao động nông thôn và thúc đẩy khu vực nông thôn phát triển.Bên cạnh đó, xây dựng vàtriển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm “OCOP”, vườn chuẩn nông thôn mới. Duy trì và nâng cao chất lượng các HTX NN, tổ chỉ đạo sản xuất, nhân rộng các mô hình, cách làm hay có hiệu quả.

***Thứ sáu,* làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo từ huyện xuống cơ sở**: Ngay từ khi bắt đầu triển khai thực hiện, từ huyện đến cơ sở đã thành lập Ban chỉ đạo, tổ giúp việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BCĐ, tổ giúp việc, vì vậy tạo được sự thống nhất trong chỉ đạo và thực hiện. Ban Thường vụ Huyện ủy phân công các đồng chí trong Ban chấp hành, Ban thường vụ phụ trách các cụm, điểm để đôn đốc, chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện. Thường trực Huyện ủy, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện trực tiếp kiểm tra, làm việc với từng xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, các xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, các xã khó khăn nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể xây dựng nông thôn mới cho từng xã. Hàng quý, 6 tháng Thường trực Huyện ủy làm việc với Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện để nghe tiến độ thực hiện, tháo gỡ khó khăn và đôn đốc thực hiện. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, ngành, Phó chủ tịch UBND huyện phụ trách các khối thường xuyên kiểm tra, làm việc với các địa phương về tiến độ thực hiện tiêu chí thuộc khối mình phụ trách. Giao trách nhiệm cụ thể cho Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể đảm nhiệm các nội dung, nhiệm vụ trong xây dựng nông thôn mới như: Hội phụ nữ với phong trào xây dựng “đoạn đường hoa”, tuyến đường cờ", “khu vườn kiểu mẫu”, “đoạn đường xanh sạch đẹp”; Hội cựu chiến binh với mô hình “Tổ an ninh tự quản”; Huyện đoàn với chương trình hỗ trợ xây dựng các khu vui chơi góp phần hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở cơ sở; Hội nông dân thực hiện chương trình “mỗi làng, xã một sản phẩm”, MTTQ với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM và đô thị văn minh”. Trong tổ chức thẩm tra, thẩm định xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND huyện, UVBTV huyện ủy phụ trách cụm, chấp hành phụ trách điểm, Trưởng các phòng, ban, ngành liên quan trực tiếp tham gia thẩm tra, thẩm định và nghiệm túc tiếp thu ý kiến nhận xét của các thành viên trong Hội đồng thẩm định tỉnh để chỉ đạo, hỗ trợ các xã khắc phục những nội dung còn hạn chế.

***Thứ bảy,*Sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng** kịp thời động viên, khích lệ cán bộ, nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới. Hàng năm phải tổ chức sơ, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm, khen thưởng, biểu dương kịp thời những cá nhân, tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho phong trào xây dựng nông thôn mới.

**Phần thứ ba**

**KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ**

**I. QUAN ĐIỂM**

1. Phải nhất quán quan điểm xây dựng nông thôn mới chỉ có điểm đầu, không có điểm kết thúc; là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

2. Xác định chủ thể xây dựng nông thôn mới là người dân nông thôn; phương châm xây dựng nông thôn mới là "Nhà nước và nhân dân cùng làm", phát huy tối đa nội lực của cộng đồng dân cư theo tinh thần "dân biết, dân bàn, dân làm, dân hưởng thụ".

3. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án, đề án đã và đang triển khai thực hiện ở nông thôn.

4. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới ở tất cả các xã, tất cả các nội dung, tiêu chí để cải thiện, nâng cao một cách thực chất, bền vững đời sống của người dân; tuyệt đối không chạy theo thành tích, hình thức; lựa chọn các nội dung, tiêu chí dễ, cần ít nguồn lực và lựa chọn các xã hiện đã đạt được nhiều tiêu chí nông thôn mới nâng cao, các xã định hướng đạt nông thôn mới kiểu mẫu để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện trước, sau đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo các xã còn lại.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát:**

Nâng cao chất lượng xây dựng thôn mới để tiếp tục cải thiện, nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; phấn đấu xây dựng Quỳnh Lưu thành huyện có kết cấu hạ tầng hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, tiến bộ; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; phát huy dân chủ, xây dựng khối đoàn kết trong cộng đồng dân cư; bảo vệ tốt môi trường sinh thái; đảm bảo an ninh trật tự; xây dựng Quỳnh Lưu đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao.

**2. Các chỉ tiêu đến năm 2025**

- Duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng các tiêu chí xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phấn đấu từ 2-4 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (1/2 số xã); các xã còn lại đạt từ 10 tiêu chí nông thôn mới nâng cao trở lên.

- Phấn đấu toàn huyện đạt bình quân 13,57 tiêu chí nông thôn mới nâng cao/xã, tăng 6,82 tiêu chí/xã so với năm 2020; đạt 45,32 nội dung tiêu chí/xã (tổng số 46 nội dung), tăng 10,57 nội dung so với năm 2020.

- Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt trên 95% *(trong đó tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung trong xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt từ 85% trở lên)*.

- Phấn đấu huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao năm 2030.

-Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đến: Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 83-88 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ xã giữ vững xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế đạt 100%; tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên95%. Tỷ lệ hộ nghèo còndưới 0,5%. Tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm cho2.900-3.200 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%. Số trường học đạt chuẩn Quốc gia là 100%; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học đạt 100%. Tỷ lệ hộ được công nhận danh hiệu "gia đình văn hóa": 90%. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó sử dụng nước sạch trên 85%.

**III. NỘI DUNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

**1. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới tại các xã**

Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gắn với hoàn thành xã nông thôn mới kiểu mẫu: Các xã tiếp tục huy động các nguồn lực để nâng cao các tiêu chí NTM theo Bộ tiêu chí NTM nâng cao, Bộ tiêu chí NTM kiểu mẫu. Tập trung phát triển sản xuất, xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn chuẩn nông thôn mới, xây dựng các mô hình mang tính hình mẫu trên tất cả các tiêu chí để xây dựng bổ sung nâng cấp đạt chuẩn tiêu chí. Huyện tập trung triển khai xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa theo quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời xây dựng nông thôn mới nâng cao theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp & PTNT tại Công văn số 8283/BNN-VPĐP ngày 23/10/2018 về nội dung duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với huyện đã đạt chuẩn NTM.

**a) Về Quy hoạch**

Trên cơ sở quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch chi tiết, quy hoạch nông nghiệp đã được phê duyệt, tiếp tục rà soát, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với từng xã và trên địa bàn toàn huyện. Công bố, công khai quy hoạch một cách rộng rãi để nhân dân biết và tập trung quản lý, tổ chức thực hiện hiệu quả; thường xuyên kiểm tra và xử lý các vi phạm về quản lý quy hoạch và thực hiện tốt quy chế quản lý quy hoạch đã được phê duyệt.

**b) Về hạ tầng kinh tế-xã hội:**

- Giao thông:

+ Tập trung mọi nguồn lực để tiếp tục xây dựng, nâng cấp các tuyến đường trục thôn, xóm phấn đấu đến năm 2025: Đường trục thôn, xóm, ngõ xóm được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt 100%; 40-50% các tuyến đường được trồng hoa, xây xanh; Đường trục chính nội đồng có tỷ lệ cứng hoá đạt trên 90%, phần còn lại đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện;

+ Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành các dự án giao thông đang triển khai như đường 35m, đường ven biển,... Khởi công đầu tư, xây mới một số tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt giai đoạn đến năm 2035;

+ Lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ, mốc lộ giới, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ... các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện; phát động phong trào trồng cây xanh trong nhân dân, làm mương kẹp đường, tuyên truyền vận động nhân dân lắp đặt đèn chiếu sáng dọc các tuyến đường giao thông, xây dựng các tuyến đường sáng, xanh, sạch, đẹp.

+ Tập trung làm tốt công tác quản lý, nâng cấp, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường huyện, xã, đảm bảo 100% tuyến đường được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quá khổ, quá tải, vi phạm hành lang an toàn giao thông, lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè để sản xuất, kinh doanh...; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông.

- Thủy lợi:

+ Tiếp tục rà soát, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, nâng cấp, sữa chữa các công trình đã xuống cấp, đầu tư thêm các công trình phục vụ tưới tiêutại các vùng để chủ động đáp ứng được yêu cầu tưới, tiêu phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến năm 2025, phấn đấu 90-95% kênh mương được kiên cố hóa; 100% hồ đập được nâng cấp, đảm bảo an toàn.

+ Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ công trình; xây dựng kế hoạch tưới, tiêu khoa học, tiết kiệm đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh trên địa bàn; huy động mọi nguồn lực, tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, đảm bảo chủ động về phòng, chống thiên tai, bảo vệ sản xuất và đời sống dân sinh. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.

- Điện nông thôn:Tiếp tục nâng cấp, chỉnh trang hệ thống điện đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn huyện. Tiếp nhận các dự án để bổ sung, nâng cấp hệ thống trạm biến áp và đường dây; phấn đấu hệ thống điện toàn huyện an toàn đảm bảo gọn gàng, mỹ quan, an toàn.

- Trường học:Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn, đồng thời nâng cao số trường đạt chuẩn trên địa bàn huyện đạt 100% vào năm 2025. Nâng cao chất lượng chất lượng dạy học. Quan tâm công tác tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường các trường học, xây dựng nề nếp trong giảng dạy và học tập.

- Cơ sở vật chất văn hóa: Các xã, thị trấn tiếp tục củng cố, giữ vững 100% xã xóm, làng có nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; khai thác hiệu quả cơ sở vật chất văn hóa đã được đầu tư tại các xã, thị trấn.

- Chợ nông thôn: Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao kết cấu hạ tầng tại các chợ nông thôn theo hướng xã hội hóa; xây dựng trung tâm thương mại huyện đạt chuẩn theo quy định.

**c)Về Kinh tế và tổ chức sản xuất:**

**-** Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ theo hướng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, phấn đấu xây dựng ít nhất 01 vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ cao và được cấp mã vùng; phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại; củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã. Thu hút đầu tư để phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ trên địa bàn; phấn đấu lấp đầy trên 50% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn; xây dựng trung tâm thương mại huyện đạt tiêu chuẩn theo quy định; xây dựng, duy trì hoạt động, cập nhật thường xuyên, phát huy vai trò, hiệu quả cổng thông tin thương mại điện tử của huyện; xây dựng và triển khai thực hiệu có hiệu quả đề án OCOP.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề, mở các lớp dạy nghề ngắn hạn, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

**d) Văn hóa, y tế, giáo dục và môi trường**

- Văn hóa: Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn toàn huyện; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các làng, xóm cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và các di sản văn hóa trên địa bàn huyện; tiếp tục ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa thể dục thể thao đạt chuẩn. Trong đó, tập trung đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, các khu tập luyện thể dục thể thao ngoài trời. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm văn hóa, thể thao và thông tin huyện bằng việc kết nối thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao các địa phương trên địa bàn huyện.

- Giáo dục và Đào tạo:Tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục 100%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%. Duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10, trung học phổ thông, bổ túc đảm bảo đạt tỷ lệ theo quy định của tiêu chí nông thôn mới; Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất dạy và học đạt chuẩn; phấn đấu 100% trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trường trung cấp nghề KTKT hoạt động hiệu quả thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động.

- Y tế:Duy trì, giữ vững 100% xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế và 100% xã có bác sỹ khám chữa bệnh.Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chuyên môn, kỷ cương, đạo đức công vụ, và cam kết đổi mới tinh thần thái độ phục vụ, xây dựng các cơ sở khám, chữa bệnh xanh, sạch, đẹp hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở từ huyện đến xã. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa huyện đảm bảo nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân;đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT, phấn đấu nâng tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 95%.

- Về giảm nghèo và an sinh xã hội:Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình an sinh-xã hội ở xã, xóm. Phấn đấu đến năm 2025, tăng gấp 1,5 lần năng suất lao động trong nông nghiệp và thu nhập của lao động nông nghiệp khu vực nông thôn đạt 83-88 triệu đồng/ người/ năm.

- Môi trường:

+ Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; đưa tiêu chí nước sạch, vệ sinh môi trường vào hương ước, quy ước của làng, xóm.

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt. Phấn đấu 95% chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; 100% chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý đúng quy định; trên 80% chất thải, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường; trên 50% hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn; xây dựng hệ thống tiêu thoát, xử lý nước thải trong các khu dân cư; xây dựng hệ thống đấu nối và hệ thống mương, rãnh thoát nước hai bên các trục đường, đảm bảo trên 50% nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp; 100% cụm công nghiệp, các làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung; Hướng dẫn, vận động người dân xây dựng chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; xây dựng ít nhất 01 mô hình xử lý nước mặt ao, hồ bảo đảm quy định về môi trường; phát động nhân dân trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, xây dựng hệ thống đèn điện chiếu sáng dọc hai bên các trục đường giao thông, đảm bảo cảnh quan, không gian sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn..

+ Thường xuyên phát động và tổ chức phong trào toàn dân làm vệ sinh môi trường, "ngày chủ nhật xanh” và các phong trào làm sạch, đẹp môi trường phù hợp với từng địa phương, từng thời điểm.

**đ) Hệ thống chính trị, an ninh trật tự**

 Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để xẩy ra tình trạng khiếu nại tố cáo kéo dài, phát sinh, hình thành điểm nóng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, đối tượng phản động; coi trọng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân để đề cao cảnh giác, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong công tác bảo đảm an ninh trật tự; nhân rộng mô hình tổ an ninh tự quản ra địa bàn toàn huyện. Thường xuyên mở và thực hiện hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, kiềm chế sự gia tăng các loại tội phạm, tai, tệ nạn xã hội. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở,phấn đấu duy trì không có xã, thị trấn trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự.

**2. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí cấp huyện và xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu**

**a) Về nâng cao chất lượng các tiêu chí cấp huyện:** 100% các tuyến đường huyện được duy tu thường xuyên, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành các dự án giao thông đang triển khai như đường 35m, đường ven biển,... Khởi công đầu tư, xây mới một số tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt giai đoạn đến năm 2035; nâng cấp các hồ đập đảm bảo hiệu quả sử dụng; Hình thành vùng sản xuất giống lúa giống, lúa chất lượng cao tập trung diện tích 200-300 ha, tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại...; Phát triển chuỗi liên kết trong sản xuất phấn đấu 40-50% diện tích sản xuất nông nghiệp chủ lực trên địa bàn huyện có chuỗi liên kết phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu đến năm 2025 xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

**b) Về định hướng xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu**

Dựa trên kết quả 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nền tảng các giá trị văn hóa truyền thống của quê hươngQuỳnh Lưu; làm giàu thêm các giá trị văn hóa làng, xã; Quỳnh Lưuphấn đấu xây dựng thành công huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2030 theo chủ đề *“Xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững đi đôi với phát triển du lịch sinh thái”*. Song song với đó là chủ động quy hoạch, quản lý quy hoạch, xây dựng các điểm, cụm dân cư nông thôn theo hướng đô thị.

**IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

**1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng nông thôn mới**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về xây dựng nông thôn mới, đổi mới phương thức, cách tiếp cận, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Phát động rộng rãi các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới mang tính thực chất, đi vào chiều sâu, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, có tác dụng tạo sự đồng thuận cao và sức lan tỏa, làm thay đổi nhận thức của người dân cùng chung sức xây dựng nông thôn mới, đẩy lùi tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

Thường xuyên theo dõi, sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu qủa, phổ biến, nhân ra diện rộng. Khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời phê bình, khiển trách các cá nhân, tổ chức có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu tích cực trong việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

**2. Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân nông thôn**

- Triển khai thực hiện “phát triển nông nghiệp huyện Quỳnh Lưu gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050”một cách hiệu quả. Tập trung đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, chất lượng, an toàn thực phẩm, phát huy các lợi thế của từng vùng; tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu.Phát triển nông nghiệp theo hướng sạch, bền vững và áp dụng quy trình sản xuất VietGAP, GlobalGAP… trên một số cây trồng như rau, củ quả, dưa các loại, vật nuôi như gà, lợn.Đưa nhanh các giống lúa có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; hình thành các vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung chất lượng cao, hình thành nhiều các cánh đồng sản xuất lớn theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh liên kết sản xuất gắn tiêu thụ sản phẩm, gắn sản xuất với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu hàng hóa; xây dựng vùng trồng rừng nguyên liệu cho chuỗi dự án lâm nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnhchuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác, nuôi trồng thủy sản kết hợp gieo trồng lúa. Khai thác hiệu quả diện tích đất vùng đồi, tập trung thực hiện việc tích tụ ruộng đất hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Đến năm 2025, tỷ trọng ngành nông nghiệp còn khoảng 8,78%.

+ Tiếp tục mở rộng diện tích nông nghiệpứng dụng công nghệ cao để gieo trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế như dưa, rau củ quả,...đến năm 2025 diện tích rau của quả, hoa sản xuất theo công nghệ cao đạt 200-300 ha; phục tráng giống cây trồng có chất lượng cao, lúa lốc dâu, khoai chiêm dâu, cà pháo Quỳnh Lưu...; xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, gắn với công nghiệp chế biến như: gỗ, nguyên liệu giấy,...mở rộng diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với một số loại rau, cây ăn quả, lúa,... có lợi thế của huyện để tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong khu dân cư sang chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao vào trong chăn nuôi; khuyến khích sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để giảm chi phí, tạo đầu ra ổn định, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm, tăng nhanh đàn bò thịt. Mở rộng quy mô và tổng đàn vật nuôi có giá trị cao như lợn rừng, dê, nhím,... Phấn đấu đến năm 2025, tổng đàn trâu bò: 38.433 con, đàn lợn 43.127 con, đàn gia cầm 1,569 triệu con.

+ Đẩy mạnh trồng, thâm canh, nâng cao hiệu quả kinh tế rừng; khuyến khích phát triển trồng rừng kết hợp với chăn nuôi, trồng cây dược liệu dưới tán rừng. Chuyển đổi từ rừng keo nguyên liệu, khai thác gỗ non sang trồng và kinh doanh, khai thác rừng gỗ lớn,... gắn với quản lý rừng bền vững và thực hiện cấp chứng chỉ rừng (FSC). Nhân rộng các mô hình trồng cây lấy gỗ như dổi, lát, sáo đen... trên diện tích rừng phòng hộ. Nâng cao chất lượng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.Đến năm 2025, khai thác gỗ rừng trồng 135.000 m3.

+ Tập trung sản xuất thâm canh nuôi trồng thủy sản truyền thống; mở rộng diện tích, quy mô nuôi các con có giá trị kinh tế cao như tôm thẻ chân trắng, hàu, nghêu, ếch, cá rô phi đơn tính, cá quả, ốc bươu đen… và phương pháp nuôi để nâng cao hiệu quả, đẩy mạnh liên kết trong nuôi trồng và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích, áp dụng quy trình thực hành nuôi tốt (GAP) trong nuôi trồng thủy sản.Tập trung chuyển đổi diện tích đất gieo cấy lúa kém hiệu quảsang nuôi trồng thủy sản kết hợp gieo trồng lúa, phấn đấu đến năm 2025 ổn định diện tích nuôi trồng hàng năm đạt 1.522 ha.

+ Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn, trọng tâm là mở rộng hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, trong đó lấy người dân làm trung tâm, doanh nghiệp đóng vai trò dẫn dắt, quyết định tính hiệu quả và bền vững của liên kết. Hoàn thiện khung pháp lý về mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp, nhằm hình thành và phát triển các hình thức hợp tác, liên kếttrong nông nghiệp từ sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, trong đó có chế tài trong việc liên kết “4 nhà”.

- Thực hiện Chương trìnhMỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, trên toàn huyện, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, mang tính đặc trưng của từng địa phương trên địa bàn huyện. phấn đấu đến năm 2025 có trên 42 sản phẩm tham gia Chương trình OCOP được xếp hạng từ 3 sao trở lên và có ít nhất 01 sản phẩm được xếp hạng 5 sao.

- Tập trung thu hút đầu tư, đẩy mạnhphát triển các ngành nghề nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư. Đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ, phát triển các làng nghề, mở rộng các loại hình dịch vụ, chú trọng dịch vụ phục vụ sản xuất, du lịch và đời sống dân sinh; kết hợp du lịch sinh thái với du lịch trải nghiệm nông thôn mới.

- Thực hiện xã hội hoá đầu tư các công trình chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình công ích khác, nhất là đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

**3. Phát triển giáo dục, đào tạo, y tế**

- Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tranh thủ mọi nguồn lực xã hội, tăng cường xã hội hóa giáo dục để đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường; tạo điều kiện cho tư nhân mở các trường tư thục trên địa bàn huyện. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn.

- Bố trí nguồn lực đầu tư y tế, tăng cường xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ cho tuyến y tế cơ sở; đầu tư nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị, xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện đạt bệnh viện anh hùng. Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về Bảo hiểm y tế nhất là tới các đối tượng thuộc diện tham gia; huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ cho người dân tham gia Bảo hiểm y tế, nhất là hộ gia đình cận nghèo; vận động học sinh, hộ gia đình có mức sống trung bình mua Bảo hiểm y tế, góp phần tăng tỷ lệ người tham gia Bảo hiểm y tế.

**4. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa-xã hội; tăng cường đảm bảo an ninh trật tự; tiếp tục xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh:**

Thực hiện xã hội hóa mạnh mẽ các hoạt động văn hóa-xã hội, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân, hình thành nếp sống văn hóa, văn minh ở nông thôn. Giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới.

Huy động nguồn lực trong cộng đồng dân cư, con em thành đạt xã quê, các doanh nghiệp có tiềm lực và tâm huyết đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, khai thác các nguồn thu tại địa phương tạo nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng thuộc nhóm không có hỗ trợ của nhà nước. Bên cạnh đó, tổ chức lồng ghép các Chương trình mục tiêu với Chương trình xây dựng nông thôn mới như nước sạch vệ sinh nông thôn, nâng cấp hệ thống điện nông thôn, chương trình giảm nghèo,...

**5. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hoá, xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại**

Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các xã. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải xác định đây là Chương trình có tính chiến lược, là việc làm thường xuyên, lâu dài. Tập trung huy động nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, nhất là nguồn vốn hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, vốn nhân dân, kết hợp với nguồn vốn từ các doanh nghiệp, cá nhân,... sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để đạt mục tiêu về xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đầu tư các công trình có trọng tâm, trọng điểm vừa phục vụ thiết thực cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân; xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa theo quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ, huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

**6. Tăng cường Bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.**

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quan tâm thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang cảnh quan khu vực bên trong và ngoài khuôn viên cơ quan, đơn vị. Trước mắt đối với các cơ quan, công sở, trường học đầu tư trang bị các thùng rác, thực hiện tổ chức phân loại, thu gom rác thải theo quy định. Đối với các khu dân cư, huy động các nguồn tài trợ, xã hội hóa để lắp đặt các thùng thu gom rác thải tại khu dân cư, khu vực công cộng.

- Nâng cao ý thức tự giác của mỗi người dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, phát huy vai trò các tổ chức, đoàn thể nhân dân để duy trì, phát triển các “đoạn đường xanh sạch đẹp”, “đường hoa”, "tuyến đường cờ", trồng cây xanh, bóng mát ven đường,... để vùng nông thôn trở thành những miền quê đáng sống. Thành lập hợp tác xã môi trường nông thôn, nhất là tại các làng nghề, làng có nghề.

- Tích cực vận động người dân cải tạo vườn tạp, xây dựng các khu vườn chuẩn nông thôn mới, cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh nhà, ra ngõ, góp phần tạo bức tranh chung về nông thôn mang bản sắc Xứ Nghệ sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sản xuất theo hướng VietGAP, chương trình IPM, nông nghiệp hữu cơ, áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình canh tác, nuôi trồng; ưu tiên phát triển các ngành nghề khu vực nông thôn thân thiện với môi trường.

- Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tập trung thu hút đầu tư xây dựng các công trình, nhất là các công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và dân sinh trên địa bàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp và đời sống, sinh hoạt của người dân; chủ động, sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có thiên tai, bão lũ xảy ra.

**7.Củng cố, kiện toàn bộ máy, tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình NTM từ huyện xuống cơ sở:**

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình NTM theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ và hiệu quả.

- Tăng cường chất lượng hoạt động của Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện, bố trí cán bộ nông thôn mới chuyên trách cấp xã. Xây dựng hệ thống chỉ đạo, đồng bộ, hiệu quả; có bộ máy giúp việc đủ năng lực, chuyên nghiệp, sát thực tế.

- Tăng cường phối hợp giữa các ban ngành đoàn thể trong xây dựng nông thôn mới, đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo địa bàn, theo xóm và lĩnh vực được phân công; phát hiện và tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc ở cơ sở cũng như chấn chỉnh những tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước và phát huy vai trò các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến xã, xóm**

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, xác định rõ nội dung trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy trong công tác xây dựng Đảng và vận động quần chúng để các tổ chức đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong xây dựng nông thôn mới. Đưa nội dung xây dựng nông thôn mới thành tiêu chí thi đua hàng năm của các đơn vị, địa phương.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, phương thức hoạt động, vận động hội viên, đoàn viên tham gia tích cực thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới cụ thể góp phần xây dựng thành công huyện nông thôn mới nâng cao. Phát huy tốt vai trò giám sát, đánh giá, phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Phát huy hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giảm nghèo bền vững.

- Phát động ngày thứ 7 hàng tuần là ngày nông thôn mới để trực tiếp cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo thực hiện chương trình ở xã.

**9. Cơ chế chính sách huy động nguồn lực,**

- Xây dựng và có cơ chế chính sách hỗ trợ từ ngân sách, vốn hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình được Trung ương, tỉnh bố trí hàng năm, huy động tối đa từ ngân sách, xác định lĩnh vực chủ đạo để hỗ trợ, kết hợp huy động nhiều thành phần kinh tế tham gia đóng góp, giúp các xã chủ động trong việc phát triển hạ tầng, phát triển sản xuất cũng như thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các công trình hạ tầng nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo duy trì, nâng cao chất lượng các công trình và chỉ tiêu trong tiêu chí xây dựng nông thôn mới đã đạt được.

- Tập trung huy động có hiệu quả nguồn lực từ đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn để thực hiện nông thôn mới. Chủ động cân đối, bố trí lồng ghép, huy động mọi nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung xây dựng nông thôn mới.

- Tăng mức hỗ trợ các nguồn vốn trực tiếp trong Chương trình xây dựng Nông thôn mới cho các địa phương còn nhiều khó khăn; đối với các xã phấn đấu về đạt nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu cần ưu tiên bố trí các nguồn vốn nhiều hơn để tạo điều kiện cho các xã hoàn thành mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

- Lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia; các Chương trình dự án hỗ trợ có mục tiêu như: Chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình phát triển lâm nghiệp; hỗ trợ thành lập mới HTX, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi,…

- Huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; vốn của các cá nhân trong và ngoài nước, vốn cả con em làm ăn xa quê hương.

- Tiếp tục vận động xã hội hóa thực hiện Chương trình trên cơ sở phù hợp với sức dân; khơi dậy, phát huy tính tự giác, tự nguyện của người dân, công khai rõ ràng để tạo sự tin tưởng cho các các tổ chức cá nhân hỗ trợ giám sát thực hiện. Vốn đóng góp của nhân dân bằng hiến đất, ngày công lao động và bằng tiền theo từng hạng mục công trình cụ thể; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân hưởng thụ”. Rà soát quy hoạch sử dụng đất, tạo quỹ đất bán đấu giá để tăng nguồn vốn đầu tư cho Chương trình. Tập trung đầu tư ưu tiên trước cho những công trình mang ý nghĩa, lợi ích cộng đồng cao;

- Khuyến khích giao cho xóm, tổ liên gia hưởng lợi từ thực hiện các công trình có quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản theo cơ chế đầu tư đặc thù để vừa nâng cao được ý thức, trách nhiệm xây dựng quê hương, vừa nâng cao thu nhập, tạo việc làm, nâng cao trình độ quản lý cho cộng đồng dân cư, tạo sự hứng khởi và đồng thuận trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

**10. Xây dựng kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM, xây dựngNTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.**

Xây dựng nông thôn mới là Chương trình mang tính chiến lược lâu dài, những kết quả đạt được đến nay mới chỉ là kết quả bước đầu, quán triệt quan điểm xây dựng nông thôn mới không có điểm kết thúc với mục tiêu hoàn thiện đầy đủ điều kiện về kết cấu hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, xã hội ổn định để xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững. Trong đó tập trung một số nội dung:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả các tiêu chí NTM, xác định rõ các tiêu chí trọng tâm để tập trung chỉ đạo, nhất là các tiêu chí thiếu tính bền vững, như môi trường, thu nhập, văn hóa, an ninh trật tự.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kinh tế-xã hội; tôn tạo và xây mới các công trình theo quy hoạch nhằm đảm bảo tính bền vững của Chương trình; khảo sát, lập dự án các tuyến đường cần nâng cấp, xây dựng thống mương thoát nước, hệ thống chiếu sáng tại các tuyến đường liên xã, đường trục thôn, xóm, các biển báo, chỉ dẫn giao thông đảm bảo đồng bộ trên địa bàn huyện. Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã nhằm tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội; tăng mức độ hưởng thụ cho cư dân nông thôn.

- Đẩy mạnh thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung sản xuất theo hướng hàng hóa từ đó xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện “Chương trình mỗi làng xã, một sản phẩm”; sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao và bền vững, trên cơ sở liên kết và kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư, liên kết và tiêu thụ sản phẩm. Từ đó nâng cao hiệu quả canh tác trên đơn vị diện tích và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là các nghề truyền thống nhằm chuyển dịch lực lượng lao động nông nghiệp sang tiêu thủ công nghiệp và du lịch, dịch vụ; giải quyết việc làm, nâng cao tỷ lệ lao động có viêc làm thường xuyên ở nông thôn.

- Chăm lo, tôn tạo, làm đẹp cảnh quan môi trường, phát triển các loại hoa, cây xanh ở nơi công cộng; tuyên truyền, vận động các hộ gia đình cải tạo, xây dựng vườn chuẩn nông thôn mới đảm bảo hiệu quả; từng bước thay thế hệ thống tường bao quanh nhà bằng các hàng rào cây xanh, sạch đẹp. Khuyến khích xây dựng các mô hình du lịch trải nghiệm, du lịch trong nông nghiệp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả đề án phát triển du lịch, để bảo tồn và phát huy các khu di tích lịch sử, văn hóa nhằm khai thác và phát huy tiềm năng về du lịch của huyện; tăng cường công tác xúc tiến du lịch nhằm quảng bá, giới thiệu tiềm năng du lịch. Đồng thời thực hiện tốt quy chế, hương ước, quy ước hoạt động của làng, xóm trong việc cưới, việc tang, hình thành nếp sống văn minh trong khu dân cư. Xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới; phát triển mạnh các phong trào văn hóa, thể thao cơ sở; bảo tồn và phát huy các giá trị tốt đẹp của các hoạt động văn hóa truyền thống. Nâng cao tỷ lệ làng văn hóa, hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”; tăng cường công tác quân sự, quốc phòng địa phương, giải quyết đơn thư của công dân và phòng chống tội phạm, phòng chống tham nhũng để giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội trong thời kỳ mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức Chính trị-Xã hội và giám sát cộng đồng dân cư đối với xây dựng NTM.

Trên đây là Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện Quỳnh Lưu giai đoạn 2010-2021. Uỷ ban nhân dânhuyện Quỳnh Lưu kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thẩm tra; đề nghị các Bộ, ngành Trung ương thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Quỳnh Lưu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.

 **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU**

1. Lễ hội Đền Quy Lĩnh (Quỳnh Lương), Lễ hội Cầu Ngư (các xã vùng biển), Lễ Kỳ phúc (Quỳnh Đôi), Lễ khai trương du lịch Biển Quỳnh... [↑](#footnote-ref-2)
2. Trong 10 năm huyện đã trích ngân sách mua 39.952 tấn xi măng hỗ trợ các xã làm hơn 200 km đường bê tông GTNT. [↑](#footnote-ref-3)
3. Hỗ trợ 300-500 triệu đồng xây dựng cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia. [↑](#footnote-ref-4)
4. Hỗ trợ 200-300 triệu đồng xây dựng trạm y tế xã để đạt chuẩn quốc gia. [↑](#footnote-ref-5)
5. Hỗ trợ 200 triệu đồng xây dựng chợ nông thôn. [↑](#footnote-ref-6)
6. Hỗ trợ 150-300 triệu đồng xây dựng nhà văn hóa xóm đối với xóm chưa có nhà văn hóa; 700 triệu - 1 tỷ đồng xây dựng nhà văn hóa xã. [↑](#footnote-ref-7)
7. Hỗ trợ 350 triệu đồng để xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất hoa, rau, củ, quả chất lượng cao trong nhà màng hoặc nhà lưới có diện tích từ 2.500 m2 trở lên. Trong 10 năm đã hỗ trợ 2,8 tỷ đồng để xây dựng 8 mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong 25 nhà màng, gieo trồng trên giá thể, áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt hoàn toàn tự động với tổng diện tích 40.900 m2. [↑](#footnote-ref-8)
8. Đài Truyền thanh, truyền hình huyện (Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông) xây dựng trên 840 bài, phóng sự, gương người tốt, việc tốt, trên 3.450 tin, 32 chuyên đề về Nông thôn mới. Xây dựng được nhiều phóng sự để đi thi các giải của trung ương và tỉnh. [↑](#footnote-ref-9)
9. Toàn huyện có 925 máy cày, 81 máy gặt đập liên hợp và trên 400 máy tuốt lúa có động cơ [↑](#footnote-ref-10)
10. Gồm các giống chất lượng cao: Long Hương 8117, Thái Xuyên 111, Lai thơm 6. [↑](#footnote-ref-11)
11. Tại các xã vùng nông giang Quỳnh Lâm, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Diễn, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Hậu, Quỳnh Giang, Quỳnh Văn, Quỳnh Hồng, ..... [↑](#footnote-ref-12)
12. Tại các xã vùng Bán sơn địa: Quỳnh Thắng, Tân Thắng, Quỳnh Tân, Quỳnh Tam, Ngọc Sơn, Tân Sơn, Quỳnh Châu. [↑](#footnote-ref-13)
13. Tại các xã vùng ven biển: Quỳnh Minh, Quỳnh Bảng, Quỳnh Lương [↑](#footnote-ref-14)
14. Tại các xã Quỳnh Giang 9.200 m2, Quỳnh Hoa 12.000 m2, Quỳnh Minh 3.000 m2, Quỳnh Lương 1.000 m2, Tân Sơn 1.000 m2, Quỳnh Nghĩa 1.000 m2, Quỳnh Bảng 1.000 m2 [↑](#footnote-ref-15)
15. Cây Dứa hơn 1.000 ha tại Tân Thắng, Quỳnh Thắng. Cây Cam, quýt, ổi, thanh long khoảng 70 ha tại các xã Quỳnh Châu, Quỳnh Thắng, Ngọc Sơn, Quỳnh Tam ... [↑](#footnote-ref-16)
16. Năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo 13,01%, đến năm 2015 theo chuẩn nghèo đa chiều toàn huyện có 2.954 hộ nghèo/52.256 hộ chiếm tỷ lệ 5,65%, hộ cận nghèo 5.009/52.256 hộ chiếm tỷ lệ 9,59%. Đến cuối năm 2020 toàn huyện có 465 hộ nghèo/57.960 hộ chiếm tỷ lệ 0,8%, có 1.963/57.960 hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 3,39%. [↑](#footnote-ref-17)
17. Hàng năm tổ chức giao quân 263 người, tổ chức huấn luyện DQ năm thứ nhất thời gian 15 ngày, quân số 630 đ/c; huấn luyện DQ năm thứ hai đến năm thứ tư thời gian 12 ngày, quân số 2.520 đ/c;Đăng ký, hướng dẫn làm hồ sơ tuyển sinh và tổ chức khám sức khỏe cho 154thí sinhđăng ký dự thi; có 33 thí sinh trúng tuyển vào các trường Quân đội.

Hội đồng Giáo dục QP-AN cử 48 đ/c; mở 4 lớp bồi dưỡng KTQP&AN cho đối tượng 4 tại huyện, quân số 504 đ/c, bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho 338 đ/c Thôn đội trưởng. [↑](#footnote-ref-18)
18. Liên kết sản xuất lúa giống QP5 chất lượng cao với 633 hộ dân tại 66,6 ha/vụ của HTX DVNN Sơn Lâm, xã Quỳnh Lâm và HTX DVNN Sơn Mỹ, xã Quỳnh Mỹ; Liên kết sản xuất lúa Nếp N97 chất lượng cao với 270 hộ tại 30 ha/vụ của HTX DV NN-DN Minh Châu, xã Quỳnh Ngọc; Liên kết sản xuất rau, củ, quả an toàn với 40 hộ dân tại 15ha/vụ của HTX KDDV NN-DN Quỳnh Minh, xã Quỳnh Minh; Liên kết sản xuất ngô ngọt với 588 hộ dân tại 60 ha/vụ của HTX DVNN Toàn Thắng, xã An Hòa; HTX DVNN Bút Lĩnh, xã An Hòa; Liên kết sản xuất ớt cay với 201 hộ dân tại 15ha/vụ của HTX DVNN Toàn Thắng, xã An Hòa; Liên kết sản xuất Gỗ rừng trồng với 25 hộ dân tại 454 ha của HTX Lâm nghiệp tổng hợp Quỳnh Thắng. [↑](#footnote-ref-19)
19. Như mô hình “Câu lạc bộ Cựu chiến binh với công tác đảm bảo ANTT”; “Thôn, xóm không có tội phạm và tệ

nạn xã hội”; “Tự phòng, tự quản, tự hòa giải và tự tố giác tội phạm”; “Dân vận khéo trong đảm bảo ANTT và xây dựng nông thôn mới”; mô hình “công tác phối hợp đảm bảo ANTT giữa các xã giáp ranh”; mô hình “Phối hợp đảm bảo ANTT tại địa bàn giáp ranh” giữa Quỳnh Lưu và thị xã Hoàng Mai; "Xóm không có tội phạm và TNXH” ….; trong đó năm 2021 xây dựng mới hơn 20 mô hình, điển hình tiên tiến. [↑](#footnote-ref-20)
20. Như“Giáo xứ, giáo họ bình yên chung tay xây dựng NTM” và “Giáo họ bình yên không có tệ nạn xã hội” ở khối 7 (Tân Lập, thị trấn Cầu Giát), Vạn Thủy (Quỳnh Hưng), Tân Thịnh (Vĩnh Yên, xã An Hòa), Phú Xuân (Quỳnh Tam), Hạ Nguyên (Quỳnh Hồng), thôn 8 (Quỳnh Yên), Thọ Đồng (Quỳnh Thọ), “Khu dân cư lương giáo đoàn kết, tự quản, tự phòng, tự bảo vệ” tại TT Cầu Giát; “Giáo họ bình yên” tại xã Quỳnh Hưng; “"Giáo họ bình yên, đoàn kết, chung tay xây dựng nông thôn mới tại giáo họ Hạ Nguyên, xóm 9, xã Quỳnh Hồng; xây dựng “Quy chế phối hợp giữa Hội Cựu chiến binh xã, Ban Công an xã, Ban công tác Mặt trận thôn Tân Thịnh, xã An Hòa và Hội đồng mục vụ giáo xứ Vĩnh Yên trong công tác đảm bảo ANTT”… [↑](#footnote-ref-21)